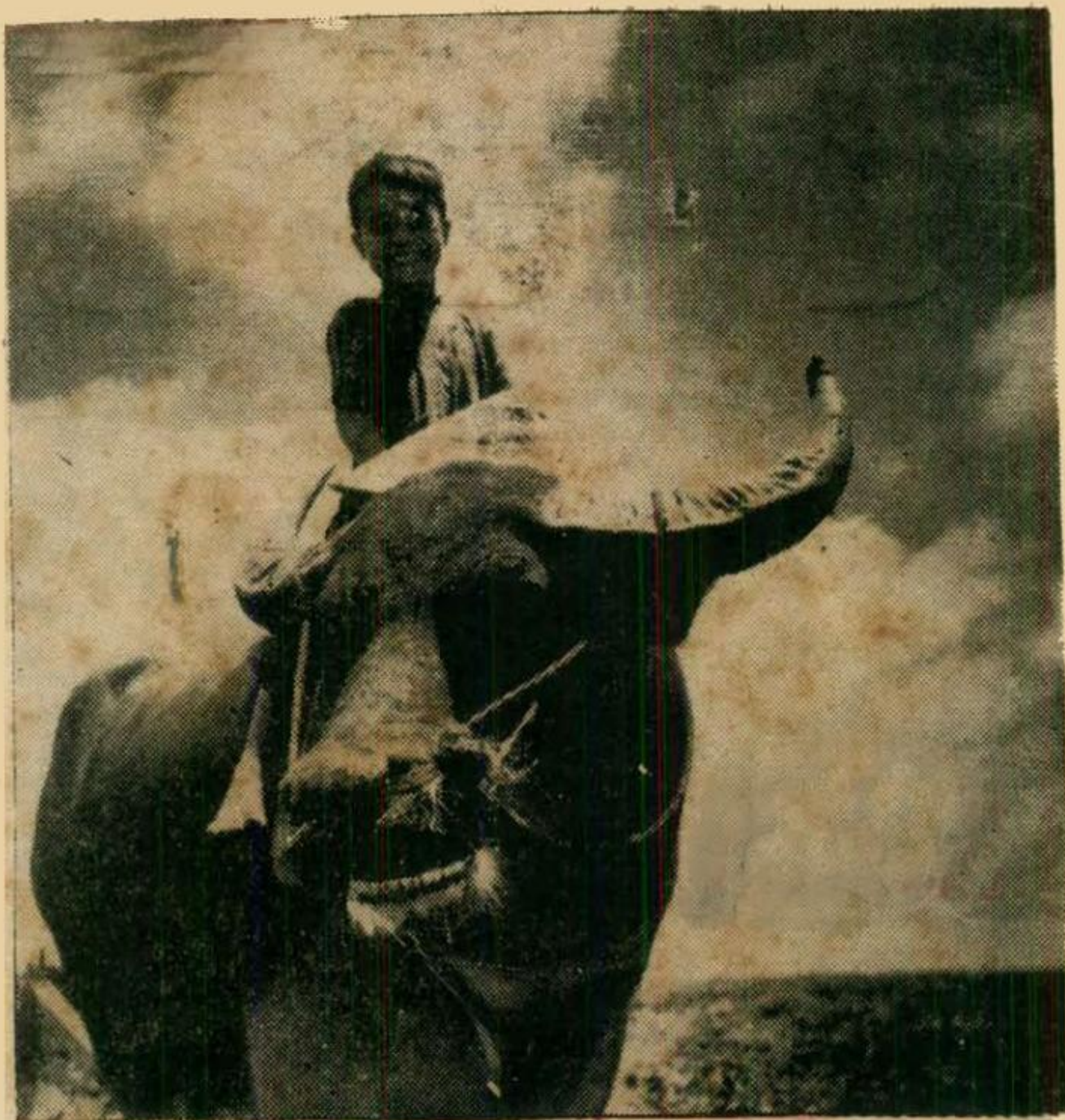




Giai phẩm

BACH KHOA

TÂN NIÊN

G 387

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.100đ.

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu)	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

G:

TỪ MINH đầu năm Quý Sửu, một nền hòa bình bất ổn	05
BÁCH KHOA đàm thoại với ông Giản Chi về Giải Tuyên dương sự nghiệp Văn chương, Học thuật, Mỹ thuật 1972	13
LÊ THANH THÁI đầu năm nói chuyện tương số	19
NGUYỄN HIỂN LÊ kỷ nguyên tiêu thụ và nghề viết văn	23
VÕ PHIẾN từ chuyện áo quần ngày Xuân	31
TOAN ÁNH chơi câu đối	37
DOHAMIDE thân phận người sơ khai	47
HUỲNH VĂN LANG ông Diệm, ông Nhu và bà Nhu (Hồi ký: Chứng nhân một chế độ)	55
TỪ MINH Harry S. Truman, một vĩ nhân bất đắc dĩ	63
NGUYỄN VĂN XUÂN giai thoại một thời: Cái oai của Tả quân	75
NGUYỄN NGU Í một bức thư đầu năm	77
DU TỬ LÊ khi trở lại trường (thơ)	84
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN lễ phát giải thưởng Bút Việt 72	85
TRĂNG THIÊN chúc Tết đồng bào miền Bắc	86
BÁCH KHOA một tạp chí cho trẻ em Việt ở nước ngoài	87
TRĂNG THIÊN thời sự văn nghệ	89

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ: 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại: 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ: 100\$ Công sở: 200\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-2-72

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Phê bình văn học thế hệ 1932 tập 2 của L.M. Thanh Lăng, do Phong trào Văn-hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 552 trang gồm những vụ án văn học : Duy tâm duy vật, nghệ thuật vị nghệ thuật và vị nhân sinh, vụ Cô giáo Minh, Hàn Mặc tử ; Những trường phái, các khuynh hướng phê bình Văn học từ Phan khôi, Thiều Sơn đến Đào Duy Anh, Kiều Thanh Quế (17 người) có thêm bài Bạt : Vụ án Đạo văn do tác giả là nạn nhân với đầy đủ tài liệu. Giá 700đ.

— Bài học của lịch sử nguyên tác « The Lessons of History » của Will và Ariel Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc. Lá Bối xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 184 trang gồm 13 bài : Lịch sử và trái đất, tôn giáo, kinh tế, chiến tranh v.v..., Phụ lục : bài học về nhân sinh quan. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 280đ.

— Những tháng ngày có em do Liêu Quốc Nhĩ phóng tác theo « Anh tử cô nương » của Từ Túc, Phương Đông xuất bản và gửi tặng. Sách dày 486 trang, trình bày đẹp. Giá 500đ.

— Một lối chép gia phả thật đơn giản của Dã lan Nguyễn Đức Dụ do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang, in ronéo-offset rất trang nhã, có những chương : Luận về Gia phả. Một lối chép gia phả đơn giản, Gia đình và gia phả, Gia phả ở miền Nam. Phụ lục : 23 bài văn khấn thông dụng, và Phụ khảo về làng họ Bùi Viện và làng họ Dương.

— Đạo Phật áp dụng vào đời hàng ngày của Thích Huyền Quang Thích Nhất Hạnh do Viện Hóa Đạo xuất bản và gửi tặng. Cương lĩnh giáo lý nhập thế của Phật giáo V.N. hiện đại dày 142 trang gồm 7 chương : Đạo Phật và sự sống, Xây dựng bản thân, gia đình, xóm làng, giáo hội, quốc gia, thế giới. Bản đặc biệt. Giá 220đ.

— Góp nhặt cát đá của Thiền sư Muju (Vô Trú) bản dịch của Đỗ Đình Đồng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang, in lần thứ 2, Bản đặc biệt.

CÁO LỖI

— Đầu năm vì phải chấn chỉnh lại việc ấn loát và cũng vì số trang kỳ này nhiều hơn các kỳ trước nên Bách Khoa đã ra trễ mất 4, 5 ngày.

— Riêng tại số này có nhiều bài ở số Tết còn tiếp lại, thêm nữa có nhiều bài biên khảo cũng khá dài nên một số thơ và truyện lại phải dành cho số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và quý bạn gửi bài.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Đầu năm Quý-Sửu

Một nền hòa-bình bất ổn

• TỪ MINH

Ngày 24-1-1973 hồi 11 giờ sáng hai chính phủ Saigon và Hoa-thịnh-đốn đã cùng một lúc tuyên bố là tại Paris hai ông Kissinger và Lê Đức Thọ đã đạt được một thỏa hiệp ngưng bắn tại Việt-Nam. Và độ nửa giờ sau thì phe Cộng-sản cũng loan báo tin tức tương tự. Hòa-bình đã trở lại Việt-Nam sau 1/4 thế kỷ chiến tranh. Nhưng nếu tại miền Bắc bom đạn đã ngưng trút xuống từ 15-1 thì tại Miền Nam này, ngay sau khi các vị Ngoại-trưởng liên-hệ ký các văn-kiện ngưng chiến tại Paris (27-1) để chính thức khai sanh cho một nền hòa bình thai nghén từ 4 năm nay, thì súng vẫn tiếp tục nổ, bom vẫn tiếp tục rơi và hiện vào giờ phút này

các vụ vi phạm ngưng bắn vẫn đều đều tiếp diễn...

Thật ra thì Hiệp-định Ba-lê ngày 27-1-1973 chỉ là một giải pháp quân sự cho một tình trạng bế tắc quân sự, một lối thoát cho tất cả các phe liên-hệ. Nhưng nền hòa bình khai sinh tại bàn hội nghị Paris có bền vững hay không còn tùy thuộc ở giải pháp chính trị. Mà giải pháp chính trị do bản hiệp định phác họa lại chỉ là một giải pháp khập khiễng. Muốn đi tới một giải pháp chính trị phù hợp với nguyện vọng của các phe người ta thấy trong tương lai, các phe phải có thật nhiều thiện chí và còn phải nhượng bộ lẫn nhau rất nhiều.

I) MỘT LỐI THOÁT QUÂN SỰ

Sau 3 năm trực tiếp tham chiến tại Việt Nam với 500.000 quân và một bộ máy chiến tranh vĩ đại, Hoa-kỳ đã tỏ ý muốn rút khỏi cuộc chiến tranh không thể thắng tại Việt Nam. Dấu hiệu đầu tiên của ý định rút lui đã được cố Tổng Thống Lyndon Johnson tiết lộ trong bài diễn văn truyền hình và truyền thanh ngày 31-8-1968, khi ông quyết định ngưng oanh tạc Bắc Việt và chuẩn bị xuống thang chiến cuộc.

Khi Tổng-Thống Richard Nixon lên cầm quyền vào đầu năm 1969, ông đã cam kết là sẽ giải quyết chiến

tranh và đồng thời ra lệnh rút dần quân về. Hòa hội Paris, triệu tập dưới thời ông Johnson, đã được ông Nixon tích cực đẩy mạnh. Đồng thời ông Nixon đã ra lệnh cho cố vấn Henry Kissinger, mở song song với hòa đàm Paris, các cuộc mật nghị với Lê Đức Thọ.

Như vậy ngay từ năm 1968 vấn đề Việt Nam đã bắt đầu chuyển hướng. Dữ kiện chính của vấn đề không còn là chiến tranh nữa mà là ý định của Hoa kỳ quyết chấm dứt chiến tranh. Tất cả hoạt động của các phe liên hệ trong cuộc chiến đều xoay quanh

đỡ-kiện căn bản này. Mỹ rút quân, Mỹ tái oanh tạc Bắc Việt, chính sách « Việt-Nam-hóa », Bắc Việt vượt tuyến đánh lớn v.v... phe nào cũng đều nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh với ưu thế.

Mỹ sở dĩ muốn chấm dứt chiến tranh cho kỳ được chỉ vì từ xưa tới nay Mỹ chỉ quen với những cuộc chiến tranh ngắn hạn và mỗi khi Hoa-kỳ can thiệp quân sự thì quân đội Hoa-kỳ hầu như cầm chắc phần thắng. Các cuộc Đệ nhất và Đệ nhị thế chiến đã cho Hoa-kỳ thói quen này. Tại Việt Nam, Mỹ đã phải đối phó với một cuộc chiến tranh dai dẳng và đặc biệt mà sức mạnh kỹ nghệ do Hoa kỳ vận dụng đã không nghiêng nát được đối phương và chấm dứt được cuộc chiến vì nguồn yểm trợ liên tục về người và vũ khí của Bắc Việt, và chính Bắc Việt lại được hưởng nguồn viện trợ lớn lao, do Nga xô, Trung Cộng và các nước Cộng sản cung cấp.

Tuy nhiên từ tháng 4-72 đến nay, sau những thiệt hại lớn lao về người và vũ khí trong những trận tấn công đại qui mô ở Miền Nam, sau những cuộc tái oanh tạc khốc liệt và cuộc phong tỏa của Hoa kỳ tại duyên hải Miền Bắc, Bắc Việt đã bị tiêu hủy tất cả những cơ sở kinh tế và quân sự chính yếu, đã bị kiệt quệ cả tài nguyên nhân lực nên không còn đủ sức duy trì cuộc chiến, nhưng cũng không thể nhất đán bỏ rơi hẳn phe Cộng sản Miền Nam được. Do đó mà Hiệp-định Paris đã là một lối thoát duy nhất cho Bắc Việt trong tình trạng tiến thoái lưỡng

nan của cuộc chiến này.

Đối với Nam-Việt, Hiệp-định Paris cũng có lợi không kém, vì căn cứ vào đó chính phủ Việt Nam Cộng Hòa có thể giải quyết được vấn đề trong khuôn khổ nội bộ, nếu thực tình các phe đều tôn trọng hiệp định đã ký kết. Điều 7 của hiệp định đã ghi rõ: « ...hai bên miền Nam Việt-Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh ».

Ngoài ra điều 9 của hiệp-định còn buộc « Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Chính phủ Hoa Kỳ cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam... »

Như vậy, chính phủ Nam-Việt có thể dàn xếp với phe Cộng-sản miền Nam một cách dễ dàng hơn, khi không có yểm trợ cũng như áp lực của Bắc Việt đối với họ.

Đối với Mặt trận Giải Phóng Miền Nam thì hiệp định Paris cũng đã tạo ra cho họ địa vị chính thức của một người đối thoại có thẩm quyền (Interlocuteur valable) để thương thuyết với chính phủ Nam Việt. Với địa vị này Mặt trận Giải Phóng Miền Nam có dịp đề xuất hiện trên chính trường Nam Việt trong khuôn khổ hợp pháp và hiến định hiện thời; cũng là điều mà chính Chính phủ Nam Việt đã từng nêu ra từ nhiều năm nay.

Nói tóm lại Hiệp-định Paris ngày 27-1 đã cho phép cả Hoa-kỳ và

Bắc Việt được rút ra khỏi cuộc chiến không lối thoát; và người ta coi vấn đề chính trị là một vấn đề nội bộ

của miền Nam để mặc cho Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Mặt trận Giải phóng Miền Nam tự dàn xếp lấy.

II) MỘT GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ KHẬP KHIỂN

Về vấn đề chính trị, Hiệp-định Paris ngày 27-1-1973 chỉ đặt nền móng cho chính-sách đối nội và đối ngoại tương lai của miền Nam mà thôi,

Hiệp-định đã đề cho Chính phủ V. N.C.H và Mặt trận Giải phóng tự tìm lấy căn bản của một sự hợp tác giữa hai bên. Sự hợp tác này sẽ được thực hiện bằng việc đối phương chấp nhận chính thể hiện hữu, tham dự các cuộc bầu cử Thượng Hạ viện hay Tổng-Thống trong tương lai hoặc là tu chính hiến pháp, sửa đổi chính thể hiện hữu... tất cả các phương thức này đều phải tùy thuộc ở sự thỏa thuận chung của hai phe.

Đoạn b của điều 9 ấn định rằng nhân dân miền Nam Việt-nam sẽ tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam qua tổng tuyển cử tự do dân chủ, có giám sát quốc tế.

Điều 12 ấn định rằng sau khi ngưng bắn hai bên miền Nam Việt-nam sẽ hiệp thương để thành lập Hội-đồng Quốc-gia Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc có nhiệm vụ thi hành hiệp định, tổ chức tổng tuyển cử. Hội đồng Quốc gia Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc làm việc theo nguyên tắc nhất trí.

III) MỘT NỀN HOÀ BÌNH BẤT ỔN

Trên 2 tuần lễ sau khi Hiệp-định được ký kết, phe Cộng-sản vẫn tiếp

Trong điều 9 người ta không thấy hiệp-định nói rõ Tổng tuyển cử để làm gì? Tổng tuyển cử đây liệu có nghĩa là một cuộc trưng cầu dân ý về một chính thể Việt-Nam Cộng-Hòa có sự tham dự của Mặt trận Giải phóng hay không? Tổng tuyển cử có phải là để bầu các cơ quan chính quyền mới như điều 12 nói phác qua hay không? Đó là những câu hỏi tùy thuộc sự giải thích của mỗi bên. Tất nhiên không khi nào người quốc gia lại chấp nhận thay đổi chính thể hiện thời. Nhưng nếu đối phương tham dự chính quyền thì Hiến pháp hiện hữu cũng phải được tu chính ở một vài điều khoản. Đó là những quan điểm hoàn toàn trái ngược mà không thể nào dung hòa được.

Hội đồng Quốc gia Hòa giải và Hòa hợp dân tộc không phải là một cơ cấu chính quyền. Mọi quyết định đều phải được các hội viên nhất trí chấp thuận. Vì vậy mà mỗi hội viên của mỗi phe đều có quyền phủ quyết. Một hội đồng như thế làm sao tránh khỏi bị tê liệt nhất là khi phe Cộng-sản nhất quyết dùng chính trị để thực hiện những mục tiêu mà họ không đạt được bằng quân sự.

tục tấn công và pháo kích. Người ta có cảm tưởng rằng họ chỉ muốn lợi

dụng cuộc ngưng bắn đề chính đồn hàng ngũ hầu tán công trở lại. Võ Nguyên Giáp đã sửa lời của Clausewitz đề tuyên bố rằng: «Hoà bình chỉ là sự tiếp tục chiến tranh bằng những phương tiện khác».

Thật ra thì Bắc Việt cũng phải nhượng bộ rất nhiều. Họ không còn đòi xoá bỏ chế độ Nam Việt hiện hữu, không đòi Tổng Thống Thiệu ra đi. Ngoài ra họ bằng lòng thành lập một Ủy-hội quốc tế kiểm soát và giám sát ngưng bắn với một lực lượng đông đảo là 1160 người ở rải rác khắp trên lãnh thổ Nam Việt tuy rằng trước kia họ chỉ chịu có 250 người.

Một nhượng bộ quan trọng hơn nữa của Bắc Việt là họ chính thức thừa nhận một quốc gia Nam Việt hợp hiến và hợp pháp và cam kết tôn trọng nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân Nam Việt Nam như một quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm (Điều 9). Họ còn cam kết tôn trọng khu Phi quân sự ở hai bên vĩ tuyến 17, được ấn định tại Genève 1954.

Trong điều 3 hiệp định có nói tới Việt Nam Cộng Hoà còn trong suốt toàn bản hiệp định, danh xưng «Chính phủ Cách mạng Lâm thời» hay Mặt trận Giải Phóng Miền Nam» đều không hề được nhắc tới.

Điều duy nhất mà Nam Việt và Hoa-kỳ không đạt được là việc yêu cầu Bắc Việt rút quân khỏi miền Nam. Bắc Việt từ xưa đến nay vẫn phủ nhận việc họ gửi quân vào Nam vì vậy họ từ chối mọi điều quy định việc họ rút quân. Nhưng thật ra thì sự nhượng bộ này của phe Việt Mỹ chỉ có tính cách lý thuyết. Quân

của Bắc Việt xâm nhập Nam Việt hiện thời khoảng 300 000, hay phân nửa số này tùy theo nguồn tin. Nhưng số quân này nếu không được rút về để phục vụ cho việc tái thiết Bắc Việt, thì có lưu lại — theo sự qui định của Hiệp định Paris — họ cũng phải án binh bất động trong những khu vực được đồn trú, không còn thể là lợi khai tấn công của Mặt trận Giải phóng, khi mà chiến tranh thực sự đã chấm dứt.

oOo

Nói tóm lại về phương diện quân sự Hiệp định Paris đã tách rời hai vấn đề chính trị và quân sự ở Nam Việt Nam Phần lớn các điều khoản của Hiệp định đề cập tới vấn đề ngưng bắn và bảo đảm ngưng bắn. Các vấn đề chính trị, nhất là tương lai chính trị miền Nam thì chỉ được đề cập trong một số các điều khoản mà thôi. Mỹ và Bắc Việt có nhiệm vụ thực hiện và bảo đảm việc ngưng bắn trong khi vấn đề chính trị thì hoàn toàn được trao cho chính phủ Việt Nam Cộng Hoà dàn xếp với Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Hiệp định Paris là một văn kiện khá tốt đẹp, nếu được cả hai bên có thiện chí tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh. Thực tế thì trước và sau Tết Quí Sửu, súng vẫn nổ, máu người Việt lại càng chảy nhiều hơn trước. Theo nguồn tin chính thức ở Sài Gòn thì trong 12 ngày đầu, từ khi Hiệp định ngưng chiến có hiệu lực, đã có trên 2.000 vụ Cộng sản vi phạm và kết quả là phía Cộng sản vừa bị chết và bị bắt ngót 5.000 người và về phía Quốc gia số người bị thương (3350) bị chết và mất tích (1600) cũng tương đương, chưa kể số thường dân bị thương bị tai nạn hay nhà tan cửa nát. Nền nòa bình ở Việt Nam vào đầu năm Quí Sửu này quả thực là bất ổn!

TU MINH

Đàm thoại với Ô. Giản-Chi về Giải Tuyên dương Sự nghiệp Văn chương, Học thuật và Mỹ thuật 1972

L.T.S. Giải Tuyên dương Sự nghiệp Văn chương Học thuật và Mỹ thuật 1972 là một sáng kiến hay. Tuy nhiên thể lệ cũng như kết quả lại làm nhiều người không được thỏa mãn như dư luận báo chí đã phản ánh và Ủy ban tổ chức (Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa) đã phải nhiều lần lên tiếng. Đề bạn đọc khỏi thắc mắc và đề góp ý cho Giải Tuyên dương năm kế tiếp được kết quả tốt đẹp hơn, Bách Khoa đã tới thăm hỏi một vài vị Giám khảo của giải năm 1972 cũng như của các giải những năm về trước. Và cuộc đàm thoại với Ô. Giản Chi, Chủ tịch Hội đồng tuyển trạch năm 1972, mở đầu cho loạt bài này.



Ông Giản Chi

Cũng xin giới thiệu cùng bạn đọc, Ô. Giản Chi—tên thực: Nguyễn Hữu Văn—sinh năm 1909 tại Hà nội là Giáo sư các trường Đại học Văn khoa Saigon, Huế, Dalat và Đại học sư phạm Saigon từ năm 1966. Các tác phẩm đã xuất bản của ông tại Nam phần là: Đại cương Triết học Trung quốc, Chiến quốc sách, Sử kí Tư-Mã-Thiên (Cả 3 cuốn cùng soạn với Ô. Nguyễn Hiến Lê), Ả Qui chính truyện (dịch Lỗ Tấn), Tuyển tập Lỗ Tấn, Cái đêm hôm ấy (dịch S. Maugham). Ô. Giản Chi làm Giám khảo Giải thưởng của Tổng Thống năm vừa qua là lần thứ 3.

BÁCH KHOA :— Mọi năm vẫn có giải thưởng nhằm khám phá những tác phẩm giá trị trong năm, năm nay giải này được thay thế bằng giải tuyên dương sự nghiệp. Xin ông cho biết ý kiến về sáng kiến lập giải mới này.

GIẢN CHI :— Theo chúng tôi biết, Phủ Văn Hóa đã xin tổ chức phát giải này từ 1970. Vì công việc đa đoan nên tới nay mới tổ chức được. Các năm tới đây, giải này sẽ được tổ chức hàng năm, song song

với loại giải thưởng nhằm khám phá những tài năng mới (qua các tác phẩm đặc sắc riêng rẽ) — loại giải thưởng đã được tổ chức liên tiếp mấy năm vừa rồi.

Chính phủ phát các giải thưởng này là để thể hiện chủ trương « sùng trọng văn hóa », nhằm mục đích « củng cố cơ sở tinh thần » cho quốc gia dân tộc. Việc làm hay. Động cơ là thành ý thì kết quả tất ưng ý, miễn là... thể lệ đặt giải thưởng đủ mềm

dẻo dề có thể được sự hưởng ứng không chút dè dặt của giới văn nghệ sĩ, vẫn có tiếng là khó tính từ bao lâu nay. Điều này xin tạm dành lại đề sẽ đề cập sau.

— Theo ý ông, sự phân chia ra làm ba giải, ba bộ môn như vậy có hợp lý không?

— Như chúng ta biết, có ba (3) bộ môn được tuyên dương:

a) Bộ môn Văn chương, gồm thi ca, tiểu thuyết, kịch, kí sự v.v.

b) Bộ môn Học thuật, gồm Lịch sử, Triết học, Khoa học, Dân tộc học, Xã hội học, Ngôn ngữ học, Phong tục học v.v.

c) Bộ môn Mĩ thuật, gồm Âm nhạc, Hội họa, Điêu khắc, Kiến trúc và Điện ảnh (đạo diễn). Giải thưởng Mĩ thuật năm nay chỉ nhằm năm «biệt môn» ấy thôi. Trong các năm tới, sẽ có thêm giải thưởng cho các nghệ thuật khác như Nhiếp ảnh, Trình diễn.

Chúng tôi nghĩ: sở dĩ năm nay giải thưởng bị hạn chế một chút như vậy một phần là vì thời hạn tổ chức quá gấp rút, có thể đã có «trục trặc kĩ thuật».

— Thẻ thức giới thiệu dự tranh giải năm nay có gây một vài thắc mắc. Xin ông cho biết ý kiến về thẻ thức này.

— Chắc quý báo muốn hỏi ý kiến chúng tôi về cái khoản: «Văn thư giới thiệu cần có chữ ký của văn nghệ sĩ tỏ ý chấp thuận sự giới thiệu dự tranh giải thưởng» chứ gì? Phải, dư luận những người cầm bút quả có thắc mắc về khoản đó. Theo quan điểm của Ủy ban Tổ chức mà giải thích thì đó là một sự cần thận cần thiết,

một biện pháp để phòng trường hợp — có thể tái diễn — : Giải được tuyên dương mà người được tuyên dương không nhận giải. Giới văn nghệ sĩ thì lại nghĩ khác... Những «cây bút» có giá trị thường hay ngượng (có nhiều pudeur) mà! Chúng tôi được biết có một số văn nghệ sĩ có tiếng tăm, khi các bạn bè tới xin cho phép được giới thiệu, đã từ chối một cách rất khiêm tốn mà không chịu nói ra cái lý do đích thật làm cho họ ngại ngùng là phải kí mới được giới thiệu... (Nếu chúng tôi không lầm thì hình như chính báo Bách Khoa của quý ông cũng đã gặp một trường hợp như vậy.)

Kết quả là Hội đồng Tuyển trạch chúng tôi năm nay đã không được hân hạnh đọc những bản giới thiệu sự nghiệp mà chúng tôi biết là rất vững vàng của mấy cây bút «nhiều pudeur» đó.

Lúc này, chúng tôi có nói thông một câu «... miễn là thẻ lệ đặt giải đủ mềm dẻo v.v...», bây giờ chúng xin được phép nói lên ý nghĩ chân thành của chúng tôi về cái điểm «cần có chữ ký của văn nghệ sĩ» ghi trong bản Thẻ lệ Giải tuyên dương sự nghiệp VC.HT.MT 1972 đó. Làm việc gì cũng nên tính trước tính sau, cần thận là phải. Nhưng có nhiều cách cần thận. Ủy ban Tổ chức giải thưởng 72 cần thận sớm quá. Sớm quá thành ra chẳng những vô ích, mà còn có hại. Vô ích là vì có khi người được giới thiệu chịu kí đấy, mà rồi khi được tuyên dương muốn trớ trêu chơi, cứ không nhận giải cũng được chớ sao? Ai bắt tội?

Còn như sự cẩn thận đó có hại ra sao thì chúng ta biết rồi : như trên đã nói, nhiều cây bút có giá trị nhưng hay ngượng không chịu kí, và kết quả là có thể có những sự nghiệp xứng đáng được tuyên dương nhưng chỉ vì giấy giới thiệu không hợp lệ mà không được tuyên dương. Chúng tôi thiết nghĩ Ủy ban Tồ chức nên cẩn thận, đành rồi, nhưng cẩn thận chậm hơn một tí : Văn nghệ sĩ được giới thiệu không cần « kí giấy »; trước khi tuyên dương, Ủy ban Tồ chức sẽ tiếp xúc với văn nghệ sĩ được trúng giải, xem có bằng lòng nhận giải hay không : Nhận thì tuyên dương, không nhận thì thôi, kể như không ai trúng giải đó. Đừng sợ mang tiếng là treo giải mà dư chứ không phát. Dụng ý mà thành thì sợ gì hiểu lầm, sợ gì mang tiếng.

— Năm nay sau khi khóa sổ nhận hồ sơ giới thiệu văn-nghệ-sĩ dự Giải tuyên dương sự nghiệp 6 ngày (5-1) mới có thông cáo về thành phần Hội đồng tuyên trạch. Vậy xin ông cho biết Ủy ban Tồ chức đã căn cứ vào những tiêu chuẩn nào để mời người vào Hội đồng Tuyên trạch và ông làm Chủ tịch Hội đồng là do sự chỉ định của Ủy-ban Tồ chức hay do Hội đồng bầu lên ?

— Chúng tôi không biết rõ Ủy ban Tồ chức đã theo tiêu chuẩn nào. Chắc không ngoài hai tiêu chuẩn khả năng và tín nhiệm. Ủy ban đã không mời một thi sĩ chăm thơ, một tiểu thuyết gia chăm tiểu thuyết v.v...

là có ý tránh cho các vị dự thi khỏi những mặc cảm rất dễ hiểu. Đó là điểm tế nhị của Ủy ban. Tế nhị như thế phải chứ. Vả lại tiểu thuyết có nhiều phái, thi ca cũng vậy, biết mời đại biểu phái nào ? Tốt hơn là tránh được ngộ nhận chừng nào hay chừng ấy. Theo chỗ chúng tôi nhận thấy, những vị đã được mời vào Hội đồng Tuyên trạch năm nay tuy không hoàn toàn là những « chuyên gia » cả, nhưng cũng không phải hoàn toàn là những « hàng ngoại hán » (profane) đâu.

Còn tôi làm Chủ tịch Hội đồng tuyên trạch là do Hội đồng bầu lên.

— Xin ông cho độc-giả Bách-Khoa biết qua về cách làm việc của Hội đồng tuyên trạch.

— Hội đồng Tuyên trạch gồm có bảy vị, làm việc dựa vào :

●Bản Nghị định số 407-QVK-VH-ND ngày 26-12-72 của Phủ Văn hóa.

●Bản Thề lệ Giải tuyên dương sự nghiệp của V.C.H.T.N.T. 1972 và của Ủy ban Tồ chức giải thưởng thiết lập.

●Bản nội qui do Hội đồng tự đề ra.

Trụ sở làm việc đặt tại Phủ Văn hóa.

Thời gian làm việc là nửa tháng, từ 28-12-72 đến 12-1-73.

Sau đây là tiến trình công việc của Hội đồng.

Buổi họp đầu tiên vào chiều ngày

28-12-72, sau khi được giải thích về Thẻ lệ đặt giải thưởng và được xác nhận về quyền chung quyết của Hội đồng, chúng tôi bắt đầu bầu các chức vụ, phân chia công việc, thảo và thông qua bản nội qui.

Hội đồng chia thành năm tiểu ban :

Văn chương, Học thuật, Kiến trúc/Điêu khắc, Âm nhạc/Điện ảnh và Hội họa.

Mỗi tiểu ban do một hội viên chấp chương

Toàn thể các hội viên, tùy nghi, sung vào các tiểu ban, nhưng mỗi hội viên không tham gia quá số hai tiểu ban.

Các buổi họp sau dành để thảo luận.

Hồ sơ của các văn nghệ sĩ dự cuộc tranh giải được đặt tại Văn phòng Ban Tổ chức để các hội viên, nhất là các trưởng tiểu ban, tiện tham khảo trong ngày giờ làm việc. Trong các phiên họp, hồ sơ liên hệ được trình bày tại phòng họp (Phòng hội của Phủ Văn hóa)

Về mỗi vấn đề đưa ra thảo luận và biểu quyết, đại khái, trình tự sau đây được áp dụng :

- Trưởng tiểu ban liên hệ phát biểu ý kiến ;

- Các hội viên khác phát biểu ý kiến. Khởi nói là các ý kiến trình bày đều được biện minh bằng cách dẫn chứng ;

- Chủ tịch đúc kết và đưa ra biểu quyết bằng lối bỏ phiếu kín ;

- Kết quả đầu phiếu được ghi vào biên bản sẽ có chữ kí của các

hội viên sau phiên họp.

Đầu phiếu có ba vòng : vòng loại, vòng bán kết và vòng chung kết.

Khó khăn thứ nhất gặp phải là :

Mỗi bộ môn gồm nhiều « biệt môn » mà không thể so sánh một tác phẩm thuộc biệt môn này với một tác phẩm thuộc biệt môn khác, thì làm sao lựa chọn đề quyết định trao giải được. Đề giải quyết khó khăn đó, Hội đồng đồng ý là căn cứ vào sức mạnh sáng tạo và uy tín sẵn có của các văn nghệ sĩ mà quyết định không cần quan tâm đến biệt môn nọ, biệt môn kia.

Khó khăn thứ hai là : Nghị định ấn định thẩm quyền của Hội đồng tuyên trạch, cũng như Thẻ lệ giải thưởng, không trừ liệu trường hợp này : Không có sự nghiệp đáng tuyên dương thì có tuyên dương không ? Không tự trả lời được câu hỏi đó, Hội đồng đành chấp nhận nguyên tắc: gặp trường hợp chẳng may ấy thì sẽ lựa chọn « sự nghiệp » tương đối có giá trị hơn cả. Các nhà phong thủy học có câu : « Cao nhất thốn giả vi sơn », nghĩa là : trong cánh đồng phẳng lừ, chỗ nào cao hơn một tấc, chỗ đó được coi là sơn phong. Nguyên lí phong thủy ấy gỡ rối cho chúng tôi, cho nên chúng tôi được yên tâm mà tiến hành thảo luận.

Đến đây, chúng tôi trộm tiết lộ một điều : Nội qui của Hội đồng Tuyên trạch có điều 9 minh định rằng, các cuộc thảo luận trong Hội đồng được tuyệt đối giữ kín. Chính tin vào hiệu lực che chở của điều 9 trong nội qui

đó, mà các cuộc thảo luận trong mấy buổi hội đồng rất là sôi nổi. Năm kia và năm ngoái, chúng tôi đều có được tham dự Hội đồng Tuyên trạch; chúng tôi chưa thấy từ trước đến giờ có buổi họp nào hào hứng bằng mấy buổi họp của Hội đồng Tuyên Trạch năm nay.

Nhưng chính cũng vì cái điều 9 đó mà chúng tôi không được phép nói với quý ông nhiều điều khác, mặc dù "ở trong còn lắm điều hay".

— Ông cũng thấy dư luận báo chí thắc mắc nhiều về giải Mỹ-thuật trao cho Ông Nguyễn văn Anh là một họa sĩ mà ít người biết tiếng; vậy xin ông cho biết trường hợp này thế nào và các vị trong Hội đồng Tuyên trạch có được xem những họa phẩm của người mà quý vị tặng giải không?

— Chúng tôi được xem phóng ảnh những tranh của ông Nguyễn văn Anh và thấy ông rất xứng đáng lãnh

giải. Chính cũng ông đã được rất nhiều giải ở nước ngoài rồi.

— Sau khi làm Chủ tịch Hội đồng Tuyên trạch Giải tuyên dương sự nghiệp năm 1972 ông có những nhận xét và đề nghị gì để cho việc tổ chức sau này được tốt đẹp hơn.

— Chúng tôi muốn đề nghị với Ủy ban tổ chức các giải thưởng Tuyên dương sự nghiệp VC, HT, MT trong các năm sắp tới như sau:

- Bỏ cái lệ buộc văn-nghệ-sĩ phải kí vào giấy giới thiệu.

- Nên thêm điều khoản: Có thể không trao giải trong trường hợp xét các hồ sơ giới thiệu không có sự nghiệp nào thật xứng đáng.

- Nên dành cho Hội đồng Tuyên trạch thêm nhiều thì giờ hơn năm nay để Hội đồng có điều kiện làm việc thuận tiện hơn.

BÁCH KHOA ghi lại

Phân Ưu

Được tin trể thầy **NGUYỄN - CHÂU**

Thân phụ nhà văn **NGUYỄN MỘNG GIÁC** đã quý tiên.

Trân trọng chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Mộng Giác và tang quyến.
Kính cầu nguyên linh hồn thầy sớm siêu thoát.

Huy Lực Bùi-Tiên-Khôi

Nhà xuất bản

LỬA THIÊN

120 Đinh Tiên Hoàng, Đakao, Saigon

Đ.T. 94.494

Trân trọng mời độc giả tìm đọc các tác phẩm sau đây :

1. VĂN HỌC TÂY SƠN của Phạm Văn Đăng
2. TÌM HIỂU MẶT TRĂNG của Trần Kim Thạch
3. LƯỢC KHẢO DÂN SỐ của Lâm Thanh Liêm
4. KẾ TOÁN CĂN BẢN của Hoàng Ngọc Khiêm
5. VĂN HỌC NAM HÀ (Văn học Đảng Trong thời phân tranh) của Nguyễn Văn Sâm
6. NHỮNG QUAN HỆ GIỮA PHÁP VÀ TRUNG HOA VỀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM (1880-1885) của Hoàng Ngọc Thành
7. PHẠM THÁI VÀ SƠ KINH TÂN TRANG của Nguyễn Văn Xung
8. SẮT THÉP THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM của Sơn Hồng Đức
9. HÌNH LUẬT TỔNG QUÁT của Nguyễn Quang Quýnh.
10. THỰC VẬT CHÚNG của Phạm Hoàng Hộ

Đầu năm

nói chuyện tướng số

VẬN HẠN QUA CÁC ĐƯỜNG CHỈ TAY

Không phải tôi tự phát giác, mà do lời tiên đoán của nhà tâm số LBH.

Giữa năm 1954, sau ngày ký hiệp định chia hai đất nước do Cộng sản và Thực dân, tôi ngỗ ngàng trở về Phan-Thiết, trong bộ quần áo bà ba và hai bàn tay trắng. Lòng hăng say và gân sức trai trẻ đã phung phí sau 9 năm kháng chiến, tôi hoài nghi mọi việc, mọi người và cả tôi nữa. Tôi lê đôi guốc vòng lình cờ ngang qua văn phòng xem chỉ tay đoán vận mạng của ông LBH nằm trên đường Chùa Ông (Phan-Thiết.)

Tôi ngập ngừng trước bản vẽ bàn tay và mấy chữ "Xem sai không nhận tiền", rồi bước vào. Tôi nói mục đích của tôi là muốn hỏi thăm vận mạng trong bàn tay tôi xem nên về nối nghiệp ông cha canh tác ruộng vườn, hay là nên vào Sài Gòn để tiếp tục học văn hóa.

Ông LBH cầm tay tôi rất lâu xem hết tay mặt đến tay trái, ông nói qua về trận đau năm lên 3, và tai nạn xuýt chết năm 19 tuổi, rồi một cuộc tình tan vỡ năm 21 tuổi trước khi tôi về thành v.v.

Ông cầm 50 đồng trả lại vào tay tôi:

— Anh cầm tiền về, một tuần nữa rở lại đây cho tôi xem khí sắc bàn

tay và những đường văn vừa mới chớm. Sau đó tôi quyết đoán giúp anh nên đi hay phải trở về.

Đúng hạn, tôi trở lại gặp LBH vào một chiều mưa ngâu dai dẳng, sau khi xem khí sắc từ mặt đến bàn tay, ông nói:

— Anh nên đi xa, sẽ có nhiều thay đổi tốt. Nhất định anh sẽ hoạnh phát trước Tết năm nay (Tết Ất Mùi). Nhớ khi đã phát đạt trở lại tìm tôi, tôi sẽ giúp anh tránh tai nạn vào khoảng tháng 3 năm tới.

Quả nhiên vào Sài Gòn, tôi gặp anh Nguyễn Hữu Ngự và mấy anh em ở vùng kháng chiến trở về, trong số đó có Tạ Chí Diệp. Diệp đưa tôi đến ông Hồ Hữu Tường, rồi gặp Ngô Đình Nhu ở tòa báo Xã Hội (trong một căn phòng ở binh dinh Everest). Chúng tôi bàn kế hoạch ủng hộ ông Diệm. Kế đến gặp cuộc tranh chấp quyền hành giữa ông Diệm và tướng Hình, tôi theo Tạ Chí Diệp ra Phan-Rang lập chiến khu Đ. Rồi tướng Hình rời Việt-Nam, nhóm anh em do tôi hướng dẫn theo Thiếu tá T. Q. Hoàng về Phan-Thiết. Ông Hoàng làm tỉnh trưởng, tôi Chỉ huy một Đại-đội đóng tại trung tâm thị xã.

Nhớ lại lời tiên đoán của LBH,

tôi tìm đến ông ta. Mặc dù tôi vẫn thường phục (bây giờ tôi được đồng hóa cấp bậc Trung-úy) LBH cũng hỏi anh thường tôi cái gì chứ?

Sau đó, ông ta xem kỹ bàn tay tôi rồi dặn phải cẩn thận từ Tết này, vì đường mạng đạo (Ligne de Vie) trong bàn tay tôi có một cái khung vuông. Lúc đó tuy chưa đóng kín, nhưng có thể qua Tết, nếu khung này cắt đường đời, tôi khó tránh bị giam giữ ít nhất cũng 7 hoặc 8 tháng. Nhưng sau tai nạn đó, tôi sẽ phát mạnh hơn hiện nay.

Cũng có lo lắng, nhưng tôi không biết phải giữ như thế nào để tránh tai nạn.

Mấy ngày Tết, tôi theo ông Hoàng về họp ở dinh Độc-lập, vì bận rộn nên quên mất lời dặn của LBH. Thế rồi cuộc tranh chấp nội-bộ trong tỉnh xảy ra, tôi bị đối phương nhắm vào để chặt vây cánh ông tỉnh trưởng Hoàng. Hai tên lính dưới quyền tôi bị Hiến-binh Phan-thiết giam giữ, chúng bị tra tấn buộc phải khai rằng tôi đã sai chúng đi ăn cướp sông bạc, thì mới khỏi tiếp tục bị ăn đòn. Rồi biên bản được lập xong, trát dẫn giải của Đại-tá Tr-v-Thoàn (Giám-đốc Nha Quân-pháp và Hiến-binh) đang nằm chờ tôi ở Ty Hiến-binh Phan-thiết...

Vào năm khám Chí Hòa tôi mới chợt nhớ bấy giờ là trung tuần tháng 3 (năm Ất-mùi), như lời tiên đoán của LBH. Nhưng tôi không tin là mình sẽ được trả tự do sau 7 hoặc 8 tháng, vì bị giam cứu trong vụ án

thuộc loại đại hình (do 2 người lính thuộc cấp khai quả quyết là tôi chủ mưu) Các bạn đồng cảnh ngộ rút kinh nghiệm tù cho biết những trường hợp như vậy, ít nhất cũng bị giam vài năm.

Trong một dịp tình cờ, tôi xuống phòng Can-nhân lãnh ngân phiếu, gặp lại 2 tên lính kia, trong lúc chúng cũng đang ngồi đợi gọi tên vào lãnh đồ đạc. Họ hối hận vì bị lừa mà gây khốn khổ cho tôi. Sau đó, họ cho biết sẽ tố giác vụ Hiến-binh Phan-thiết đe dọa bắt họ vu oan đồ tội cho tôi trong một phiên Dụ-thăm hỏi cung gần nhất. Kết quả, tôi được miễn tố, ra về vào tháng 11 năm đó. Đúng như LBH đã tiên đoán.

Ra khỏi khám, tôi nghe tin ông Hoàng đã được thăng Trung-tá, đổi lên chỉ huy đệ tam Quân khu, Bộ Tư lệnh đóng tại Banmethuot. Tôi không về Phan-thiết nữa. Luân quản ở Sài-gòn vài tháng sau, tôi gặp lại nhiều anh em cũ, rồi tôi đại diện họ xin yết kiến ông Diệm. Sau đó, tôi được gặp Bác sĩ TKT, rồi tôi và nhóm anh em của tôi về cộng tác với sở NCCT phủ Tổng-Thống. Mọi việc lại xảy ra gần đúng như các đường chỉ trong bàn tay của tôi đã tiết lộ trước với LBH.

Từ đó, tôi thích xem chỉ tay và tướng diện, và số Tử-vi (mấy tháng năm khám tôi gặp một ông Thượng sĩ già rất giỏi chữ Hán và tinh thông khoa Tử vi) cho người khác, tôi được nhiều người tán thưởng (nhờ vào số vốn tôi đã được học hỏi trong thời gian thụ huấn khóa Tình-báo

Quân-sự, và những ngày ở chung với ông Th. Liên-Trung-đoàn phó LTD 812). Tuy nhiên tôi không bao giờ nghĩ là mình sẽ đi sâu vào lĩnh vực Tướng số như hôm nay, nếu không có sự khuyến khích của anh Lê Ngô Châu, Chủ nhiệm Tạp-chí B.K, cách đây một năm, lúc tôi đang phân vân trước lời mời cộng tác của ông Chủ nhiệm Tuần báo KHKB, và tiếp theo là hai tờ tuần báo khác.

Gần một năm nay, tôi đi sâu vào lĩnh vực Tướng số, trong tay đã nắm ngót một nghìn ngày giờ sinh của nam nữ độc giả từ các nơi gửi về nhờ xem số và giải đáp thắc mắc cuộc đời qua tướng diện. Từ

vì v.v... và giải đoán rất nhiều lá số của các nam nữ nghệ sĩ, văn thi sĩ, chánh khách ở Thủ-đô. Tôi đã quen thuộc với thiên-can, địa-chi, ngũ-hành sinh khắc chế hóa và các ông sao trong 12 cung của những lá số Tử vi. Thế nhưng, không bao giờ tôi dám xem những đường chỉ trong bàn tay mình, hoặc tìm hiểu để điều chỉnh lại lá số Tử vi của mình.

Có lẽ vì Lá số Tử-vi của tôi đã làm cho người Dượng tình thông Tử-vi bỏ tôi năm bệnh suốt 2 năm, và những lời tiên đoán về tai nạn của tôi rất khó tránh do LBH báo trước đã làm cho tôi sợ định mệnh chẳng ?

MỘT NĂM XEM TƯỚNG SỐ

Trong số đông đảo lá số và thư của độc giả, chúng tôi phân làm 3 lứa tuổi. Chiếm đa số vẫn là từ 17 tuổi (Bính Thân, sinh năm 1956) đến 55 tuổi (Mậu Tý, sinh năm 1948). Câu hỏi do lớp tuổi này đặt ra chung quanh các vấn đề sau đây :

— Có thành đạt trên đường học vấn ?

— Tình duyên hợp với tuổi nào ?
Chứng nào lập gia đình thì hợp số ?
Mấy đời chồng ?

— Nhờ chữa chữ ký. Hỏi về các nốt ruồi đang có, nên phá hay cứ để vậy ?

Lứa tuổi từ 26,27 trở lên, câu hỏi xoay quanh những vấn đề :

— Năm nào làm ăn phát tài ?
Chứng nào mới mua được nhà ?

Muốn hôn hạp làm ăn công việc đó, với người tuổi đó, có hợp không ?

— Hạnh phúc gia đình đang rạn nứt như vậy, chồng tuổi đó vợ tuổi này (phần đông là nữ độc giả, nếu có nam độc giả đều là quân nhân) có thể hàn gắn? và nhờ chữa chữ ký ?

— Tại sao đến tuổi này vẫn còn độc thân ? Đi tu có được yên thân không ? Tại sao vẫn đau ốm hoài ? Có cái số được không ?

Còn lứa tuổi từ 16 (Đinh Dậu 1957) và Mậu Tuất (1958) chỉ thắc mắc về học vấn có được lên Đại-học không ? Tại sao thường khắc với cha (hoặc mẹ) ? Nên chơi với bạn trai tuổi gì thì hợp ? Số có mấy đời chồng ? Chữ ký như vậy có được không ?



*Lê Thanh Thái đang xem số Tử vi
cho nữ ca sĩ Băng Châu.*

Đó là những câu hỏi tiêu biểu nhất cho 3 lứa tuổi kể trên.

Trong 3 lứa tuổi này, băn khoăn và thắc mắc nhiều nhất là từ 22 (Tân Mão) đến 29 (Giáp Thân). Phần đông những nữ độc giả cũng như nữ nghệ sĩ ở tuổi Canh Dần. Mậu Tý, Bính Tuất và Giáp Thân đều bị dang dở tình duyên hoặc hôn nhân trắc trở.

Riêng tuổi Canh Dần, phần đông đều sớm gặp tình duyên. Cô nào lấy chồng (hoặc mất cho người yêu) từ năm 17 tuổi (năm Bính Ngọ, 1966), đều dang dở hoặc rạn nứt năm 19 (Mậu-Thân 1968) hoặc 21 (Canh Tuất, 1970). So trong lá số Tử vi, thấy tiểu hạn năm Ngọ đi vào cung Tý thuộc Thủy, năm Bính Ngọ này cũng là hành Thủy, rất vượng cho Mộc mệnh, niên hạn lại có Long, Phượng gặp Thanh Long, Dương và Lộc, Mã, Khốc, Khách. Tuy nhiên,

cô nào lập gia đình hoặc mất cho người yêu (đa số là mất cho người yêu) vào năm Bính Ngọ này, đều trục trặc vào vài năm sau; hoặc gặp đầu năm, tan vỡ cuối năm. Có lẽ vì niên hạn có Tương ngộ Khốc, Hư, Tan, Điều, lưỡng Phù (Bệnh Phù và Quan Phù).

Gặp duyên năm Bính Ngọ, dễ rồi tan vỡ hoặc rạn nứt vào năm Mậu Thân (19 tuổi), vì năm này niên hạn vào cung Tuất thuộc Thổ, năm Mậu Thân cũng thuộc hành Thổ (đất mà không có nước, cây không sống được, và cây làm cho xấu đất, vì vậy cho nên Mộc khắc Thổ); niên hạn lại gặp Tang, Hờ, Tương, Phục, Tuế, và hại nhất là Khôi, Việt bị Tuần, Triệt án ngữ. Nếu cô nào không tan vỡ trong năm Mậu Thân, thì đến năm

(xem tiếp trang 8/)

Kỷ nguyên tiêu thụ và nghề viết văn

Cụ ngoại tôi cất nhà đề con cháu ở trong trăm năm; bây giờ tôi có cất nhà chỉ đề ở trong ba chục năm vì sau ba chục năm nó hóa cồ lỗ, dù có còn vững thì con tôi nó cũng phải phá đi mà cất lại theo cách thức khác, bằng những vật liệu khác; mà tới khi nó cất lại chắc nó chỉ cất đề ở trong hai chục năm thôi, chưa biết chừng nó sẽ dùng toàn những nhà tiền chế ở ít năm rồi bỏ, dùng kiểu nhà khác.

Cũng như xe hơi vậy: mỗi năm ra một kiểu mới, mà hạng người gọi là sang trọng, có kiểu 1968 thì không dùng kiểu 1967 nữa; ở Mỹ, xe mới bắt đầu hư một bộ phận quan trọng nào là bị đem vô « nghĩa địa » xe hơi, không ai mà phí công sửa.

Đã từ lâu, ở Mỹ người ta chế tạo đĩa chén bằng giấy, ống chích bằng nhựa dùng xong rồi liệng vào thùng rác, khỏi phải rửa, phải nấu. Một thời ở Sài-gòn đã có những thiếu nữ bận y phục bằng giấy, một hai bận rồi cũng liệng đi, khỏi phải giặt.

Máy móc mỗi ngày mỗi nhiều, sức sản xuất mỗi ngày mỗi tăng thì chỉ có cách đó: tiêu thụ cho thật nhiều và thật mau, mới khỏi phải bắt máy ngưng, bắt thợ nghỉ. Văn minh tiêu thụ là vậy.

Lối sản xuất cho thật nhiều đó phổ biến ở các nước đại kỹ nghệ, chưa lan vào nước ta, một phần vì mấy

chục năm nay chúng ta bị cái nạn chiến tranh, một phần vì các nước đàn anh không muốn cho chúng ta tăng gia sản xuất mà cạnh tranh với họ, nhưng cái lối tiêu thụ cho thật nhiều đã xâm nhập mọi giới trong xã-hội của ta rồi: tủ áo nào cũng chứa vài chục cái, chưa cũ cũng đã liệng đi; máy thu thanh kiểu 1955 tuy chưa hư mà cũng phải bỏ đi dùng transistor. Ngay giới thợ thuyền cũng vậy, đã biết sống theo kỷ nguyên tiêu thụ, có kiểu áo mới thì áo cũ chưa rách cũng may thêm, hoặc có thứ hàng mới thì dù áo còn dư cũng mua về.

Văn chương cũng đã theo luật sản xuất cho nhiều và tiêu thụ cho mạnh.

Cái thời đại của « các tác giả một cuốn sách » đã thuộc vào thời hồng hoang. Mới hồi nào người ta còn ngưỡng mộ những tác giả viết được năm ngàn trang sách, bây giờ một người sống bằng nghề cầm bút mà suốt đời chỉ viết được năm ngàn trang thì có thể chết đói. Balzac, Hugo hay Maurois, mỗi ngày đều đều viết được ba trang hay năm trang, không còn đáng làm gương cho người ta soi nữa; vì ký giả nào thời này mỗi ngày cũng phải « sản xuất » được ít nhất bảy nhiều trang mới tạm đủ sống, nếu độc thân. Cứ cho mỗi ngày họ viết năm trang đánh máy

thời, nghe nói có nhà viết gấp năm, vì phải cung cấp mười truyện "feuilleton" cho mười tờ báo), mỗi tháng cũng đã được 125 trang rồi, một năm ngàn rưỡi trang, và nếu họ viết từ hồi ba chục tới hồi sáu chục tuổi thì được 45 000 trang. Mà tôi chắc không thiếu gì người viết được 40, 50 năm. Vậy kỷ nguyên tiêu thụ của chúng ta là kỷ nguyên của các tác giả năm vạn trang, chứ không phải năm ngàn trang.

Muốn viết được bấy nhiêu, phải có một kỹ thuật. Kỹ thuật đó là kỹ thuật của các nhà làm báo Âu Mỹ. Họ tạo ra được một lối văn mà họ gọi là style standard : rất sáng sủa, ai đọc cũng hiểu, không rườm rà, đôi khi dí dỏm, nhất là không lưu một chút cá tính của người viết, có vậy mới thành standard. Thành thử đọc chục bài của mười người khác nhau viết về một vấn đề ta cứ tưởng như của một người viết. Họ thấy một cuốn sách hay, nhưng dài hoặc rườm quá, họ xin phép viết lại theo cái style standard của họ; bạn gọi tới cho họ một bài, họ cũng viết lại cho bạn, nếu bạn không chịu thì họ không đăng; họ chuyên làm cái nghề viết lại, nên người ta gọi họ là *rewriter* (người viết lại). Có những trường dạy làm báo và cả những trường hàm thụ dạy viết văn chuyên đào tạo hạng *rewriter*. Viết văn đã thành một kỹ nghệ như kỹ nghệ xe hơi, kỹ nghệ đồng hồ; hoặc nói như Tản Đà, nó đã thành một nghề bửa củi : mỗi ngày phải viết bấy nhiêu trang cũng như mỗi ngày thợ bửa củi phải

bửa được bấy nhiêu khúc. Không còn nhõn nhõ, tùy hứng được nữa, và tối kị cái việc đẽo gọt. Vì văn chương trong kỷ nguyên tiêu thụ này sản xuất đề tiêu thụ như tiêu thụ coca-cola, tiêu thụ ni-lông, chứ không phải để thưởng thức.

Một anh bạn tôi, viết tiểu thuyết, mới đây phàn nàn rằng thời nay tiểu thuyết gia nào may mắn lắm thì cũng chỉ nổi được trong dăm năm rồi thì chìm, không ai được như Nhất Linh hoặc Khái Hưng giữ tiếng tám và địa vị được hai ba chục năm tới khi chết, mà kỹ thuật của họ đâu có kém Nhất Linh và Khái Hưng.

Tôi đáp :

— Anh nhận xét đúng lắm. Ở Pháp, từ năm 1893, anh em Goncourt cũng đã phàn nàn : «Ngày nay phải sản xuất một kiệt tác mỗi năm thì người ta mới khỏi quên mình». Nhưng thời này viết tiểu thuyết để đọc giả tiêu thụ, nghĩa là để bán chứ đâu phải để cầu danh, lưu danh. Cái quan niệm viết để «vượt không gian và thời gian» đã hóa ra lỗi thời : vượt không gian thì tương đối dễ, chỉ cần đập vào tánh hiếu kỳ của người ngoại quốc là có thể «vượt không gian được», nhưng vượt được không gian không nhất định đã là tài; còn như muốn «vượt thời gian» thì không khác gì nhà kỹ nghệ muốn sản xuất một kiểu xe hơi để khách hàng dùng được hết đời mình và cả đến đời con mình nữa.

Mà lời hô hào các nhà văn phải có hùng tâm làm cái công tác mở

đường, tự tạo cho mình một chỗ đứng thì thật là quý thừa. Ai cầm cây viết mà chẳng muốn mở đường, và thời này cứ mười năm lại có một lớp nhà văn rần mở đường. Nỗi lo của họ là đường vừa mới mở xong thì đã có người mở con đường khác. Vì số nhà văn ngày nay đông quá. Một nhân vật trong cuốn *khu ung thư* của Soljenitsyne, đã phàn nàn :

« Thế kỉ trước [ở Nga] chỉ có mười nhà văn, đều là những nhà văn lớn cả. Và bây giờ thì có hằng ngàn ; chỉ đòi một chữ cái trong tên bất kì một nhà văn nào là được tên một nhà văn khác. Chẳng hạn có nhà văn Safronov, mà lại có nhà văn Safonov (...) Người ta thấy lần lượt xuất hiện những nhà văn không ai biết tên, họ được những giải Staline rồi thì chìm luôn. Mỗi cuốn chỉ hơi dày một chút, xuất bản năm trước là năm sau được giải thưởng, và mỗi năm có từ 40 đến 50 giải thưởng ».

Nước Nga rộng như vậy mà chỉ có « hằng ngàn » nhà văn thôi ư ? Miền Nam nước mình hiện nay cũng tròn trịa số đó rồi. Ở Mi thì nhất định phải là hằng vạn, hằng chục vạn. Đông nghẹt như vậy làm sao có đủ chỗ đứng cho mọi người được ? Cho nên người nào mới chen được một chỗ đứng thì người sau đã lại chiếm mất. Họ mới nổi thì đã bị chìm luôn.

Muốn khỏi chìm thì chỉ có cách đừng nổi, nghĩa là viết lối văn standard, lối đó vô thưởng vô phạt, không ai khen, không ai chê mà ai

cũng đọc được. Dĩ nhiên đọc xong rồi thì liệng đi. Tiểu thuyết « feuilleton » chỉ sống một ngày vì báo in để đọc trong một ngày. Tiểu thuyết in thành sách sống lâu hơn, có thể được dăm năm ; nhưng ở Âu Mỹ, có khi chỉ sống được vài ngày ; loại sách bỏ túi bên đó rẻ quá, người ta đem ra bãi biển đọc xong rồi liệng xuống biển, ở nước ta vài ba chục năm nữa cũng sẽ tiến tới giai đoạn đó. Tóm lại văn ngày nay ai cũng đọc, ai cũng viết, không còn là của một nhóm thiểu số may mắn nữa. Người đọc muốn mới hoài, nên tiểu thuyết không thể thọ như xưa được nữa.

Thơ không chắc đã thọ hơn. Những thể thơ cũ như thơ luật thơ lục bát, hát nói, ngay cả « thơ mới » thời Tự Lực Văn đoàn ngày nay rất ít người làm. Vì nó tốn công quá. Phải làm thơ tự do để cho mau và được nhiều. Tại thơ khó bán nên các nhà thơ tự do hiện nay « sản xuất » còn thấp lắm : mỗi năm trung bình một tập ; nếu dễ bán thì tôi chắc có nhà dư sức sản xuất mỗi ngày ba bốn bài mỗi tháng một tập, vì không cần văn, không cần nhạc, chỉ tốn công hơn viết văn xuôi một chút. Tới khi sản xuất được cái mức đó thì người mua về đọc xong rồi cũng liệng đi. Hiện nay cả trăm bài thơ đăng trên các báo mỗi ngày, có bao nhiêu bài được đọc giả cắt lại giữ ? Đa số cũng chịu cái số phận của tờ báo chỉ sống được 24 giờ.

Đúng là một loài hoa sớm nở tối tàn.

Loại biên khảo và phổ thông kiến thức bây giờ cứ mười năm phải viết lại, nếu không thì hoá cổ lỗ; vậy tuổi thọ của nó nhiều lắm là mười năm. Năm nào ở pháp người ta cũng cho ra cả chục cuốn về Trung Cộng, về Israel và hễ có sách năm 1968 thì ít ai đọc sách năm 1967. Hai xứ đó đương biến chuyển mạnh, như vậy là phải; nhưng ngay về lịch sử thế giới, về học thuyết Freud, triết lý Nietzsche... từ trước đến nay đã có bao nhiêu người viết mà cứ vài ba năm lại có một cuốn mới. Sách về lịch-sử thế giới nhiều vô kể. Năm 1948 nhà Payot dịch bộ *Esquisse de l'Histoire universelle* của H.G. Wells, các báo chí đều khen rầm rộ, bây giờ không ai còn mở bộ đó ra đọc nữa mà tìm bộ *Histoire de la Civilisation* của Will Durant.

Ngay học thuyết của các đại tư tưởng gia cũng không thoát được cái luật đào thải mà tốc độ mỗi ngày mỗi tăng đó. Các thế kỷ trước, mỗi thế kỷ sản xuất được vài nhà lập ngôn làm thay đổi cục diện thế giới, như thế kỷ XVII có Descartes Bacon; thế kỷ XVIII có Darwin, Newton; cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX có Malthus; thế kỷ XIX có Karl Marx, Nietzsche; qua thế kỷ XX học thuyết phát sinh như nấm mùa mưa: Freud, Bergson, Einstein và vô số nhà khoa học khác nữa, Heidegger, Sartre... Sartre mới nổi danh từ sau thế chiến bây giờ đã chìm rồi. Triết thuyết hiện sinh và hiện tượng học đã hóa cổ lỗ và học thuyết cơ cấu lên như điều gặp gió;

nhưng cũng đã bắt đầu vào dĩ vãng. Thọ mạng của các học thuyết hồi xưa có thể được vài ba thế-kỷ, ngày nay chỉ được vài ba chục năm. Một học thuyết mới thành hình, được một số nhà phê bình hoan nghênh rầm rộ; kể đó cả trăm nhà phổ thông kiến thức gắng sức giới thiệu trên báo, trong sách. Khi hạng trung nhân biết sơ sơ được mặt mũi nó ra sao thì là lúc nó đã hóa lão, vì khi người ta đã hiểu hoặc tưởng là hiểu được nó rồi thì nó còn gì hấp dẫn nữa đâu. Tới nữ thần Isis kia, mà đề cho tin đồ vén bức màn che mặt lên rồi thì cũng hết thiêng, hưởng hồ là các nhà tư tưởng. Cho nên muốn cho học thuyết của mình thọ thêm được một chút thì nên viết cho thật khó hiểu, như Foucault, tác giả cuốn *Les mots et les choses*.

Độc giả luôn luôn đòi hỏi những cái mới, mỗi ngày mỗi mới, nên các nhà văn hóa phải sản xuất hoài. "Nếu không thì sự đòi hỏi không có kết quả gì cả, như đập vào chỗ trống". Cũng như trong ngành kỹ nghệ, giai đoạn đầu các nhà văn hóa sản xuất đề độc giả tiêu thụ; rồi tới giai đoạn các độc giả phải tiêu thụ cho mau đề các nhà văn có thể sản xuất mà khỏi thất nghiệp. Đã có những sách dạy người ta đọc thật nhanh, mỗi phút một hai trang, không đọc ngang nữa mà đọc xéo, đúng hơn là đọc theo chữ chì, mỗi hàng chỉ đọc vài ba chữ. Tôi ngờ rằng sau này sẽ có một lối in sách mới mẻ: mỗi câu in đậm vài chữ quan trọng, đề độc giả chỉ đọc vài chữ đó cũng đủ đoán được ý trong câu.

Lúc đó các nhà văn hóa muốn khỏi thất nghiệp «phải đào sâu tới, căn bản của mỗi hiện tượng, vì đào sâu như vậy thì hiện tượng sẽ tan ra thành hàng ngàn yếu tố, mỗi yếu tố lại thành một vấn đề nữa, càng tìm cách giải quyết thì lại càng phát sinh ra nhiều vấn đề khác». (D.H. Lawrence). Nghĩa là phải chẻ cái tóc ra làm mười, làm trăm... tới các tế bào, mà quên mất công dụng của sợi tóc. Đó là nói hạng người có tài. Hạng kém tài thì phải moi hết các sách cổ kim khắp thế giới ra mà nhào nặn, viết lại, mặc dầu đã có cả ngàn cuốn về một vấn đề rồi, mặc dầu chẳng thêm được ý gì mới thì cũng cứ mười năm viết lại một lần. Như André Maurois đã nói, có lẽ họ sẽ chế tạo được những cái máy «tự chỉnh lý - sáng tạo» ghi được những tác phẩm cũ, nhào đi nhào lại hoài thành những tác phẩm mới vì biết bao nhiêu là cách kết hợp, không bao giờ hết. Vị nào có lương tâm hơn không dùng phương pháp kết hợp đó thì dùng phương pháp «ném cái nhìn mới» vào triết lí, văn học cổ, chẳng hạn đem tư tưởng của K. Marx, Sartre gọt vào Luận Ngữ, Truyện Kiều, rồi lại cho cả Khổng Tử lẫn Nguyễn Du là tổ sư của thuyết cơ cấu. Được lắm chứ, tại sao không? Cứ moi ra thì thấy. Có vậy mới hấp dẫn, mới tấn bộ, có công phát huy tư tưởng của tiền nhân, mới nổi danh và có nhiều tiền. Ta tưởng tượng cứ mười năm lại có một học thuyết mới, như vậy lại phải «ném cái nhìn mới» vào cả ngàn tác phẩm cổ điển Đông Tây từ ba

bốn ngàn năm trước. A! Có biết bao việc đề làm! Sẽ có vạn cuốn về mỗi nhà như Platon, Thích Ca, Shakespeare, Hồ Xuân Hương..., muốn chứa cho hết các ấn phẩm thì tại Sài Gòn, diện tích để cất thư viện sẽ gấp mười diện tích các sông bạc, sị-nách-ba, nhà tắm hơi hiện nay. Mặc dầu người ta sắp (hay đã?) tìm ra được cách thu một cuốn ngàn trang nhỏ lại chỉ bằng hộp quẹt.

Thời đại càng xáo trộn bao nhiêu, con người càng hoang mang bao nhiêu thì lại càng phải nuôi hi vọng ở tương lai bấy nhiêu. Những năm 1950-54, các ông bà bói bài, coi tướng, coi chỉ tay, bói dịch ngồi đầy đường Hàm Nghi. Các nhà bác học phương Tây cũng vậy, từ sau thế chiến đến nay đua nhau tiên đoán tương lai nhân loại: họ đăng báo, viết sách, diễn thuyết trong các cuộc hội nghị quốc tế, phác họa xã hội thế kỷ XXI kinh tế ra sao, chính trị ra sao, khoa học tiến tới đâu, giáo dục, văn hóa sẽ ra sao, các đô thị sẽ ra sao, sự giao thông sẽ ra sao vân vân... Tuy họ nói không có sách như các «mét» đường Hàm Nghi nhưng họ mách có chứng, và dĩ nhiên lý luận của họ hợp lô gích lắm.

Riêng Fourastié cũng đoán tương lai trong năm sáu cuốn: *Le Grand espoir du XXÈ siècle*, *Histoire de demain*, *La Civilisation de 1972*, *Pourquoi nous travaillons*, *Les 40.000 heures*, *Essai de morale prospective*... Chắc chắn sẽ còn nữa. Tư tưởng của học giả đó phong phú lạ lùng; những điều tiên đoán

của ông dựa vào các thống kê, có vẻ tin được một phần.

Trong *Pourquoi nous travaillons* ông bảo số dân hoạt động sơ đẳng (nông nghiệp) và nhị đẳng (kỹ nghệ) sẽ mỗi ngày mỗi giảm, vào khoảng năm 2100, trong mỗi ngành đó sẽ chỉ còn độ 10% tổng số dân hoạt động; còn về tam đẳng (dịch vụ) số người hoạt động sẽ tăng lên tới 80%.

Trong cuốn *Les 40.000 heures*, ông lại bảo qua thế kỷ XXI, mỗi người sẽ chỉ làm việc mỗi tuần độ 30 giờ, suốt đời chỉ làm việc 40.000 giờ vì tuổi học tăng lên, số ngày nghỉ mỗi năm tăng lên mà tuổi về hưu hạ xuống.

Lúc đó con người sẽ nhàn quá, mỗi ngày chỉ làm việc 6 giờ, năm ngày một tuần, biết làm gì cho hết ngày. « Làm ái tình », như André Maurois đã nói, sẽ mau chán mà nguy cho sức khỏe; du lịch hoài thì cũng hết thú, phải chơi thể thao, nghe nhạc, nhất là đọc sách. Người dân nào ít nhất cũng có học lực cỡ tú tài ngày nay, cũng tập được thuật đọc xéo, sẽ mỗi ngày đọc trung bình ba cuốn sách, mỗi năm cả ngàn cuốn sách; và để cung cấp món ăn tinh thần đó, số người cầm bút phải tăng lên kinh khủng, nếu chưa tạo ra được cái máy « tự chỉnh lý-sáng-tạo » của Maurois. Họ sẽ chiếm ít nhất là một nửa số người hoạt động tam đẳng, nghĩa là $80\% : 2 = 40\%$ tổng số người hoạt động trong nước, trong khi bọn người hoạt động về nông nghiệp chỉ có 10%, bọn thợ

thuyền cũng chỉ còn độ 10%. Lúc đó mới thực là thời « nhất sĩ », nhất về số đông.

Họ sẽ đông như kiến cỏ. Người nào cũng phải tập cái kỹ thuật sản xuất của Edgar Wallace (1875-1932). Ông ta sản xuất cuốn *Le traitre* dày 450 trang trong có ba ngày rưỡi: ông tự giam mình vào một căn phòng cửa đóng kín mít, ngồi trước một cái máy ghi âm đọc hoài, suốt ngày đêm, hết cuộn băng này, thay cuộn khác, không ăn, mà cứ nửa giờ uống một chén trà đậm (mỗi ngày uống 40 chén) và hút thuốc luôn miệng (mỗi ngày hút 100 điếu). Đọc hết cuộn nào, ông đưa cho thư kí đánh máy liền và sửa những chỗ sơ sót cho ông.

Nếu không được vậy thì ít nhất cũng phải như Georges Simenon, tác giả 400 tiểu thuyết trinh thám, mỗi cuốn trên 200 trang viết trong một hay hai tuần, trung bình mỗi ngày 15 trang.

Sản xuất như vậy mới đủ sống vì sự tranh đấu sẽ rất gay go, mà nhà văn vốn có nhiều tinh thần tự do, ghét kỷ luật, không sao tự tổ chức thành nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi được. Có tổ chức rồi thì họ cũng sẽ xé rào như các nhà báo, nhà thuốc tây ngày nay.

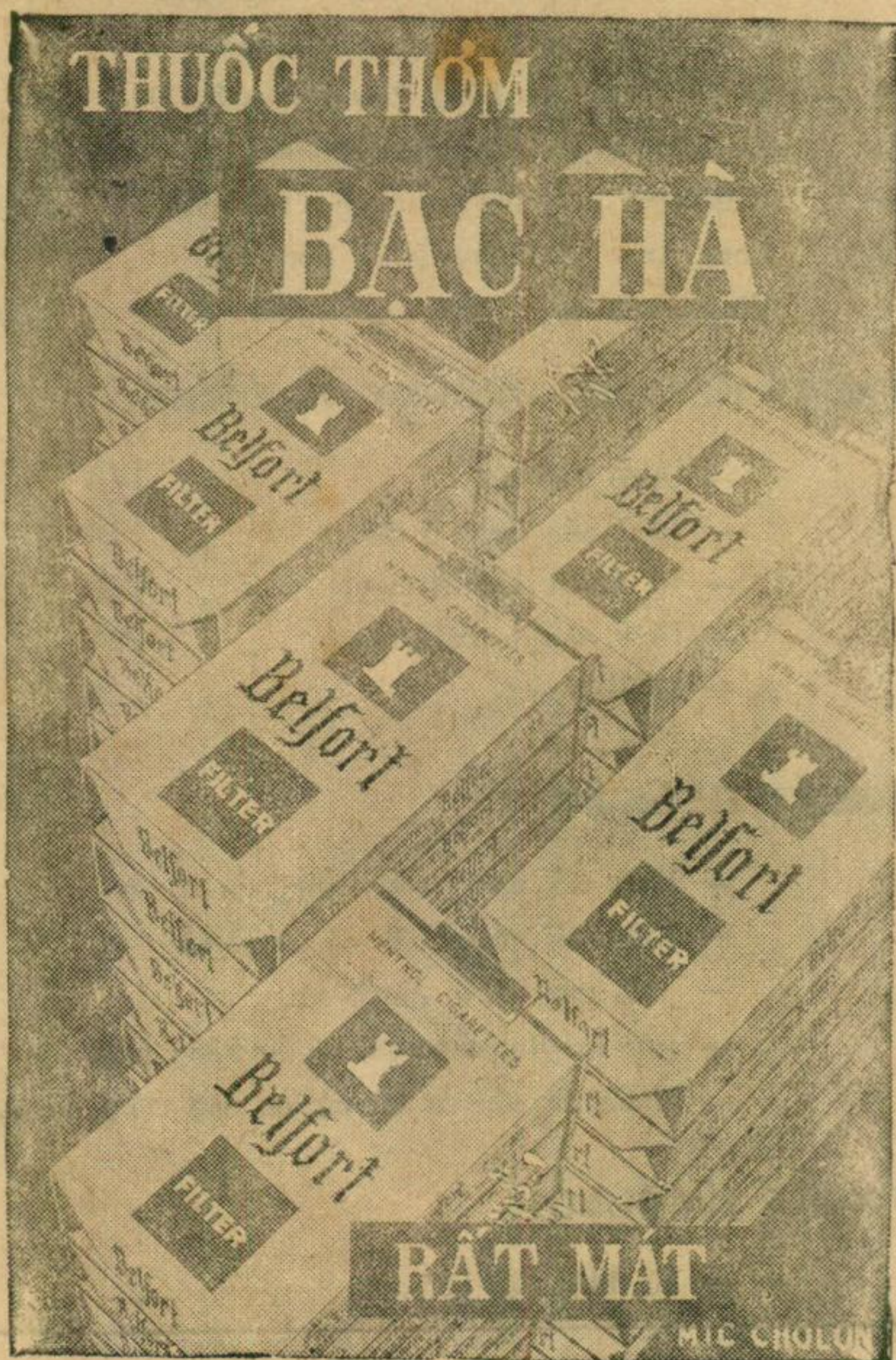
Sách báo hồi đó sẽ rẻ mạt. Mỗi ngày xe hốt rác phải hốt nhiều sách hơn là rác, vì đất đai đất đỏ, nhà cửa chật hẹp, chỗ đâu mà chứa mỗi năm mấy ngàn cuốn sách (ông bà, mỗi người ngàn cuốn, không kể các cô các cậu). Sách càng nhiều thì nó càng

không phải là vật quý nữa, giữ làm gì cho thêm bụi ? Tôi đoán mỗi nhà sẽ chỉ còn giữ vài ba tác phẩm cổ điển của mỗi thế kỷ, nhiều lắm là trăm cuốn trở lại, như ông bác tôi thời xưa. Giữ không phải để lâu lâu mở ra đọc lại — cớ lỗi quá ai mà đọc cho nổi — mà để khỏi thua ông bà hàng xóm. Bộ *Truyền kỳ mạn lục* chẳng hạn lại sẽ xuất hiện trong mọi tủ sách và nhà

nào giữ được một bản của Trúc Khê in trước thế chiến vừa rồi, sẽ trân tàng, nâng niu nó như một vị Bồ chánh, bạn cũ ông nội tôi thời trước. Nhất là bản in bằng giấy bản làng Bưởi trong những năm 1941-1945 sẽ có thể đặt lên cân mà đòi lấy kim cương... nhân tạo.

NGUYỄN HIỂN LÊ

Sài Gòn 15 XII 1972.



ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Từ chuyện áo quần ngày Xuân

• V Ò P H I Ê N

Tết năm ngoái, chiến tranh đang độ ác liệt mà áo quần thật loè loẹt. Xuân năm nay, gần hòa bình hơn mà dân Sài Gòn dường như không mấy hứng thú trong sự ăn mặc: ngoài đường không thấy xuất hiện những trang phục mới. Đã không thêm, lại có phần giảm: có mấy kiểu áo dài tân kỳ táo bạo nhất ra đời vào khoảng cuối năm ngoái, thì nay đã lặn đâu mất.

Năm nay không có sáng kiến trang phục, nhưng có sự củng cố. Chiếc quần phát Tây phương thoát tiên đến với chiếc áo dài cổ truyền, tưởng đâu là một sự cao hứng nhất thời; không ngờ nó đến rồi ở mãi đó. Địa vị của nó được củng cố, làm thành một tai họa ở hạ bộ người đàn bà xứ sở. Thật vậy, cái gì lại phần trên thì bay bướm phấp phới mà phần dưới thì cứng đờ ra như mo nang?

Sự chấp nhận dễ dàng cái món kỳ cục đó ở hạ bộ của người phụ nữ hôm nay khiến chúng ta nhớ lại thái độ khó khăn của họ đối với chiếc quần vua Nguyễn ngày trước, nhớ đến trái Sa-kê hôm nọ (1), đến thân phận thi hào Nguyễn Du xưa kia, đến sự phân rẽ Nam Bắc đôi miền v.v...

oOo

Đề câu chuyện bớt vẻ lung tung, hãy gấp trở lại chiếc quần.

Ai nầy hân còn nhớ việc vua Nguyễn xuống chiếu buộc đàn bà bỏ

váy mặc quần; đàn bà ngoài Bắc không chịu, vua đòi làm tội: không quần không được nhón nhơ ở chỗ công cộng, chợ búa. Đàn bà đành mượn quần chồng mặc đi chợ, nhưng lại bêu riếu nhà vua trong nhữn; câu hát độc địa lan truyền khắp nước (2).

Rốt cuộc, nhà Nguyễn dựng nghiệp rồi nhà Nguyễn mất nghiệp tự những bao giờ mà người đàn bà Bắc vẫn giữ nguyên chiếc váy, tro tro cùng tuế nguyệt. Vào cái thời văn minh Tây phương đã thấm nhuần sâu xa vào xã hội ta, một cô gái Bắc vẫn nằm mơ chiếc váy sồi giữa một câu "thơ mới" của Anh Thơ (3).

Trong cái sự nhì nhằng giữa vua tôi nhà Nguyễn về một chiếc quần như thế, người đàn bà đã bày tỏ sự bướng bỉnh đáng ngạc nhiên.

Nói cho đúng, đó là sự bướng bỉnh của người dân Bắc đối với triều đình Huế. Bởi vì có những trường hợp cả nam lẫn nữ đều một thái độ như nhau, không phân biệt. Chẳng hạn về thái độ đối với các tên các hiệu vua chúa nhà Nguyễn. Có những tiếng mà người Trung người Nam vẫn đọc trại đi. Hoàng trại ra huỳnh,

(1) Xin xem lại bài « Sa-kê », cùng tác giả, trên *Bách Khoa* số D (384) ra ngày 1-1-73.

(2) « Không đi thì chợ không đông,
Ra đi phải lột quần chồng sao đang. »
(Ca dao)

(3) « Đi nhón mơ chiếc váy sồi đen nhưc. »
(*Bức tranh quê*)

long ra lương, mệnh ra mạng, trị ra trị, đức ra đức, phúc ra phúc, hòa ra huê v.v..., có lẽ là vì các ông Nguyễn Hoàng, Gia long, Minh mệnh Tự đức, Thiệu trị, Kiến phúc, Hiệp hòa v.v... Nhưng ở ngoài Bắc thì trước sau hoàng vẫn là hoàng, phúc vẫn là phúc..., không có sự kiêng kỵ né tránh nào cả.

Trong những trường hợp bắt buộc thì đành phải tuân lệnh: ra chợ phải mặc quần, đi thi phải giữ trường qui v.v...; nhưng phép nước chỉ giữ qua quýt lấy lệ vậy thôi, trong lòng vẫn lấy làm một sự miễn cưỡng. Ở đây, chỉ có luật pháp, không có tình cảm.

oOo

Ở Đàng Trong thì trái lại: tình cảm thật thấm thiết.

Vua quan chỉ bắt bề được cách thức viết lách trên văn bài ở trường thi, trên giấy tờ nộp đến cửa công, chứ vua quan theo dõi sao cho được tới lời ăn tiếng nói của mỗi người trong cuộc sống hàng ngày, lời nói phát ra rồi bay đi giữa vợ chồng, con cái, bà con xóm giềng với nhau? Vậy việc đọc trại một số tiếng ở Đàng Trong có lẽ là việc tự nguyện, do cảm tình của dân gian đối với vua chúa chăng?

Ngược lại, triều đình Huế cũng không giấu được sự thiên vị tình cảm đối với Đàng Trong: thiên vị đối với cỏ cây (trái bòn bon, trái sa-kê v.v...) (1), đối với hạng tôi tớ hầu hạ (bé gái Bình thuận) (1), đối

với đàn ông trong những chuyện quốc gia đại sự, đối với đàn bà trong tình chăn gối riêng tây v.v...

Thật vậy, các phi hậu triều Nguyễn một số lớn được tuyển ở trong Nam, rất hiếm ở Bắc. Ở trường hợp vua Gia-long thì không nói làm gì: Lưu lạc vào Nam từ nhỏ, đích thân cầm quân vùng vẫy từ hồi mười bảy tuổi, suốt thời hoa niên lênh đênh trên sông rạch miền Nam, trong khoảng trắng nước Đồng Nai v.v..., những mối tình sâu đậm nhất đời ông diễn ra ở trong Nam là phải. Nhưng rồi đến các kẻ kế vị, đến cháu chắt ông, cho tới vua Bảo Đại cuối triều Nguyễn cũng vẫn chọn bạn lòng ở tận miền Nam. Nơi đây, có tình (như Gò công) có đến ba bà hoàng hậu. Hoàng hậu người Nam có bà (như bà Từ Dũ) về làm dâu ngoài Huế từ hồi mười lăm, sống đến trên chín mươi tuổi, được yêu mến rồi được trọng vọng: trong suốt thời gian ấy bà đã gây ảnh hưởng lớn vào tâm hồn của cả vua chồng, vua con, rồi vua cháu.

Trong số châu bản đời Gia long còn lại, những tờ công văn của nhà vua truyền ra liên hệ đến chuyện tình cảm chiếm một số không nhỏ: nào truyền cho trấn Gia định đem hương cốt bà Nguyễn thị Thông về an táng tại Thuận hóa, nào truyền cho trấn Gia định dâng rõ Uẩn ngọc hầu về phép thăm nhà rồi khi trở ra kinh sẽ đem theo vợ lẽ và con gái của Tiên huy quận công ra luôn thê, nào truyền về việc Huyền hòa hầu về Gia định lo đám của thân phụ v.v.

(1) Xin xem bài «Sa-kê» trên BK số I-I-73

Lại nghe nói từ đời Thiệu trị, món mắm tôm xay ở Gò công đã theo bà Từ Dũ ra Huế, làm một món quà vương giả, được thưởng thức (và được bốc thơm từng bưng, dĩ nhiên).

Thật là riu ra riu rít.

oOo

Gái trong Nam vừa mắt, cây trái mắm cá trong Nam vừa miệng : đó là cái thiên vị về tình. Còn như cái thiên vị trong sự xét đoán, cái thiên vị của lý trí, cho rằng người trong Nam tài giỏi : cái ấy mới ngộ. Và cái ấy hình như cũng có nữa.

Những khai quốc công thần đến với vua Gia Long trong buổi đầu toàn người Đảng Trong là sự tự nhiên ; nhưng đến khi thống nhất sơn hà rồi nhà vua có vẻ vẫn chỉ thực sự tin cậy ở người Đảng Trong.

Tổng trấn Gia định là người Đảng Trong, tổng trấn Bắc Hà cũng người Đảng Trong.

Khi chọn lựa thái tử để nối ngôi, vua Gia Long bàn bạc với các ông Nguyễn văn Thành, Lê văn Duyệt, Lê Chất, Phạm đẳng Hưng, Trịnh hoài Đức : toàn người Đảng Trong.

Khi chọn người tài để phụ chánh và dạy dỗ các hoàng tử, vua Minh Mạng chọn Trương đẳng Quế, ông cử nhân đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi, mà không nghĩ đến những vị tiến sĩ giòng giới mấy đời khoa bảng ở Đảng Ngoài. Cũng như bà Từ Dũ, vị cận thần này đã có ảnh hưởng lớn về tình thần đối với ba vị vua liên tiếp.

Trong một không khí triều đình như thế người ta dễ hiểu tại sao vua Minh Mạng phải nói với Nguyễn Du "Quốc gia dùng người cốt cầu lấy nhân tài chứ không phân biệt gì Nam với Bắc. Khanh cùng với Ngô Vị đã mông ơn trí ngộ, quan đến á khanh, phải nói năng bàn bạc đề xứng đáng với chức vụ, có sao lại giữ thói rụt rè e sợ, chỉ vâng dạ cho qua chuyện ?"

Cái câu "không phân biệt gì Nam với Bắc" là một câu khả nghi, bởi vì lẽ đâu thình không nhà vua lại nêu chuyện phân biệt ấy ra thành vấn đề? Đã nêu ra đề cãi rằng không có, thường thường là bấy giờ đâu đó đã phong phanh dư luận bảo rằng có. Lắm khi đó không còn là dư luận phong phanh mà đã hóa thành kiến chắc mẫm không chừng.

Ngô Vị (con Ngô Thời Sĩ) với Nguyễn Du là những con giòng cháu dôi, thuộc những họ lớn lưng lầy ngoài Bắc, họ không có lý do gì để mang mặc cảm, thế mà họ còn «rụt rè e sợ» thì quả đáng suy nghĩ. Và lại Nguyễn Du đâu phải là kẻ không biết «nói năng bàn bạc» ? Trong hạng nghệ sĩ văn nhân có lắm kẻ tâm hồn đa cảm, nội hướng, thích cô tịch : một mình trong phòng thì viết rất hay, ra chỗ đông đảo uy nghiêm thì xúc động, bối rối. Nhưng thi sĩ Nguyễn Du không phải người như vậy. Trong chỗ thân mật, ông «nói năng bàn bạc» tuyệt vời : Khi ông mất, Lê bộ Thượng thư là Hùng Nhượng hầu phải than : «Bây giờ khó tìm được người như Nguyễn Du

đề đàm đạo." Mà ra trước đám đông, xuất hiện trước khung cảnh triều đình lộng lẫy, ông cũng ứng đối xuất sắc lắm : cầm đầu sứ bộ đi Trung quốc hẳn ông đã thành công cho nên sau lại được cử làm chánh sứ lần nữa chứ.

Một kẻ không «rút rè e sợ» giữa triều đình nhà Thanh lại đâm ra «rút rè e sợ» giữa triều đình nhà Nguyễn : lạ thay.

Cũng có người nói đến cái tâm sự hoài Lê của Nguyễn Du, bảo rằng ông chỉ làm quan miễn cưỡng tại Huế. Trời ! Làm quan miễn cưỡng mà một vị tú tài lại leo lên đến Chức Tham tri, mà được cử làm chánh sứ !

Rốt cuộc, chỉ còn có cái lý do vua Minh mạng đã gọi ra là nghe được.

Và câu chuyện của ông Nguyễn đình Ngân kể lại cho ông Nguyễn văn Hoàn đâm ra có vẻ tin được (1) Kể rằng hồi ở Huế ông đã từng nghe nói lúc Nguyễn Du chết, nhà vua có cho người đến nhà lấy có phúng điếu đề rồi tịch thu tất cả giấy tờ người quá cố. Những giấy tờ ấy—trong đó có cả bản thảo *Truyện Kiều*—cuốn thành một cuốn lớn, cất giữ trong thư viện riêng của nhà vua, sau 1945 chính quyền đương thời đã đưa đến quận Phong điền mà không kịp chuyển ra Bắc nên bị thất tán trong chiến tranh.

Có một sự nghi ngờ đã đeo đuổi Nguyễn Du đến chết, thật chẳng ? Nếu không, ít ra cũng có một không khí thiếu thoải mái, có những lời bàn

tán, có một thành kiến nào đó khiến phát sinh ra câu chuyện đồn đãi mà ông Nguyễn đình Ngân đã nghe.

Trong triều đình các vua chúa ở Thăng long trước kia non nghìn năm tránh sao khỏi thỉnh thoảng có một vài ông quan rút rè vâng dạ cho qua chuyện, thế mà chưa hề nghe có vua nào đem chuyện Bắc Nam hay Bắc Trung phân biệt ra giải thích. Trước, đó không thành chuyện, sau bỗng thành chuyện. Trong triều vua ở Huế, hoàn cảnh quả có khác.

Nhưng dù sao, tâm lý của đám ba ông vua, óc địa phương bè phái ở một triều đình quan lại, cũng chẳng mấy quan trọng.

oOo

Nếu có gì đáng chú ý hơn, thì đó là tâm lý của dân chúng đông đảo.

Và ngay trong dân chúng, hình như cũng có hai tâm lý.

Đối với người dân Việt trong Nam, dù xa xôi tận U minh, thì đất thần kinh vẫn không thể quên được. « Ròng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng nai », đôi bên cùng nhau mật thiết. Đất trong Nam là do nhà Nguyễn mở mang, tên làng do nhà Nguyễn đặt, thần làng do nhà Nguyễn phong, chữ nghĩa do người Thuận Quảng đem vào dạy dỗ, quan tước được ban phát từ triều đình nhà Nguyễn v.v..., đối với người dân ở

(1) *Truyện Kiều*-Đoạn trường tân thanh. Nhà xuất bản Văn học, H. N-1966.

đây, Thuận Hóa là cuống rốn của văn minh. Ngoài ra, họ có tiếp nhận thẳng được gì từ đất tổ ngoài Bắc đâu?

Trái lại, trong con mắt của người Bắc, Thuận Hóa là miền chậm tiến. Vào thế kỷ XVII, khi triều nghi ở Thăng long đã nghiêm chỉnh, lâu đài cung điện đã lộng lẫy hết mực, thì ở Phú xuân chúa Nguyễn còn chưa biết sắp đặt tổ chức ra lẽ lối gì : mỗi lần có đám cháy ở kinh thành, chúa còn lo chạy bồ sắp, bồ ngựa đi chữa lửa, mệt thở hồng hộc (1). Như vậy, tuân phục triều đình thì đành tuân phục, chứ ngoài ra người dân Bắc đâu có nghĩ đến chuyện học theo cung cách nói năng ăn mặc, theo phong tục của Đàng Trong? đàn bà không chịu mất váy vì vậy.

Người dân trong Nam nhớ thương đất Thuận Hóa như chim nhớ tổ như nước nhớ nguồn ; còn người dân Bắc thì họ sống tại cội nguồn, còn mơ tưởng về đâu nữa. Xung quanh họ nào những đền Hùng, núi Tản viên, làng Phù đồng v.v..., chứng tích buổi hồng hoang sơ khai của dân tộc hãy còn gần gũi bên mình, Những cái đó người trong Nam đâu

biết đến ?

Thật vậy, trước kia, sau thời Nam Bắc phân tranh cách biệt và trước khi cái học quốc ngữ với những sách giáo khoa của các ông Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ v.v... được phổ biến, có lẽ trong đám bình dân lam lũ thất học quanh năm lo xông pha khai phá những miền sinh lầy Cà mau U minh, trong đám người ấy ít ai nghe nói đến Hùng Vương, Phù Đồng ... Có nghe chăng, những chuyện đó cũng xa xôi, viễn vông, mơ hồ. Hùng Vương dựng nước không rõ ràng bằng chúa Nguyễn mở nước. Bởi vậy, đối với nhà Nguyễn có sự kính trọng triu mến : hoàng ra huỳnh, kim ra cam, phúc ra phước v.v,.. là phải.

oOo

Đó là chuyện cũ, bây giờ thì khác, Bây giờ không những chính quyền giỗ tổ Hùng Vương ở Sài Gòn, mà dân chúng ở tận Long Khánh, Tây ninh, Phước tuy v.v... còn có dự án dựng đền Hùng ở núi Chứa chan, ở núi Bà Đen, ở Vũng tàu...

VÕ PHIỄN
1-1973

(1) Thích Đại Sán — Hải ngoại ký sự.

Đón đọc :

GIAI-PHẨM QUẢNG-ĐÀ Xuân Quí Sửu

Do HỘI ÁI-HỮU QUẢNG-ĐÀ chủ trương

Với sự cộng tác của : Di Lão — Phạm Phú Hưu — Hà Ngại —
Bùi Giáng — Vũ Hạnh — Tạ Ký — Trịnh Chuyết — Tường Linh —
Phạm Lê Phan — Huỳnh Phan — Thành Tôn — Đông Trình...

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Chơi câu đối

Trước đây, mỗi kỳ Tết đến Xuân về, người Việt-Nam có thú chơi câu đối, và cho đến ngày nay, mặc mọi sự diễn biến của thời cuộc, mặc mọi sự tiến bộ, gần Tết chúng ta vẫn thấy những ông đồ già lồi thò bán chữ ở đại lộ Hàm-nghi, ở đường Pasteur và ở nhiều nơi khác giữa Sài-gòn hoa lệ, và sự kiện này chứng tỏ nhiều người trong chúng ta vẫn chơi câu đối, vẫn dùng câu đối để đón Xuân.

Trong B.K. số tân niên năm ngoái, chúng tôi đã có dịp trình bày một số các câu đối cổ lưu truyền từ cụ kỵ chúng ta, Hán có Nôm có. Xuân lại đến, Tết lại về, tự thấy mình không thể như một số người yếm thế:

Tết đến sau lưng thấy mẹ Tết

Xuân qua trước mặt mặc cha Xuân

Nên gọi có mấy trang này đóng góp cùng bạn đọc trong cái Tết Quý Sửu.

Dù ngày nay Tết đến, mọi nhà không còn cái cảnh:

Nêu cao, pháo đỏ bánh chưng xanh,

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ.

nhưng mọi người vẫn ăn Tết, và nhiều gia đình vẫn thích thú với những hàng câu đối.

Bởi vậy, chúng tôi xin được phép trở lại cái thú chơi câu đối. Năm ngoái chúng tôi đã nhắc tới những câu đối của những tác giả vô danh, người xưa để lại hằng được các ông đồ viết sẵn bày bán ở vỉa hè, năm nay chúng tôi xin được nhắc tới những câu đối hữu danh.

Trước hết chúng tôi xin, nói tới những câu đối Tết. Ông Tú Xương, trong lúc Xuân về, thấy thiên hạ thi nhau đốt pháo vẽ vôi, cảm cảnh đất nước bị ngoại bang đô hộ, đã treo câu đối:

Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo,

Nhân tình bạc thế vẫn bôi vôi.

Và ông còn có đôi câu đối khác về Tết với Xuân:

Ba vạn sáu ngàn ngày, gộp lại chốc đà trăm bận Tết.

Một năm mười hai tháng, ước chi đủ cả bốn mùa Xuân.

Tết đến, người phong lưu hưởng Tết, còn người cùng túng, mỗi lần lại thêm lo, nhưng lo thì lo, chỉ lo sao cho qua đêm 30 Tết, vì có tục đòi nợ tất niên, chứ đến sáng mùng Một, đầu năm Nguyên-đán dù sao cũng lại Xuân rồi. Cụ Nguyễn-Công-Trứ có đôi câu đối:

Chiều ba mươi, nợ hỏi tít mù, co căng đập thẳng Bàn ra cửa,
Sáng mồng Một, rượu say túy lúy, giờ tay bỗng ông Phúc vào nhà.
Cũng ý kiến trên, trong rưng câu đối của người xưa, chúng tôi được
đọc:

Tối Ba mươi, nần nợ rồi canh tân, những ước mười năm đồn lại một,
Sáng mồng Một, rượu chè say quý tị, muốn cho ba bữa hóa ra mười.

Và đôi câu đối sau đây có vẻ hợp với ngày nay nhưng thực ra lại là
của người xưa cách đây trên dưới năm chục năm:

Hành niên qua đến cùn xương, nào tiền nhà, nào tiền học, nào tiền thuế,
nào tiền ăn, nghĩ đời sống lắm phen chớ phở,

Mùi Tết nước tha hồ béo mỡ, này chén rượu, này chén chè, này chén
anh, này chén chú, gặp ngày Xuân thỏa sức đá gà.

Cụ Nguyễn Công Trứ còn có một đôi câu Tết đề tự riều mình:

Anh em ơi! Băm sáu tuổi rồi, khắp Đông Tây Nam Bắc bốn phương,
đâu cũng lừng danh công tử xác.

Trời đất nhĩ! Một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư một gánh, làm
cho nổi tiếng trượng phu kên.

Hồ-Xuân-Hương cũng đã từng có câu đối Tết:

Tối ba mươi, khép cánh càn khôn nich chặt lại kéo ma vương đưa quỷ tới
Sáng mồng Một lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước
Xuân vào

Thường thì Tết đến là vui, là mừng nên câu đối Xuân thường nhắc
tới sự mừng vui, nhất là tiếng pháo tượng trưng cho Xuân, cho Tết:

Tiệc Xuân vui mở, mồng Một, mồng Hai, mồng Ba Tết,
Chúc tụng phát tài, mà trăm, mà nghìn, mà vạn may

(khuyết danh)

Tối ba mươi, giờ căng đung cây nêu, ủa Tết,
Sáng mồng Một, lắng tai nghe tiếng pháo, à Xuân.

(Cụ Nghè Tân)

Thiên hạ đại vô cùng, pháo nổ ãi ãi ãi thêm mất chó,
Ông này khôn bất trị, rượu say túy lúy lại nần mèo.

(Lê Công Tâm)

Cụ Ngô-Đức-Kế, trước cảnh nhà tan nước mất, cũng có đôi câu
đối Tết:

Ba chục triệu đồng bào, híp mắt no say ba bữa Tết,
Bốn ngàn năm tổ quốc, ôm lòng chờ đợi một ngày Xuân.
Và ngày nay, đã có người tức cảnh trước Xuân về:

Tết nhất nũa làm chi, nỡ dùng thay tiếng pháo, đưa dân Nam
về với tiền-nhân.

Xuân xanh còn gì chứ, súng Nga chổng ngược thế cây nêu, dẫn người
Việt xa lìa hậu-duệ.

Đối với phần đông dân chúng, người ta chơi câu đối theo tục lệ, riêng đối với những người chơi chữ, chơi câu đối thật là một thú thanh cao. Người chơi chữ gửi tâm sự vào câu đối, khóc người thân bằng câu đối, riếu cợt kẻ hèn, kẻ róm bằng câu đối và tỏ lòng kính trọng người hiền tài cũng bằng câu đối.

Ông Nguyễn-văn-Xuyết người làng Hoàng-Mai đi thi đỗ ba khoa Tú-tài, được mệnh danh là ông Mền Hoàng-Mai, học văn uyên-thâm, mở trường dạy học. Ông sống đến 80 tuổi. Lúc về già ông có đôi câu đối tự riếu mình :

Tú xác đã ba khoa, giấy rách lẽ còn phải gìn giữ lấy nếp nhà một tí,
Tuổi sơ ngoài bảy chục, tre già măng mọc, mặc đua đòi trong đám hội
ba que.

Ông Ông-Ích-Khiêm, một vị tướng tài dưới triều vua Tự-Đức, một lần đi đánh giặc, bỗng được tin mẹ chết, không thể về chịu tang được, đã viết đôi câu đối gửi về khóc mẹ :

Mạc hiềm trần thế Khiêm vô mẫu
Ứng tiểu tuyền đài phụ hữu thê.

Lãng-nhân dịch :

Trần thế dưng hiềm Khiêm mất mẹ,
Tuyền đài có vợ hãy mừng cha.

Khi ông Tú-Xương qua đời, cụ Yên-Đồ có đôi câu đối khóc :

Nào ai chín tuổi xương không nát
Có lẽ ngàn năm miệng hãy còn.

Phải chăng cụ Yên-Đồ đã biết trước sự nghiệp văn chương của ông Tú-Xương đã dành cho ông một chỗ ngồi trong văn học sử, và tiếng ông ngàn năm bia miệng hãy còn...

Về câu đối viếng, chúng tôi không thể không nhắc tới đôi câu đối cụ Phan Bội Châu viếng nhà Cách mạng Tôn Dật Tiên, Trung quốc :

Bắc dĩ loạn nhi trị, Nam dĩ trị nhi vong, anh hùng trường hận ;
Ngã đương tử tắc tồn, quân đương tồn tắc một, tạo hóa hà tâm.

Lược dịch :

Trung quốc loạn mà bình, Việt nam bình mà mất, hận anh hùng bao
người được ;

Tôi đáng chết mà còn, Ngài đáng còn mà chết, lòng tạo hóa nỡ sao đang.

Đôi câu đối không những đã nói lên tâm sự của nhà chí sĩ Việt Nam, còn nhắc tới cả tình trạng nước ta hồi đó.

Khóc người thân, viếng bạn bè bằng câu đối, người ta còn dùng câu đối để châm biếm và riếu cợt,

Cụ Yên Đỗ đã đưa một ông tướng một mắt :

Cung kiếm ra tay, thiên hạ đồ đồn hai mắt lại,

Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có một người thôi.

Một ông đồ nghèo quê ở Hà Nam, gần làng cụ Yên Đỗ, nhà làm hương Bắc, mùa rét thật rét, mùa đông thật nóng, định tự riếu mình bằng một đôi câu đối. Ông mới nghĩ được một vế, còn vế sau chưa biết đặt thế nào :

Người Nước Nam, hỏi tiếng Tây chẳng biết Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết Tàu, cho nên phải mình tiên vương chi đạo dĩ đạo (1)

Cụ Yên Đỗ tới chơi, ông đồ ngỏ ý xin cụ sửa giùm và làm cho vế dưới. Cụ Yên Đỗ đã vừa uống trà vừa đọc :

Nhà hương Bắc chưa ai rét mình đã rét, chưa ai bức mình đã bức, mới gọi là tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu (2)

Về câu đối châm biếm, ông Trần-Bình cũng đề lại những đôi câu đối thật tài tình.

Trước đây có ông Bảng họ Phạm, đã từng làm Thượng-thư bộ Hộ, là một người rất trung thành với người Pháp. Khi Việt-Nam Quốc-dân-đảng khởi nghĩa ở Yên-Bái, ông có tìm đến viên Thống sứ Robin, rưng rưng nước mắt tỏ ý công phần. Khi ông chết, Robin về tận làng đọc điệu văn ca ngợi. Trước sự kiện đó, ông Trần-Bình có đôi câu đối viếng :

Vai nhỏ tên cho thân cổ lão

Đút của hiểm thấy mặt công thần.

Ông lại có một đôi câu đối rất hóm hỉnh được truyền tụng riếu cợt hai ông Vi-Văn-Định và Nguyễn-Năng-Quốc, hai vị đại quan dưới thời Pháp thuộc. Ông Vi có bộ răng đẹp nhưng răng giả, ông Quốc hai vợ, nhưng lúc đó lại giở chuyện tu hành :

Hàm răng mang nặng : hàm răng giả,

Túi đạn đeo thừa : túi đạn chay !

Và dưới đây là đôi câu đối, ông riếu bố con cô Tư Hồng

Bốn chữ sắc phong HÀM cụ lớn

(1) Đại học : Làm sáng cái đạo tiên vương đề noi theo.

(2) Phạm-Trọng-Yêm, Nhạc dương lâu : Lo trước cái lo của thiên hạ.

Ba thuyền tể độ CỬA bà to

HÀM ở đây chính nghĩa là phẩm hàm của triều đình phong, nhưng cũng có nghĩa là quai hàm, còn CỬA ở đây chính là cửa cải, nhưng ta hiểu thêm là «cửa»... cửa phụ nữ.

Nguyên năm đó, tỉnh Quảng-Bình mất mùa, cô Tư Hồng từ Bắc chở ba thuyền gạo vào định bán lấy giá cao, nhưng chính quyền biết ý ra lệnh tịch thu. Cô liền tuyên bố là đem gạo vào để phát chẩn cho dân đói. Sau vụ này, cô được vua ban hàm tứ phẩm, và ông cụ thân sinh ra cô cũng được tặng phong.

Dùng câu đối để châm biếm riều cợt người hèn, kẻ rởm, nhưng đối với các bậc hiền tài, các anh hùng có công với quốc gia, câu đối chỉ xưng tụng và đề cao. Cụ Chiêu-Dương có đôi câu đối xưng tụng công đức Hưng-Đạo-Vương :

*Bày trận thế, bắt tướng Hồ, nổi tiếng anh hùng vang đất Bắc,
Đem tài năng, cứu dân Việt, giữ nền xã tắc lừng trời Nam.*

Cụ Huỳnh-Mẫn-Đạt có đôi câu đối sau đây ca tụng cụ Nguyễn-Trung-Trực, nhắc tới hai trận chiến thắng của cụ ở Vàm Nhật-Tảo và ở Kiên-Giang :

*Hỏa hồng Nhật-Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên-Giang khắp quỷ thần.*

Ngày nay, tại đền thờ các vị anh hùng liệt sĩ, còn lưu biết bao nhiêu câu đối ca tụng công đức của các người. Dưới đây là câu đối của ông Phạm-Duy-Hồ cung soạn đề thờ tại đền Hùng vào năm Giáp-Dần (1914) :

Non nước cao sâu, tướng bóng Longtiên còn thoảng đó.

Khói hương ngào ngạt, động lòng sơn hải biết yêu nhau.

Tại đền thờ tướng quân Đoàn-Thượng ở Bần-Yên-Nhân thuộc tỉnh Hưng-Yên Bắc-Việt, có đôi câu đối của bà Đoàn-thị-Điễm :

Thanh miếu tuế thời hương, lăng cốc bát khai canh hoàn cực,

Hồng châu kim cổ lộ, cương thường sức khởi vãng lai nhân.

Dịch của Nhật-Nham Trịnh-Như-Tấu :

Khói hương thanh miếu ngào, trời trắng gió nêu cao nền tiết nghĩa

Đường xa Hồng Châu đi lại, khách gần xa trông rõ cột cương thường

Và đây là đôi câu đối tại đền thờ Hưng-Đạo-Vương :

Vạn kiếp hữu sơn giai kiếm khí,

Lục đầu vô thủy bất thu thanh

Lược dịch :

Vạn kiếp núi cao hơn kiếp tòa,

Lục đầu nước chảy tiếng thu vang.

Còn nhiều, còn nhiều nữa, những đôi câu đối ca tụng các vị anh hùng dân tộc, các liệt sĩ và các anh thư, nhưng ở đây chúng tôi rất tiếc không thể ghi thêm vì khuôn khổ chật hẹp của một bài báo.

oOo

Truyện cũ kể rằng, có một cậu học trò nghèo, lấy được vợ con nhà quan, giàu. Hôm cưới, ông bố vợ muốn thử tài chàng rể ra câu đối :

Con rể nết na xem tử tế.

Cái khó ở đây : «tử tử» nghĩa là con rể.

Chàng rể không đối được, hẹn đến ngày hôm sau. Chàng phải tìm đến vị hôn thê, nàng đã gả cho chồng :

Ông chồng cay đắng kẻ công phu

Công phu lại chính là ông chồng : Dụng ý ở đôi câu đối trên là những chữ đồng nghĩa mà khác âm đối nhau. Lại có những câu đối, người ta dùng những chữ đồng âm khác nghĩa đối nhau :

Ruồi đậu mâm xôi đậu,

Kiến bò đĩa thịt bò

Có người ra câu đối lại dùng lối nói lái để thử tài :

Có vài cái vôi

Người đối đã đối :

Kia mấy cây mía

Trước đây, nhiều thiếu nữ đã thử tài những ai muốn đương cung bản sẽ bằng câu đối.

Tương truyền vợ ba Cai Vàng nữ danh là Miên, có ra về câu đối kén chồng :

Cô Miên ngủ một mình.

Câu này khó đối vì «cô» là một mình, «Miên» là ngủ, cô Miên lại là tên. Về câu đối của cô Miên rất lâu không ai đối được, về sau có Cai Vàng làm Cai Tổng mà tên tục là Thịnh đã đối :

Tổng Thịnh tóm nhiều dứa.

Tổng là tóm, thịnh là số đông, Tổng Thịnh lại là tên. Câu đối này đã khiến cô Miên ưng thuận làm vợ ba ông Cai Tổng.

Về câu đối của cô Miên so với về câu đối của Đoàn-thị-Điễm dưới

đây, cái khó cũng tương đương:

Da trắng vỗ bì bạch

Câu này Trạng-Quỳnh đã chịu, và sau đã có những vế đối:

Giấy đỏ viết chỉ chu;

Nhà vàng ngồi đường hoàng.

Trời xanh màu thiên thanh.

Ba vế trên, hai vế trước có vẻ gương gạo, vế thứ ba xem ra thuận hơn.

Và câu sau này cũng là một vế câu đối kén chồng.

Một mặt người bằng mười mặt của,

Câu được chấm là:

Mảnh chồng quan hơn đàn chồng dân,

Học trò nghèo ngày xưa thường hay bị thử tài. Có một anh học trò nghèo túng quá phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không biết nhà giàu lại là một hưu quan. Hưu quan thấy anh học trò ra vế câu đối thử tài:

Quân tử cố cùng, quân tử cùng quân tử cố

Nghĩa: *Người quân tử bền lòng lúc cùng khổ, quân tử lúc cùng, quân tử bền lòng.*

Câu này lấy chữ trong sách Luận Ngữ, lại khó vì ở đây chữ cố nghĩa nôm là cầm cố và chữ cùng nghĩa nôm là cùng khổ.

Anh học trò nghèo đã trích Tam-Quốc đối lại:

Khổng-Minh cầm túng, Khổng minh túng Khổng minh cầm.

Nghĩa: *Khổng Minh bắt tha, Khổng Minh tha, Khổng Minh bắt.*

Trong truyện Tam-Quốc, Khổng Minh bắt lại tha Mạnh Hoạch đến bảy lần.

Câu đối rất hay vì ở đây cầm nghĩa nôm là cầm cố, và chữ túng nghĩa nôm là túng tiền.

Nhờ vế câu đối, vị hưu quan đã tặng không anh học trò nghèo một số tiền.

Nói về chuyện câu đối, thường có nhiều giai thoại rất thú vị. Như trước đây, tại một chùa ở Nghệ-An có một vị sư cụ thích thơ phú, mỗi lần Tết đến thường viết câu đối dán khắp chùa. Một nhà nho, ông Hoàng Phan Thái giả làm người học trò nghèo tới chùa xin ngủ nhờ. Ông Thái thấy ở cột cửa Tam-Bảo có một đôi câu Cối bốn chữ:

Khuyến thiện trừng dân

Cứu nhân độ thế.

Ông liền lấy bút viết thêm vào cả hai vế:

Khuyến thiện trùng dân, con đâu đẻ tháng tư mồng tám.

Cứu nhân độ thế, của ai vay mất một đèn mười.

Trước đây ngày mồng tám tháng tư là ngày Phật-Đản và phương ngôn có câu : Cửa Bụt mất một đèn mười.

Hôm sau nhà sư đọc thấy giận lắm. Giữa lúc ấy nhà sư rót dầu vào đèn, Thái tới, nhà sư trừng mắt nhìn Thái đồ dầu đồ cả ra để đèn. Nhà sư liền lầm bầm :

Dầu vương ra để

Hoàng Phan Thái liền *ai :*

Ỉa vãi vào sư

Vừa đối vừa cầm đầu chạy.

Đến đây câu chuyện câu đối có lẽ đã hơi dài. Chúng tôi xin được phép chấm dứt bằng một câu chuyện vui cũng về câu đối.

Trong xã hội ta, bọn giàu lỗi, bọn sang cơ hội thường hay hợm của hợm mình. Bọn này xưa nay không ai ưa. Chúng xuất thân hèn hạ, may gặp thời vận dựa kẻ này, nhờ kẻ khác, có khi nhờ cả giặc ngoài làm nên, lại cứ tưởng mình tài ba. Bởi vậy, mọi người đều ghét. Bọn giàu lỗi ta gọi là *trọc phú* và bọn sang cơ hội là *chó nháy bàn độc*. Câu chuyện vui này xảy ra giữa một nhà nho và một anh trọc phú. Anh trọc phú, tại một xóm kia, cất một ngôi nhà thật đẹp đẽ. Đề tôn vẻ đẹp của ngôi nhà, trước cửa nhà anh ta trồng ba cây trúc. Đối diện nhà anh, cách một con đường là nhà một hàn sĩ, nhà tranh vách đất. Hàn sĩ thấy anh trọc phú có vẻ hiu hiu tự đắc nên ghét lắm. Ông liền chửi chửi bằng cách viết trước cửa nhà mình đôi câu đối :

Gia trung vạn quyền thư,

Môn ngoại tam can trúc.

Nghĩa :

Trong nhà vạn quyền sách,

Ngoài cửa ba cây trúc

Nhà nho có ý tự phụ trong nhà mình có vạn quyền sách và chê anh trọc phú chỉ có ba cây trúc ở ngoài cửa.

Anh nhà giàu đọc đôi câu đối biết ông nhà nho sỏ mình. Anh ta nghĩ bây giờ chặt ba cây trúc đi, đôi câu đối của nhà nho sẽ trở nên vô nghĩa. Nghĩ sao làm vậy.

Ông nhà nho thấy anh nhà giàu chặt ba cây trúc, nhưng vẫn còn gốc, bèn thêm vào hai vế câu đối mỗi bên một chữ :

Gia trung vạn quyền thư trường,

Môn ngoại tam can trúc đoản

Nghĩa :

Trong nhà vạn quyền sách dài

Ngoài cửa ba cây trúc ngắn.

Anh nhà giàu thấy như vậy liền sai người nhà đánh hết cả gốc ba cây trúc đi. Anh ta tự nhủ thử xem ông nhà nho có phải cạo đôi câu đối đi không. Anh ta đã lầm. Ông nhà nho thấy anh ta đánh cả gốc ba cây trúc thì mỉm cười và lại thêm vào mỗi vế câu đối một chữ nữa thành :

Gian trung vạn quyền thư trường hữu

Môn ngoại tam can trúc đoản vô

Nghĩa :

Trong nhà vạn quyền sách dài thì có

Ngoài cửa ba cây trúc ngắn cũng không.

Lần này thì anh nhà giàu chịu thua, và anh lầm bầm :

— Chấp làm gì đồ hủ nho ! Ở đời này, miễn nhiều tiền là hơn !

TOAN ÁNH

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ THỰC TẬP

Bí pháp HATHAYOGA Ấn-độ

- Đề chữa trị các chứng bệnh kinh niên về thể chất và tinh thần
- Cải tạo và trẻ trung hóa toàn diện sức khỏe con người

SỐNG VUI — SỐNG KHỎE — SỐNG MẠNH, TRÁNH BỆNH TẬT

- Điều kiện tiên quyết để hoàn thành sứ mạng thiêng liêng con người dưới thế gian.

Do Ông **CHÁNH-DÂN NGUYỄN-HỮU-CHÁNH**

Nhà Yogi Việt Nam hướng dẫn :

80/36A Nguyễn-Trãi, Bàu-sen, Chợ-quán, Sài-gòn V*

Kính chúc thân chủ một năm Quý Sửu lành và mạnh

* Số Tết, ấn công sắp sai số nhà. Vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc :
Ông Chánh Dân.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



ĐẦU LỘC ĐIỀU DẪI
Thượng hảo hạng

Thơm mùi - mát cổ - thơm dịu

Thân phận người sơ khai

Việc tìm ra một nhóm người *Tasaday* còn sống theo lẽ lối sống thời đá mài tại Phi luật tân mấy tháng trước đây và việc một nhóm người da đỏ đến đến chiếm cứ trụ sở cơ quan đặc trách người da đỏ

tại Washington D.C. khoảng một tuần trước ngày bầu cử Tổng Thống Hoa kỳ, đã đặt ra đối với nhiều người vấn đề thân phận của người dân sơ khai trong liên hệ với xã hội văn minh cơ khí bên ngoài.

TRƯỜNG HỢP NGƯỜI TASADAY TẠI PHI LUẬT TÂN

Lãnh thổ Phi-luật-tân bao gồm nhiều hòn đảo. Tại miền cực Nam đảo Mindanao, một đoàn thám hiểm đã tiếp xúc được với nhóm dân *Tasaday* vào khoảng 24 người, trong một vùng rừng già, hiểm trở, trực thăng chỉ có thể đáp xà, thả người trên ngọn cây rồi bay đi.

Trong số 24 người *Tasaday* tìm gặp được có 10 người đàn ông, 5 người đàn bà và phần lớn trẻ em thì đều là con trai. Tình trạng gái thiếu trai thừa này khiến một số đàn ông không có vợ, nhưng chồng nào vợ nấy, chớ không có vấn đề chia xẻ vợ trong xã hội sơ khai này.

Một người đàn ông không vợ được hỏi, đã trả lời một cách hồn nhiên, qua trung gian của một thông dịch viên bộ lạc T'boli mà người *Tasaday* có thể hiểu phần nào:

« Người đàn ông và đàn bà ăn ở với nhau cho đến khi tóc bạc hết. Nhưng ở đây không có người đàn bà nào cho tôi cả.

« Tôi không có vợ và một vài người đàn ông khác ở đây cũng không có. Tôi cũng không cha, không mẹ, hay

anh em gì cả. »

Trong tình trạng đơn thân đó, người đàn ông này chỉ ước mong có ngày được tiếp xúc với bên ngoài, hy vọng mang đến cho mình một bạn đời.

Người *Tasaday* đàn ông, đàn bà, đều mình trần, chỉ che ở hạ bộ bằng một thứ lá. Ba cái hang, bên ngoài chẳng chịt những giây leo, là nơi trú ngụ của nhóm người sơ khai này. Bên trong hang, người *Tasaday* quây quần bên đồng lửa khi trời lạnh — Lửa được tạo ra bằng kỹ thuật cổ xưa: một miếng cây đặt dưới đất, rồi dùng một cây lớn hơn chiếc đũa đặt giữa lòng 2 bàn tay se đi se lại khoảng mười phút, đầu cây chạm phải miếng cây bên dưới tạo sức nóng, tóe lửa, bắt vào cây khô mỗi lửa.

Món ăn chính yếu của người *Tasaday* là các loại củ cây rừng, đồng thời, những gì có thể bắt được ở các giòng suối như cá, cua, ếch nhái... và chuối rừng.

Người *Tasaday* không biết săn thú rừng, nên không biết làm bẫy và không có một thứ vũ khí săn bắn nào cả. Toàn nhóm chỉ có ba chiếc



Người Tasaday và chiếc búa bằng đá đẽo.

búa bằng đá đẽo, có cán bằng cây kẹp chính giữa, được dùng chung không thuộc sở hữu riêng tư nào cả, ai cần thì cứ lấy mà dùng để chẻ trái cây, chặt giây leo...v.v... nhưng không thể chặt cây được.

Họ cũng không biết trồng trọt hoa màu, không biết hút thuốc, không có vật dụng bằng sành, thức ăn uống chỉ để trên ống tre, trên chiếc lá.

Khi có người chết trong hang thì người ta khiêng xác ra ngoài rừng, lấy lá cây đắp lên.

Cuộc sống giản dị hiền hòa kẻ trên cứ mãi diễn tiến từ năm này qua năm khác, biệt lập hẳn với xã hội bên ngoài. Người ta suy đoán người *Tasaday* có lẽ đã sống biệt lập như vậy từ 500 đến 1000 năm qua rồi, sau khi đã tách rời khỏi bộ-lạc cò, không có dấu vết của xã hội văn minh bên ngoài.

Năm năm trước đây họ đã tiếp xúc được lần đầu tiên với một người từ xã hội văn minh, một người Phi lạp vào đặt bẫy nai, heo rừng.

Và chính người Phi này đã hướng dẫn Đoàn nghiên cứu địa dư quốc gia Hoa kỳ đến tiếp xúc với họ.

Cuộc tiếp xúc với người Phi kẻ trên đã mang vào cuộc sống của nhóm người *Tasaday* cô lập, kỹ thuật đặt bẫy và việc dùng một thứ cây làm bột bánh.

Và cứ như thế, trong một vùng núi non hiểm trở thiếu lối đi, dù là những lối mòn, người *Tasaday* di chuyển chuyển qua các giây leo, ghềnh đá, thoăn thoắt như khi rừng đi tìm thức ăn, tối đến thì quây quần trong hang động không dám ra ngoài vì sợ rắn, sợ gai và nhút là bóng tối còn quá nhiều thần bí đối với họ.

Sự tồn tại của người *Tasaday*, bắt đầu từ lúc tiếp xúc với xã hội bên ngoài không còn tùy thuộc vào nỗ lực đề kháng của họ trước sức mạnh của thiên nhiên hay là khả năng thấu nhận những kỹ thuật tân tiến để cải tiến đời sống như từ trước nữa.

Trái ngược hẳn lại, những người của xã hội văn minh càng đến gần

họ, thì càng tạo đe dọa cho sự tồn tại của nhóm.

Các nhà khai thác gỗ đang mở những con đường hướng về vùng

người *Tasaday*; do đó, người *Tasaday* cần được chánh phủ Phi-luật-tân ban hành qui chế dành riêng vùng họ đang sinh sống. (1)

TRƯỜNG HỢP NGƯỜI DA ĐỎ TẠI HOA KỲ

Người da đỏ là những người đã sinh sống tại Mỹ châu trước khi người da trắng từ Âu Châu sang định cư và lập nghiệp. Họ được gọi là «Indian» vì những người tìm ra Tân-thế-giới đã lầm là đất Ấn độ.

Trong giai đoạn đầu, người da đỏ đã tổ chức kháng cự, và họ đã nhận ra sự thật phũ phàng của sức mạnh súng đạn, trang bị bằng kim khí chế ngự hoàn toàn cung tên, gậy gộc, lao vv...

Những người mới đến mang theo kỹ thuật của nền văn minh cơ khí bao gồm người Pháp, người Y-pha-nho, người Anh, người Thụy-điền, người Hòa-lan..., mỗi nhóm dùng một ngôn-ngữ riêng và cũng có một lối đối xử riêng trước các nhóm dân da đỏ thành phần cũng phức tạp, thuộc hàng trăm bộ-lạc, có những tiếng nói khác nhau, tâm trạng cũng khác biệt và cũng khó mà đoàn kết với nhau.

Với tham vọng khai thác tài-nguyên của đất mới, người Y-pha-nho, trong những năm đầu, đã áp dụng đường lối tiêu diệt. Mỗi khi người da đỏ nổi dậy chống đối thì bị chế-ngự ngay, và những người bị bắt được đưa xuống tàu chở về Y-pha-nho bán như người nô-lệ.

Người Anh thì theo một chánh

sách thả trôi, giao phó cho các công-ty tùy tiện đối xử, nhưng đại-cương là nhìn nhận quyền sở hữu đất đai của người da đỏ để rồi thương lượng mua lại, gây dựng nên thuộc địa.

Người Hòa-lan đặt nặng việc mua bán và chính qua những cuộc mua bán này người da đỏ đã phải mất quyền sở hữu ở nhiều vùng đất giá trị như Manhattan Island chẳng hạn.

Trong khi đó, người Pháp theo một chiến lược giản dị, trao tặng vật cho người da đỏ mỗi khi tiếp xúc, đặt những đồn lũy trao đổi hàng hóa tại những địa điểm xung yếu, nhưng không đi sâu vào lãnh thổ người da đỏ.

Hiệp - chủng - quốc Hoa - kỳ được thành lập, càng lớn mạnh trên thế giới thì vùng sinh sống của người da đỏ càng thu hẹp và tại nhiều vùng, phương tiện sinh sống cò truyền biến mất đi, càng thúc đẩy tập thể người da đỏ đi đến chỗ mất tất cả quyền lực.

Hệ thống quyền sở hữu đất đai chung của người da đỏ không phù hợp với hệ thống quyền tư - hữu

(1) Kenneth Mac Leish, *The Tasadays, Stone Age Cavemen of Mindanao*, trong *National Geographic*, Vol. 142, N^o 2, tr. 219-243.

Người da đỏ
và khung cửi
dệt cò truyền



quen thuộc đã phát triển từ trước bên Âu-Châu nên hầu như không bao giờ được người da trắng mới đến thấu hiểu và chấp nhận.

Vào năm 1830, một đạo luật được ban hành áp dụng biện pháp dời cư người da đỏ, gây ra những xung đột đẫm máu.

Trong một số trường hợp người da đỏ phải tự mình dời nhà mà đi, bởi lẽ kai người da đỏ chưa tiếp xúc với người da trắng, nhu cầu của họ rất ít; họ dùng khí giới tự chế tạo lấy, uống nước các khe suối, và mặc áo da thú. Người Âu Châu đã mang vào cuộc sống của người da đỏ một số sản phẩm kỹ nghệ mà muốn đổi chác, người da đỏ phải cung cấp những thứ như bộ lông chồn chẳng hạn mà từ trước họ chỉ tìm kiếm cho sự sử dụng của riêng họ. Họ đi săn không phải để tìm thịt ăn nữa mà là để có sản phẩm đổi chác. Lăn hồi thú săn cũng hiếm đi, họ phải đi sâu hơn vào nội địa miền Tây, vô hình

chung nhường lại phần đất cho người Âu mới định cư.

Một Bá-tước người Pháp tên Alexis De Tocqueville trong quyển «Nền Dân chủ tại Hoa kỳ», có chứng kiến thăm cảnh dời cư của người da đỏ (1) bên bờ sông Mississippi, diễn ra trong thăm lặng, « không tiếng kêu, không tiếng khóc », trên đường chạy trốn nghèo đói.

Trong một số trường hợp khác, người Âu định cư ở vùng lân cận, tập hợp người da đỏ lại, phân phát cho họ súng đạn, quần áo nỉ, chiếc ấm đồng, hoa tai v.v... để rồi cả nhóm nhường lại đất, cùng bồng bế nhau hướng về miền Tây hoang dã.

Trong một vài trường hợp khác nữa, người da đỏ bắt chước người Âu, khai thác mảnh đất màu mỡ của mình, chỉ để rồi sau đó nhận thấy

(1) Alexis de Tocqueville, *Democracy in America*, New York : Vintage Books, 1945. Vol, I, bản dịch của Henry Reeve, trang 349-369.

mình không thể cạnh tranh với người Âu đã quá sành sỏi với kỹ thuật canh tác tân tiến. Lại nữa, người da đỏ chưa từ bỏ hẳn được lề lối sống của tiền nhân, một lề lối sống tự do trong vùng đất hoang, say mê với những cuộc săn đuổi. Cuối cùng họ phải bỏ đi, tìm lại những tự do thích thú của họ.

Qua các giai-đoạn lịch-sử, một số vào khoảng 600.000 người da đỏ sống tại các vùng dành riêng (reservation) mà họ còn xem là quê hương của họ, trong đó, những tập quán, lề lối sống cổ truyền vẫn còn lưu giữ. Rất nhiều *Reservation* bây giờ được biến thành những trung tâm du lịch, cắm trại, với khung cảnh thiên nhiên và lề lối sinh hoạt được giữ nguyên.

Năm 1924, Quốc hội Hoa kỳ mới ban cấp tư cách công dân cho người da đỏ, sau khi họ đã tích cực đóng góp vào Đệ-nhứt Thế-chiến.

Tháng 5 năm 1961, một cơ sở giáo dục quan trọng là Đại-học đường Chicago đã tổ chức một hội-nghị quy tụ 500 đại biểu thuộc 90 bộ-lạc người da đỏ nhằm gây sự chú ý của người dân Hoa kỳ vào sự hiện tồn và triển vọng của người da đỏ tại Hoa kỳ.

Nhân dịp này, một bản Tuyên-ngôn đã được công bố (1) ghi nhận việc trước kia người da đỏ có một vùng đất, một lề lối sống và những điều kiện sống ngày nay hoặc đã bị hủy diệt hoặc đã bị thay đổi hẳn. Người da đỏ muốn toàn dân Hoa kỳ hiểu rằng khi mà người da đỏ thỉnh cầu sự trợ giúp vật chất trong khi phát triển tài nguyên và cơ hội cho họ thì chính là họ đặt lên một vấn đề tinh thần không thể dễ dàng giải đáp, và khi đề cập một số đất đai đã bị nhượng lại, người da đỏ không phải chỉ muốn ghi nhận việc mất đi một số mẫu đất; họ còn nghĩ rằng đất đai đó đã chứa một số sự việc mà họ biết, mà họ đánh giá và họ thương yêu nữa. Người da đỏ không đòi hỏi sự bổ thí, sự giám hộ; họ chỉ xin rằng bản chất của tình trạng của họ cần được nhìn nhận và tạo thành căn bản của chánh sách và hành động.

Và thừa dịp bầu cử Tổng thống Hoa-kỳ vừa rồi, một nhóm người da đỏ đã đến chiếm ngụ trụ sở của Bureau of Indian Affairs tại Washington D.C. trong khoảng một tuần, để nói lên nguyện vọng của mình.

THÂN PHẬN SƠ KHAI

Trường hợp người Tasaday là trường hợp chớm nở, mới đặt thành vấn đề đang chờ một giải pháp.

Trường hợp người da đỏ tại Hoa kỳ đã đặt lên những bài toán cần có lời giải từ hơn hai trăm năm r i.

Việc bảo vệ các xã hội sơ khai với

tánh cách là xã hội của người thiểu số đã được thảo luận nhiều lần tại Liên Hiệp Quốc và cho đến bây giờ, đã trở thành một nghĩa vụ quốc tế. Người sơ khai cần được bảo vệ

(1) D'Arcy McNickle, *The Indian Tribes of the United States*. London: Oxford University Press, 1964, tr. 65.

trong liên hệ với xã hội bên ngoài, vì người sơ khai không có những sở trường sở đoản của xã hội văn minh cơ khí. Phương tiện của họ, tâm trạng của họ, chỉ thích ứng với hoàn cảnh sống cô lập của họ mà thôi.

Xã hội sơ khai là một xã hội ít nhu cầu, ít thay đổi. Người *Tasaday* khi được trao cho cây đèn pin đã mỉm cười vì cây đèn tuy tạo ra ánh sáng, nhưng không làm ra lửa mà họ cần dùng. Họ không cần đi ra ngoài ban đêm, vì ra ngoài có thể bị gai góc, rắn cắn, cho nên tối đến phải rút vào hang động sưởi ấm cạnh đồng lửa.

Phương tiện của người *Tasaday* chỉ còn chừng ấy và họ đã đối phó với thiên nhiên với chừng ấy khả năng của họ. Một yếu tố nào khác lạ bỗng nhiên xen vào, họ sẽ ngổ ngàng không đối phó được, đành lùi bước và chết.

Xã hội sơ khai chỉ thay đổi khi nảy ra một sáng kiến mới, nhưng sáng kiến này hiếm thấy phát khởi từ trong lòng xã hội sơ khai.

Người *Tasaday* phải chờ sự chỉ vẽ của một người Phi mới bắt đầu đặt bầy, đập một thứ cây để làm bột bánh.

Người Âu đã mang đến cho người da đỏ những vật dụng bằng đồng, bằng thau chắc chắn hơn những đồ sành họ dùng từ trước đến nay.

Đối với một vài bộ lạc nhứt là bộ lạc Navaho, trâu và con ngựa được mang đến đã làm đảo lộn hoàn toàn cuộc sống của họ. Nhưng đồng thời người Âu cũng mang đến cho người

da đỏ những thứ bệnh ngặt nghèo như bệnh lao, bệnh giang mai, bệnh cùi, bệnh đậu mùa, bệnh nghiện rượu.

Theo tiêu chuẩn cuộc sống của xã hội văn minh, người sơ khai thường được gán cho những bản chất như trẻ con, ngây ngô, lười biếng v.v... vì vậy phải luôn luôn cam nhận những thiệt thòi khi tiếp xúc với xã hội văn minh bên ngoài.

Do đó có khuynh hướng đã nhấn mạnh sự cần thiết đề cho người sơ khai tự do sống với cuộc sống gần thiên nhiên, đầy tự do của họ vì sự thật, chưa chắc họ đã cảm thấy khổ sở như người ta tưởng khi chứng kiến tình trạng thiếu thốn những tiện nghi tối thiểu trong cuộc sống của họ.

Trên một khía cạnh khác, dù là trong tình trạng "sơ khai", con người sơ khai vẫn tiềm tàng niềm kiêu hãnh dân tộc, tự ràng buộc chặt chẽ vào xã hội sơ khai của mình, dù sự ràng buộc này, theo nhận xét từ bên ngoài, có thể được xem là không có ngày mai.

Chính vì nhận định theo khía cạnh này, người ta đã có dịp nhấn mạnh quá mức tánh cách quan trọng của lề lối sống cổ truyền, hướng mọi nỗ lực phát triển của các xã hội sơ khai vào chiều hướng củng cố, bảo tồn những tập tục truyền thống. Và xã hội người sơ khai, trong nhiều trường hợp phức tạp, đã được duy trì thành

(1) William T. Hagan. *American Indians* Chicago : The University of Chicago Press 1961 tr. 7.

những Viện bảo tàng thiên nhiên quy mô trong đó, người sơ khai tự do sống với lễ lối sống cổ truyền của ông cha mình lưu lại, với tất cả màu sắc độc đáo gợi nên rất nhiều sự tò mò tìm hiểu đối với xã hội văn minh bên ngoài.

Vào khoảng năm 1966, 1967, nhân lưu lại miền Tây Hoa kỳ, chúng tôi đã có nhiều dịp cảm thấy hoa mắt trước những màu sắc sắc sỡ của trang phục người da đỏ, những điệu múa đặc biệt nói lên dân tộc tính người da đỏ, biểu diễn trong những buổi lễ của Trường Đại-học địa phương. Nhưng cũng hơn một lần, chúng tôi đã cảm thấy ngỡ ngàng khi đến viếng một khu vực dành riêng (reservation) của người Navaho ở các tiểu bang Arizona, New Mexico người da đỏ vẫn duy trì từ nơi ăn chốn ở cổ xưa, những kiến trúc thô kệch đơn giản, dùng đèn dầu, không có điện... trong khi cách đó không xa, quang cảnh những thành phố tân tiến rộn rịp với những tiện nghi của thời đại phi hành không gian.

Trong khi các nhà máy làm việc theo lối dây chuyền sản xuất mỗi giờ hàng triệu thước vải, thì có những người đàn bà da đỏ vẫn chậm chạp, kiên nhẫn bên khung cửi cổ truyền dệt những tấm chăn bông của bộ lạc.

Những khung cửi cổ truyền kể trên cũng còn được tìm thấy ở những buôn hẻo lánh trên đất Cao nguyên Việt Nam Léopold Sabatier thảo nên *Palabre du serment* (1) và nhứt là bài tựa quyền *Recueil des Coutumes Rhadées du Darlac* (2), đã được nhiều tác giả Pháp ca tụng (3), khơi dậy lòng tự ái chủng tộc của người Ê-Đê, những công trình thực hiện được đề cao như là những công trình khai hóa, sự thật, đã được

những nhà lãnh đạo Thượng bầy giờ kết án là thủ đoạn mị dân. phản tiến hóa, nhứt là đối với chủ trương bảo tồn con người *Thượng*, Léopold Sabatier đã cấm các học sinh *Thượng* đương thời mặc quần và chỉ được mặc khố cổ truyền.

Theo những sự kiện trình bày kể trên, thân phận người sơ khai phải chịu dưới sự tác động của nhiều yếu tố. Và khi mà tác động có tánh cách hỗ tương, thì khó mà áp dụng nhận xét ở một nơi này vào một khung cảnh khác được.

Sự tiếp xúc giữa xã hội sơ khai và xã hội văn minh bên ngoài là sự tiếp xúc giữa hai nền văn hóa, nhưng sự thật, chính là cá nhân tiếp xúc với nhau, chứ không phải toàn bộ của nền văn hóa nào cả. Chỉ với thời gian, số lượng cá nhân gia tăng và sự tiếp xúc được liên tục, mới ảnh hưởng đến những vai trò xã hội, những tiêu chuẩn đối xử, những quyền lợi quy định.

Trên thực tế, sự tiếp xúc với xã hội văn minh bên ngoài, như trường hợp người da đỏ chẳng hạn, đã tạo cho một vài cá nhân lãnh đạo (Chiefs) những sự nghiệp vĩ đại, nhưng thân phận của người sơ khai nói chung trong tương quan với xã hội văn minh cơ khí bên ngoài vẫn là một vấn đề nêu lên nhiều bài toán chưa có lời giải dứt khoát.

DOHAMIDE
1-1973.

(1) Hanoi : I. D. E. O., 1940

(2) Hanoi : I. D. E. O., 1940, tr. 26,

(3) Paul Boudet, *Leopold Sabatier. Apôtre des Rhadés*, Hanoi, Imprimerie G. Taupin et Cie, 1942

Bạn không ở trong không khí Phật giáo
Bạn chưa là người Phật tử
Bạn là Phật tử
Bạn là người hết mình bên vực cho hòa bình
Bạn đã am hiểu giáo lý Phật dạy
Bạn đã thực hành giáo lý
Các bạn đều nên đọc :

ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

THÍCH HUYỀN-QUANG
THÍCH NHẬT-HẠNH

*diễn giải cương lĩnh giáo lý nhập thế của nền Phật-
giáo hiện đại theo huấn chỉ của hai Viện Tăng
Thống và Hóa Đạo.*

*Sách đã bày bán khắp các tỉnh Giáo-hội, các Chùa,
các Tự viện, các nhà sách toàn quốc.*

VIỆN HÓA ĐẠO xuất bản giá 200\$

NHÀ SÁCH LÁ BỐI HUẾ

**Đại diện phát hành sách LÁ BỐI, AN TIÊM, CA DAO,
TRÍ ĐĂNG, VÕ TÁNH, LỬA THIÊNG v.v...**

do Đình-Cường trông coi

**Địa chỉ : Khuôn viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật
Đại Nội HUẾ**

Ông Diệm, ông Nhu và Bà Nhu

Ngoài ông Nhu ra, ảnh hưởng bà Nhu đối với ông Diệm không phải là ít. Lúc đầu từ năm 55 đến năm 58, vì cái bản tính e thẹn và lại khinh rẻ đàn bà, ông Diệm bao giờ cũng tránh gặp mặt bà Nhu, không muốn coi sự có mặt của bà trong Dinh là đáng quan tâm và không chú trọng đến ý kiến của bà. Lần hồi, nhờ sự khôn khéo của bà, nhất là trong các vấn đề nội dịch, ông Diệm cảm thấy rằng sự có mặt một người đàn bà trong Dinh chẳng những hữu ích mà còn cần thiết nữa. Bà Nhu, khéo léo lại rất thông minh, nên bà có đủ mánh khóe làm cho ông Diệm phải cần đến bà, không những trong các vấn đề nội dịch mà cả đến những vấn đề chính trị thuộc về phụ nữ Việt-Nam, vốn là lực lượng chính trị cũng như xã hội hết sức quan trọng. Dĩ nhiên ông Diệm không thể không nghĩ đến việc lợi dụng lực lượng khá lớn lao ấy để mà củng cố chế độ hoặc là cải tạo xã hội. Nhưng biết mình rất vụng về, e thẹn đối với đàn bà, lại sống cuộc đời độc thân, cho nên dù muốn dù không ông phải cần đến bà Nhu, vì ông không thể tìm thấy một người đàn bà nào khác ở trong gia đình lo liệu công tác ấy được. Hơn nữa ông Nhu có công xây dựng chế độ thì người vợ ông phải được hưởng một quyền hạn chính trị nào đó.



Bà Nhu (1962)

Bà Nhu biết rõ chỗ yếu của người anh chồng Tổng Thống độc thân nên đã khai thác triệt để điểm ấy. Tất cả thủ đoạn của bà—chắc cũng là của ông Nhu—được chia làm hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, vợ chồng ông Nhu làm cho mình trở nên cần thiết đối với ông Diệm, không ngoài mục đích củng cố ông Diệm. Trong giai đoạn sau, ông bà chia nhau nắm những lực lượng chính trị trong nước. Đến giai đoạn này, chỉ còn thanh niên, phụ nữ, vì các lực lượng khác đã bị ông tiêu diệt, kể cả lực lượng do ông xây dựng như là Cần Lao, Phong trào Cách mạng Quốc gia. Cái khéo léo của vợ chồng này là đợi thời cơ mới đưa tên tuổi mình ra, và thời cơ ấy do chính bàn tay ông Nhu tạo dựng. Nhưng cái dở của chính họ là đã quá

gian ngoan, tạo được hoàn cảnh thuận tiện cho sự lộ diện của mình mà lại không kìm hãm nổi được những sự chuyển biến của hoàn cảnh ấy. Hơn nữa, họ không kìm hãm được chính mình đề tiến tới chỗ quá lạm, bắt chấp cả chính quyền, công khai đàn áp cả cái chính quyền mà mình đã từng góp công xây dựng. Vợ chồng ông Nhu từ lâu đã đồng hóa với chính quyền rồi, bây giờ lại muốn tách khỏi nó để mong xây dựng một uy tín riêng, nhưng khi chỉ trích lỗi lầm của chính quyền ấy thì rốt cuộc lại chỉ làm cho nó càng mau suy yếu mà thôi. Rồi khi thuyền chìm, tất phải lôi cả đôi vợ chồng ấy chìm theo.

Nếu trong hai năm sau cùng của chế độ ấy, vợ chồng ông Nhu thành tâm tận lực để xây dựng cho ông Diệm thì chắc tình hình chính trị chưa thể biến chuyển quá mau như thế. Ai cũng thấy rõ tham vọng của vợ chồng này là muốn thay thế ông Diệm vào năm 1965. Cái mộng làm vua, anh truyền em nối, thật là quá đẹp. Nhưng chính lòng dân, cũng là lòng trời, đâu có muốn thế.

Trong cuộc chạy đua đến chính quyền, vợ chồng ông Nhu đã được sử dụng độc quyền tất cả phương tiện hết sức rộng lớn là những lực lượng chính trị tươi tốt của quốc gia, trong khi mọi người thì bị hạn chế đủ điều. Đến cả báo chí trong nhiều năm đầu cũng do một người thân cận với ông Nhu chi phối gần như 100 phần 100. Còn về Quốc hội thì không cần nói, vợ chồng ông Nhu chỉ là hai dân biểu thường,

nhưng ai cũng rõ liên tiếp ba khóa, Quốc hội hoàn toàn nằm trong tay của vợ chồng này, dù họ có đến dự họp hay không. Trong việc chuẩn bị nắm chính quyền, ông Nhu vẫn giữ được sự kín đáo và dè dặt hơn bà Nhu, nên có nhiều người cho rằng chính bà đã gieo tham vọng thay thế ông Diệm và đã thúc đẩy ông Nhu trên con đường ấy. Thật vậy, bà Nhu vẫn tỏ ra tham lam và bông bột hơn ông Nhu gấp cả mười lần. Hơn mọi người trong gia đình họ Ngô, bà Nhu là một con người hống hách, quan liêu đặc biệt. Trong những dịp bà chủ tọa các buổi hội họp Phụ nữ Liên đới, khánh thành cơ sở xã hội, làm lễ xuất phát Phụ nữ Bán quân sự v.v..., ai cũng ngạc nhiên về những nghi thức, nghi lễ dùng để đón tiếp bà. Rõ ràng đó là một bà Tổng Thống trên thực tế, hay là hơn nữa. Bà Nhu cũng tạo được một vòng vây chung quanh gồm đủ thứ loại mệnh-phụ có tài nịnh bợ, đưa bà lên tận mây xanh, và do chính bà chọn lựa để giữ những chức vụ lớn gần bằng Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng Giám đốc, Giám đốc của một triều đình riêng biệt mà cái uy quyền đã được chính phủ ông Diệm kiêng sợ. Có lẽ chưa lúc nào trong xã hội Việt-Nam mà người đàn bà lấn át được người đàn ông một cách có hệ thống đến như thế. Nếu cái chính phủ phụ nữ này tồn tại được lâu dài, không biết xã hội chúng ta sẽ như thế nào? Nhiều lúc tôi vẫn buồn cười ao ước cho nó tồn tại nhiều ngày, chắc chắn xã-hội Việt-Nam sẽ có kinh nghiệm hết sức phong phú

hoặc hết sức chua cay, làm một bi hài kịch cho cả thế giới trông vào. Vì giữa thế kỷ hai mươi, có một quốc gia tự cho là tân tiến nhất với một đạo luật gia đình kỳ dị, mà trên thực tế lại trở về với chế độ mẫu hệ mà đất nước này đã cởi bỏ được từ hai ngàn năm về trước, nghĩa là từ đời của Hai Bà Trưng, và hiện giờ trên thế giới chỉ còn không quá một vài tiểu quốc theo chế độ ấy.

Những ý kiến này của tôi không phải phát sinh từ lúc gia đình ông Diệm bị hạ bệ. Những ai từng tiếp xúc với tôi từ thời ấy đều đã rõ nhận xét của tôi. Không ai trong gia đình tôi, dù xa hay gần, tham gia phong trào Phụ nữ Liên đới vì tôi không thể cho họ gia nhập trò bịp bợm ấy. Có lần cha T.T.G., một người thân tín của ông Diệm cũng là bạn thân của tôi, ở Pháp về sau khi gặp ông Diệm và thảo luận về thái độ của tôi, đã đến tìm tôi khuyên hãy gia nhập Thanh niên Cộng hòa, vợ tôi hãy vào Phụ nữ Liên đới để ở trên khỏi nghi kỵ. Cha G. chắc còn nhớ câu trả lời của tôi ngày ấy : « Chế độ hỏng rồi, con thuyền đã bị nước vào bê bết, tôi đang tìm một lối thoát cho tôi mà chưa chắc đã tìm được, sau khi đã tìm đủ mọi phương sách cứu chữa cho con thuyền nhưng vẫn hoàn toàn thất bại ». Sau đó vài tháng tôi bị cách chức Tổng Giám đốc Viện Hối đoái.

Tôi có thể nêu ra đây một vài nhận xét về con người của bà Nhu mà tôi nhận thấy là khác với nhiều ý kiến đã được trình bày. Suốt 9 năm dài

của chế độ ấy, tôi gặp bà Nhu rất nhiều lần nhưng không mấy khi trực tiếp nói chuyện với bà. Hai lần tôi đã dùng cơm thân mật với ông bà Nhu, nói chuyện với hai ông bà về các vấn đề thời sự. Tuy trực tiếp không nhiều nhưng do ở sự quen biết từ hồi còn sống ở Đà Lạt đến những tháng ngày liên lạc thường xuyên với ông Nhu ở trong Dinh Độc Lập, tôi tưởng những điều nhận xét của tôi có thể xác đáng hoặc khách quan hơn. Tôi thấy nhiều người có những nhận xét sai lầm về bà, có lẽ vì ít tiếp xúc lại thường vấp phải hai thái cực sau đây : hoặc quá tôn sùng, sợ sệt, coi bà như thứ nữ hoàng đầy đủ đức tính cũng như quyền hành, hoặc có thành kiến không tốt, coi bà như loại phụ nữ quái đản, xấu xa, do sự tuyên truyền xuyên tạc của những kẻ oán ghét bà. Kề ra bà Nhu cũng như các bà đệ nhất phu nhân, đệ nhị phu nhân trên khắp thế giới, bao giờ cũng là đối tượng đề cho quần chúng châm biếm. Ở một địa vị càng cao, càng dễ bị dòm ngó, chỉ trích. Nếu là đàn bà thì càng dễ bị xuyên tạc hơn nữa, cho dù có thiện chí đến đâu. Mà bà Nhu chỉ là một phụ nữ như đa số phụ nữ khác, với vài tính tốt và những tật xấu có phần trội hơn các phụ nữ khác mà thôi.

Nói về ưu điểm, nhiều người đều biết bà Nhu là một phụ nữ quả cảm, thông minh, nhiều sáng kiến. Bà có óc mỹ thuật, ăn nói rất giỏi, học mau hiểu nhanh, và là con người đầy sinh lực nên rất hiếu động. Người ta thường nói bà Nhu là người dâm

dặt, một thứ bệnh hoạn do bên ngoài bà truyền lại (?).

Nhất là khi thấy bà có một người chị ruột đã trải qua cuộc đời tình cảm đầy sóng gió, người ta càng dễ tin vào nhận xét ấy. Tôi không nghĩ rằng đó là một xét đoán sai lầm, nhưng tôi vẫn cho rằng nếu quả thực bà có sẵn tính tình như thế mà gặp một người chồng lớn tuổi hơn nhiều, lại quá bận rộn, say mê chính trị đến cả quên ăn quên ngủ, thì chắc bà thuộc về loại phụ nữ bị dồn nén. Nhưng những sự bê tha của bà, như lời thiên hạ đàm tiếu, thì phần lớn đều không đúng sự thật. Những chuyện đàn diu của bà với những người này, người nọ, cũng như những hình lỏa thể có gương mặt bà đều chỉ toàn là chuyện bịa đặt, nhiều khi trắng trợn. Theo tôi thì vì dồn nén mà không thể thỏa mãn nên bà ưa nói những chuyện đạo đức hay chăm lo đến những chuyện phong hóa. Những điều này không phải phát sinh từ cái bản tính thánh thiện chân thành của bà mà chỉ là do ở sự tranh đấu nội tâm của bà đó thôi. Có lần, trong một bữa cơm, tôi ngồi kế bên bà và nghe bà nói chuyện suốt hai tiếng đồng hồ về những dự định lãnh mạnh hóa xã hội mà bà đề ra, chẳng hạn việc bà vừa cấm đoán thi sắc đẹp, ăn mặc đồ tắm, việc bà vừa bắt buộc các chiêu đãi viên ăn mặc đồng phục để tránh khỏi sự trà trộn của gái mãi dâm... Bà còn nói cho tôi biết việc đọc kinh, xem lễ, rước lễ thường ngày của bà như thế nào, và bà

tin tưởng Đức Mẹ đã làm phép lạ cho bà trong chuyến du hành sang Ba Tây, khi máy bay qua vùng Mê Tây Cơ bị một cơn bão nặng nề, nhưng nhờ bà đã luôn mồm lẫn hạt nên đã tai qua nạn khỏi. Những lời của bà có vẻ hết sức thành thật, và tôi tin rằng bà không cần phải thêm thắt làm gì. Nhưng đem tất cả chuyện ấy ra nói với tôi và cả những anh em khác thì thật là không hợp chỗ. Chỉ có tâm trạng của người bị dồn nén nhiều về mặt tình cảm mới giải thích được sự lạc điệu ấy.

Sự dồn nén tình cảm nơi bà Nhu đã tìm lối thoát trong sự tham quyền cố vị đầy đến tột bậc. Có thể cho rằng chính sự tham quyền cố vị của bà là một đam mê hết sức tai hại, vì bà đã để cho nó hoành hành tự do không kiềm hãm được. Điều đáng tội nghiệp cho bà, và cũng được xem như một tội lỗi, là khi tình cảm ở trong trạng thái ảm ức nặng nề thì phải có đam mê khác thao túng tột bậc mới cấu tạo được một thứ quân bình tâm lý để khỏi thác loạn. Vì thế, trong những năm cuối của chế độ, quyền hành là cái lẽ sống duy nhất của bà, và bà đã ghen tị trong khi chia xẻ lẽ sống ấy với chồng, và càng ghen tị đam mê càng quyết liệt.

Người ta cũng thường kháo nhau về những chuyện làm tiền của bà. Tôi có thể quả quyết rằng những lời đồn đại như thế đều hoàn toàn thất thiệt. Có lúc người ta bảo rằng nào ô-tô-buýt của bà, công-ty đường của bà, Vinatexco cũng của bà nốt. Ngoài ra, bà còn đọc quyền thần củi,

vé số v.v... những doanh nghiệp mà mọi người ở trong chính phủ đều biết rõ ràng là thuộc về ai. Tôi chắc không thiếu những kẻ lưu manh muốn doanh nghiệp mình được mọi dễ dàng đối với chính quyền hoặc được quần chúng quan tâm, thường tự phóng tin cho rằng cơ sở của họ là của ông này bà kia, hoặc là có sự hùn hạp của các nhân vật tai to, mặt lớn. Suốt chín, mười năm tôi có trách nhiệm trong giới kinh tế, tiền tệ trong nước, tôi không bao giờ thấy một cơ sở kinh tế nào của bà Nhu, hoặc có các phần hùn của bà. Tôi có xem xét các tin người ta phao đồn nhưng thấy hầu hết là vô căn cứ, vì tôi phải biết rất rõ những cơ sở kinh tế ấy là thuộc về ai và được tổ chức thế nào.

Theo tôi, bà Nhu cũng ham thích tiền như mọi người phụ nữ khác nhưng lòng tham tiền của bà không sao bì được với lòng tham quyền đến mức cực độ. Hơn nữa, bà Nhu với những phương tiện khác hẳn để có tiền hàng trăm triệu, khỏi cần làm tiền một cách cò điển như nhiều bà lớn trong các chính phủ. Có thể nói đó là cái thủ đoạn hết sức tinh vi của ông Nhu. Hàng năm ông Diệm có một số tiền rất lớn làm quỹ đặc biệt của Phủ Tổng Thống. Số tiền này ông Diệm gần như giao trọn cho ông Nhu, và đáng lý ông Nhu phải trích ra cho các cán bộ nhận những công tác đặc biệt thuộc về chính trị, như mật vụ hay phản gián thì ông Nhu lại thường buộc những cán bộ này phải tự túc, còn số tiền các quỹ đen

của Chính phủ thì ông giao hết cho vợ làm của phòng bị. Nhiều cán bộ khờ khạo hoặc lưu manh, mỗi khi nhận được công tác là vội tự tiện tìm lấy phương cách hoạt động tài chánh, và dĩ nhiên là tự bôi nhọ vào mình. Thời ấy không thiếu những loại cán bộ tha hồ tìm các phương tiện hợp pháp hay không hợp pháp áp dụng nguyên tắc *half half*, nghĩa là năm chục phần trăm chi tiêu cho công tác và năm chục phần trăm bỏ túi cho bà xã. Nguyên tắc tự túc ông Nhu đề ra cốt làm giàu cho bà Nhu mà khỏi dính líu vào những gì bất hợp pháp, đồng thời có thể làm bàn được số cán bộ dưới tay, dặng dễ thao túng.

Vì thế bà Nhu không cần nhúng vào những chuyện kinh doanh, kinh tài mà cũng có những món tiền hết sức lớn lao. Ông Diệm chi tiêu rất ít về phần cá nhân của ông, mà sự chu cấp cho công tác nào ông cũng chi tiền hết sức dè dặt. Ông Nhu độc quyền tổ chức chính trị cho ông Diệm, độc quyền tổ chức mật vụ, phản gián, nhưng ông nắm giữ tất cả số tiền to lớn dành cho Tổng Thống. Ông chỉ chi tiêu về mặt công vụ rất là ít ỏi thì cái số tiền quỹ đen chất chứa gần mười năm trời đã dề ở đâu?

Ông Diệm, Ông Nhu và bà Nhu là ba nhân vật chính đã ghi bản tính của họ vào bộ mặt của chế độ gia đình trị tại chính quyền Trung ương, trong khi ngoài Trung Ông Cần tự do hoành hành như là một loại vua con, trong một triều đình và ở một nước riêng biệt. Tôi không bao giờ gặp

được ông Cần đề nhận xét về con người của ông, nhưng tôi cũng được biết rằng ông cũng không tránh khỏi lầm lỗi chung như là Ông Diệm, Ông Nhu. Có lẽ ông Cần cũng sống đơn giản một đời gần như ông Nhu, nhưng ông Cần cầu thả hơn vì kém học, và đó là cơ đề cho bề tôi của ông tha hồ thao túng chính trị miền Trung và gây ta thán khắp nơi.

Ở các anh em nhà này, từ chỗ mù quáng đi đến tự kiêu, và từ tự kiêu đến chỗ độc đoán độc tài, chẳng bao xa. Nếu theo ông Nhu, thề chế độc tài tập trung tất cả quyết định trong tay của mỗi một gia đình ông là một chính sách, một thứ chủ trương chính trị do chính hoàn cảnh đòi hỏi, thì với ông Diệm độc tài chỉ là hậu quả đương nhiên của bản tính ông, của cái quan niệm quyền hành riêng biệt của ông. Xét về điểm này, Ông Diệm, Bà Nhu, Ông Cần lại giống nhau hơn. Nói cho rõ hơn, ba nhân vật trên có cái xu hướng độc tài về mặt tình cảm, chỉ riêng ông Nhu có xu hướng độc tài về mặt trí thức, nhưng tất cả bốn người cùng đều dẫn đến một chỗ vực thẳm như nhau.

Tôi tưởng có thể nói thêm vài lời ở đây về một đức tính mà nhiều người vẫn tôn trọng ở nơi ông Diệm : đó là tính lương thiện. Nếu hiểu lương thiện là một đức tính chỉ có liên quan đến mỗi vấn đề tiền bạc thì hẳn ông Diệm được kê trong số những người lương thiện nhất trần gian này. Nhưng sự lương thiện của ông xét ra không có chút giá trị nào tích cực.

Như một Đại tướng Việt Nam đã nói : « Ông Diệm đâu có cần phải bắt lương ? Vì ông có đủ mọi thứ mà lại không có nhu cầu ! » Lời nói ấy thật chí lý. Bối lễ khi người ta đã muốn gì cũng được mà lại không muốn gì hết thì sự lương thiện ở đây không thành vấn đề. Tiền bạc vẫn được nhiều người quan niệm là một yếu tố làm cho mục nát con người hết sức dễ dàng. Nhưng ngoài tiền bạc, còn có đàn bà và quyền hành là những thứ yếu tố cũng làm con người bại hoại rất mau. Có người cho rằng nếu Ông Diệm đã không bị tiền tài và phụ nữ làm cho mục nát, thì quyền hành cũng đã làm cho ông ta sa đọa đến cùng cực...

Đúng ra, không ai có thể quả quyết thứ bắt lương nào tai hại và đốn mạt hơn thứ bắt lương nào ? Đối với con người có xác thật như chúng ta có lẽ bắt lương về đàn bà là nhẹ tội nhất, vì xác thật vốn yếu đuối. Nhưng ông Diệm và gia đình ông đã có nhận định sai lầm về những bắt lương, cho nên họ vẫn tưởng mình lương thiện hơn mọi người và luôn luôn khinh rẻ hạng bắt lương về tiền bạc hay bắt lương về đàn bà.

Riêng tôi, tôi không chấp nhận bất cứ thứ mục nát nào hay bắt lương nào, vì tất cả đều tai hại lớn lao, dù suy xét cho đến cùng có thể phân biệt được sự hơn kém giữa những tệ trạng như thế. Nhất là những người có quyền hành càng phải triệt để

tránh mọi thứ bất lương. Hơn nữa, không nên bao giờ đứng trên cương vị bất lương này mà lên án hay kình rẽ bất lương khác, vì như thế là hai lần bất lương vậy.

Khi tôi viết những dòng này thì ông Diễm, ông Nhu, ông Cần đã bị giết chết từ hai năm qua, Bà Nhu và đức cha Ngô Đình Thục thì lại bốn ba ở nước ngoài. Phải nói về cái không hay của người vắng mặt là điều tôi thấy ngại ngùng. Nếu tôi viết được ra đây một số nhận xét là vì tôi hy vọng rằng những nhận xét ấy luôn luôn giữ được vô tư, có thể

coi như nhân chứng xác thực cho một chế độ đã đi qua rồi nhưng chẳng phải không để lại một dư âm nào đối với hiện tại và cả tương lai. Churchill đã nói: « Nếu hiện tại cố ngồi xét xử dĩ vãng, thì nó sẽ mất tương lai ». Tôi không nuôi tham vọng xét xử, chỉ mong rằng nhân chứng này có thể đem lại lợi ích cho ngày mai, dù lợi ích ấy thật là bé nhỏ.

HUỖNH VĂN LANG
1965

(Chứng nhân một chế độ)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.D.

Ăn Tết xong mời bạn lại đọc :

- **SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **CHIẾN QUỐC SÁCH**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **GÓP NHẶT CÁT ĐÁ**

Thiền sư Muju — Đỗ-Đình-Đồng dịch

- **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**

Will và Ariel Durant — Nguyễn-Hiến Lê và Trần Lương-Ngọc dịch.

- **BIỆN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?**

*của Trần-Thái-Đĩnh do Văn Mới xuất bản
Lá Bối phát hành.*

*Muốn liên lạc các nhà sách sòng phảng về tiền bạc ở
các tỉnh sau đây :*

Quảng-Ngãi
Bình-Tuy
Sa-Đéc
Kiến-Phong

Quảng-Tín
Phước-Tuy
Bạc-Liêu

Kontum
Long-An
Rạch-Giá

Pleiku
Ban-Mê-Thuột
Bình-Dương

Thư về Ông **VÕ-THẮNG-TIỆT**

Lô O, 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10



HARRY S. TRUMAN một vĩ nhân bất dặt dĩ

Ông Truman

Trong lịch-sử thế giới người ta ít thấy lãnh-tụ chính-trị nào có cuộc đời kỳ dị như cố Tổng-Thống Hoa-kỳ Harry S. Truman. Từ hoàn-cảnh gia-đình cho tới tâm tính ông, không có một sự-kiện nào chứng tỏ rằng người nông dân chất phác, thật thà và trung-hậu này sẽ bước vào Bạch-Cung để nắm vận mệnh của toàn thể thế-giới luôn trong cả 8 năm trời. Không những Harry S. Truman lên nắm chính quyền vào lúc người ta chờ đợi ở vị Tổng Thống Hoa-kỳ những quyết định quan-trọng nhất để chấm dứt cuộc Đệ-nhị thế-chiến mà khi súng đạn đất đầu im tiếng thì người ta lại hướng về ông để đối phó với sự hung hãn của phe Cộng-sản.

Nếp sống của ông, giọng nói của ông và cả cuộc đời của ông đã làm cho các người đương thời coi ông là một vị Tổng Thống tầm thường nhất trong lịch sử Hoa kỳ. Nhưng khi ông rút khỏi chính-trường, các biến chuyển trên thế-giới đã chứng-minh được rằng Harry Truman, tuy

chỉ là một người tầm thường, nhưng khi số mệnh đưa đẩy tới một địa vị cao sang, tới một chức vụ quan trọng, con người tầm thường này đã xử trí một cách sáng suốt thông minh với một tinh thần trách-nhiệm ít ai sánh kịp. Nhãn hiệu "con người tầm thường" mà nhiều người đã gán cho Harry Truman không làm cho ông buồn giận vì chính cả đời ông ông chỉ mong là một thường dân, một công dân như những công dân khác. Vào cuối đời ông người ta đã hiểu như vậy nên danh từ "Ông Thường dân" (Mr. Citizen) mà các báo chí tặng ông đã trở thành một "tước vị" để nói lên sự nghiệp phi thường của một con người luôn luôn ước vọng có một cuộc sống tầm thường.

Từ cuộc sống bình dị của một nông dân ông đã bước vào chính trường quốc gia và từ chính trường quốc gia ông đã phải nhẩy lên võ đài quốc tế để lãnh đạo một thế giới Tây phương bị giao động mạnh mẽ sau cuộc đệ-nhị Thế-chiến.

I. TỪ NÔNG TRẠI ĐẾN CHÍNH TRƯỞNG

Harry S. Truman sinh ngày 8-5-1884 tại làng Lamar thuộc tiểu-bang Missouri. Làng này rất nhỏ nên đường phố không có tên và nhà không có số. Cha của Harry là ông John Truman làm nghề canh nông kiêm nghề buôn bò và lừa. Không hiểu John Truman nghĩ sao mà khi sinh con đặt tên là Harry lại còn thêm chữ S đệm vào sau đó, vì chữ S không phải là chữ viết tắt của một tên đệm như trường hợp thông thường. Nếu John F. Kennedy có nghĩa là John Fitzgerald Kennedy và Franklin D. Roosevelt có nghĩa là Franklin Delano Roosevelt thì chữ đệm S của Harry S. Truman không có nghĩa gì cả! Tuy sinh ra ở một làng nhỏ vùng nông thôn nhưng gia đình cũng có của ăn của để vì bà mẹ của Harry là Martha Truman, khi lấy chồng, còn mang về làm của hồi môn những 360 mẫu ruộng. Harry là con đầu lòng, sau cậu còn có một cậu em Vivian và cô em Mary.

Sinh ra tại tiểu bang Missouri, ở vào ranh giới giữa hai miền Trung Tây và miền Nam Hoa-kỳ, nên tính tình của cậu nhỏ Harry bướng bỉnh, mộ đạo nhưng lại khoan dung, vốn là những đặc tính của người dân hai miền này. Tính gan dạ thì cậu thừa hưởng của bà mẹ Martha. Bà này gan lì đến nỗi năm 92 tuổi, khi tới thăm ông con Tổng Thống, bà bị ngã cầu thang của Tòa Bạch-Ốc mà bà không hề mở miệng nói với ai.

Khi lớn lên, Harry cũng cắp sách

theo học các trường tiểu và trung-học như những trẻ nhỏ khác cùng tuổi, tuy nhiên cậu đã là một học sinh ưu tú và luôn luôn vào thư viện mãi mê đọc sách. Mong của cậu Harry thường ôm ấp suốt trong thời niên thiếu là sau này trở thành một nhạc sĩ có tài hay một sĩ quan pháo binh. Nhưng vì bị cận thị nặng Harry không được Trường Võ-bị West-Point thu nhận.

Khi Harry học xong bậc Trung học thì ông John Truman buôn bán thua lỗ đành phải giải nghệ. Do đó Harry không có phương tiện để tiếp tục học đến bậc Đại-học. Vì gia cảnh, Harry đành phải quay về nghề nông. Từ năm 20 tuổi tới gần 30 người ta thấy Harry Truman cặm cui cày bừa khai thác những thửa ruộng của bà mẹ. Cuộc sống thôn dã bình thản trôi qua dần và nếu không có cuộc chiến tranh thế-giới thứ nhất bùng nổ thì có lẽ chẳng bao giờ Harry bỏ làng Lamar đi lập nghiệp ở một nơi nào khác.

Nhưng thế-chiến thứ-nhất bùng nổ và Hoa-kỳ tham chiến vào năm 1917. Harry bị động-viên và được gửi sang mặt trận tại Pháp. Tại đây Harry lần đầu tiên đã thực hiện được mộng ước tuổi trẻ của mình. Thật vậy, nếu 10 năm về trước Trường Võ-bị West-Point đã từ chối không thu nhận Harry với đôi mắt cận-thị của chàng, thì năm 1918 nhờ cuộc thế-chiến mà Harry đã trở thành một

Đại-úy pháo-binh. Đại-úy Truman chiến đấu rất gan dạ trên chiến-trường Bắc Pháp. Chính trong mặt trận này mà Harry Truman đã thấu hiểu được kỹ-thuật chỉ-huy, biết uống rượu và biết chơi xì-phé. Cuộc chiến tranh này là một trường học đề huấn luyện lãnh-tụ Truman tương lai. Nhà văn Alfred Steinberg khi viết tiểu-sử của Truman đã nói : « Cuộc đệ-nhất Thế-chiến đã mở cái nút chai đề thiên tài này thoát ra ngoài. »

Chiến tranh chấm dứt, Harry Truman về đời sống dân-sự, khi đó đã 35 tuổi, và bắt đầu tính chuyện lập gia-đình. Ông hỏi cô Bess Wallace, 34 tuổi, một cô bạn gái mà ông theo đuổi từ ngày còn ở bậc Trung-học, nhưng khi cưới nàng Bess Wallace, Harry Truman phải mang luôn cả bà mẹ vợ Madge Gate Wallace về ở chung tại một căn nhà ở tỉnh Independence. Và ông đã phải chịu đựng bà mẹ vợ khó tính này trong 30 năm. Bà này vốn không ưa chàng rể nên nhiều khi có chuyện lủng củng trong gia-đình. Năm 1948 khi Truman ra tranh cử Tổng-Thống chính bà mẹ vợ của ông đã phá ông bằng cách tuyên bố với nhà báo rằng thế nào con rể bà cũng bị Thống-đốc Dewey đánh bại. Để giữ hòa khí trong gia đình, Harry Truman trao hết mọi việc cai quản trong nhà cho vợ. Bess Truman là một người đàn bà có

ng nghị lực khác thường. Trong nhà, bà một mình nắm quyền thu quyền phát. Vì vậy mà khi nói tới vợ, Harry Truman luôn gọi là « Ông Chủ » (The boss).

Sau khi cưới vợ, Truman tìm cách lập nghiệp ở thành phố Independence chứ không về làm ruộng nữa. Ông mở một cửa tiệm bán sô-mi và cà-vạt. Tiệm buôn phát đạt được đến năm 1922 thì bị phá sản vì cuộc khủng-hoảng kinh tế. Nhưng Truman cố gắng trang trải công nợ. Đến năm 1924 thì ông có được một con gái duy nhất ra đời là Margaret. Nhưng về phương diện nghề nghiệp ông chưa biết phải kiếm ăn bằng cách nào. Sau khi đã làm tới Đại-úy pháo binh ông khó có thể trở lại cuộc sống quá bình thường của một dân cày, và trở về làm nghề bán rong bánh mì thịt (Hot dog) lại còn khó hơn nữa. Đang phân vân thì ông được lãnh tụ đảng Dân Chủ ở Kensas City (Thủ đô của Tiểu-bang Missouri) là Thomas Pendergast cho vời vào hỏi ông có muốn ra ứng cử Thăm-phán hay không. Pendergast là một tay tài phiệt có thế lực trong Tiểu-bang. Sở dĩ Pendergast nghĩ tới Truman là vì Jim Pendergast đã phục vụ trong Đại-đội của Truman tại Pháp. Thấy ngành thương-mại không mang lại được no ấm cho gia đình, Truman chấp nhận nhảy vào chính-trường.

II. TRỜI SẬP XUỐNG ĐẦU

Nhảy vào chính trường không có nghĩa là thành công. Trong cuộc bầu cử thăm phán, Truman đã bị một đối

thủ tên là Rummell đánh bại. Rummell là người duy nhất có hân hạnh đánh ngã Truman. Vì từ năm 1926

trở đi Truman đã bách chiến bách thắng trong cuộc đời chính trị của ông. Thật vậy, từ năm 1926 tới năm 1934 ông đã liên tiếp đắc cử chánh-án Tòa án hòa-giải ở tỉnh ông. Đến năm 1934 sau hai nhiệm-kỳ ông không còn được quyền ứng-cử chức-vụ này nữa nên tham vọng của ông chỉ là được cử làm một chân thư ký quèn cho tới tuổi về hưu.

Nhưng định mệnh đã quyết định một cách khác. Vì các ứng cử viên của đảng Dân Chủ khước từ không tham dự cuộc bầu cử Thượng Nghị-viện, Thomas Pendergast lại phải nghĩ tới Truman. Được nhóm tài phiệt Pendergast tung tiền ra ủng hộ, Truman đắc cử Thượng Nghị-sĩ. Nhưng Tổng-Thống Roosevelt cho rằng Truman chỉ là tay sai của cánh đại tư-bản nên cả mấy tháng trời ông giận không chịu tiếp vị tân Thượng Nghị-sĩ!

Sáu năm sau, Truman lại tái ứng cử trong khi Tổng-Thống Roosevelt, tuy cùng Đảng nhưng không ưa Truman, lại muốn đưa Lloyd Stark, Thống-đốc Tiểu-bang, Missousi, ra thay thế. Roosevelt đã cho người đến dỗ dành Truman, hứa nếu ông rút lui thì ông sẽ được cử vào làm hội viên của Ủy-ban Thương-mại với một số lương cao hơn lương Nghị-sĩ và được hưởng suốt đời. Truman là một người cương trực nên thoát nghe nói đã nổi giận tuyên bố là ông không cần tiền bạc, không cần lương bổng, ông ra ứng cử Thượng Nghị-sĩ chỉ vì ông có trách nhiệm đối với cử-tri của tiểu-bang Missouri mà thôi.

Trong cuộc bầu cử này Thomas Pendergast lại tung ra mọi phương-tiện để ủng hộ ông. Nhưng Truman hơi buồn cho cuộc cò động bầu cử « quá bần thiêu » vì các đối thủ đã không ngần ngại nhục mạ và bôi nhọ lẫn nhau. Kết quả là Truman tái đắc cử với 44.000 phiếu hơn đối thủ của mình. Tổng Thống Roosevelt đành chịu và phải viết thư mừng ông Truman.

Trong thời gian làm Thượng Nghị-sĩ Harry Truman đã tỏ ra là một nhà làm luật có khả năng và một vị dân-cử có tinh thần trách nhiệm. Nhiều người cho ông chỉ là tay sai của Pendergast nên tặng ông danh-hiệu « Thượng Nghị-sĩ của vùng Pendergast ». Nhưng thật ra thì ông luôn luôn bỏ phiếu ngược lại với ý muốn của Pendergast. Ông nói : « Mọi người cần phải biết rằng Tom Pendergast hay bất cứ ai cũng không thể dạy Thượng Nghị-sĩ Truman cách bỏ phiếu được » và « Tôi là một người của tiểu-bang Missouri ». Người Missouri có nghĩa là một người đầu bò đầu bươu không để cho ai bắt nạt.

Tuy nhờ Pendergast mà Truman bước vào sự nghiệp chính-trị, nhưng Truman không bao giờ bị dính líu vào các vụ tai tiếng của Pendergast cả. Ngay cả khi Pendergast bị tố cáo là nhận của các Công-ty bảo-hiêm 750.000 Mỹ-kim để cò động bầu cử cho đảng Dân-Chủ, Truman cũng không bị nghi ngờ dính líu vào vụ này.

Làm việc siêng năng, luôn luôn nói thẳng, nên Truman dần dần được

Tổng Thống Roosevelt đề ý tới. Ngoài ra luôn trong 6 năm trời Truman đã ủng hộ hết mình chính sách kinh tế của Tổng Thống Roosevelt đề chấn hưng nền kinh-tế Hoa kỳ bị xáo trộn sau cuộc khủng hoảng 1929, nên càng ngày ông càng được Tổng-Thống vị nể.

Tuy đến năm 50 tuổi Truman mới bắt đầu bước lên sân khấu chính trị quốc-gia, nhưng không vì thế mà ông kém khí thế nồng nhiệt. Ông làm Chủ-tịch Ủy-ban điều tra chương trình quốc phòng và trong ba năm ông đã tìm ra được tới 32 vụ bất lực và tham nhũng trong ngành sản xuất vũ khí, và tự hào là đã tránh được những phí phạm khoảng 15 tỷ Mỹ-kim.

Các hoạt động của Thượng Nghị-sĩ Truman trong Ủy-ban điều-tra đã làm uy tín của ông lớn mạnh đến nỗi nhiều người đã nghĩ tới việc đưa ông ra thay thế Phó Tổng-Thống Henry Wallace trong kỳ bầu cử Tổng-Thống sắp tới. Nhưng một người hoạt động như Truman đâu có chịu sự gò bó và địa vị tối tăm « ngồi chơi soi nước » của một Phó Tổng-Thống. Vì vậy mà ông nhất-định từ chối không chịu đứng chung liên-danh với Roosevelt vào năm 1944 và tuyên bố sẵn sàng ủng-hộ James Byrnes vào chức vụ này. Khi Đại-hội đảng Dân-Chủ nhóm họp ông vẫn khẳng khẳng từ chối. Khi Tổng-Thống Roosevelt điện thoại hỏi Chủ-

tịch đảng Dân-Chủ Hannegan xem «thằng cha Truman đã bằng lòng chưa?» thì ông được Hannegan trả lời rằng : «Chưa ! Truman là một con lừa Missouri bướng bỉnh tôi chưa từng thấy ». Roosevelt giận quá nói : «Ông bảo Truman rằng nếu từ chối thì cứ việc từ chối, nhưng hẳn phải chịu trách nhiệm nếu đảng Dân-Chủ rạn nứt ».

Trước viễn-tượng một Đảng Dân-Chủ rạn nứt, Truman đành phải thuận ra ứng cử Phó Tổng Thống cùng liên danh với Roosevelt.

Nhưng Truman làm Phó Tổng-Thống được 3 tháng, thì Roosevelt chết vào ngày 12 4 1944. Khi bà Roosevelt gọi Truman tới nói : «Harry ơi, Tổng-Thống chết rồi ! » thì Truman vội hỏi : «Thế tôi có thể giúp được bà điều gì không ?» Bà Roosevelt đã trả lời rằng : «Chính ông mới cần phải có người giúp đỡ vì ông đang ở trong một tình trạng tội nghiệp ! »

Harry Truman lên làm Tổng-Thống thay thế Roosevelt lúc ông đã 60 tuổi, chưa được chuẩn bị kỹ càng, nên câu nói đầu tiên của ông với báo chí là : «Trời vừa sập xuống đầu tôi, các bạn hãy cầu nguyện cho tôi ».

Tuy miễn cưỡng làm Phó T. Thống rồi lại miễn cưỡng làm Tổng Thống Harry Truman vẫn can đảm nhận lãnh trách-nhiệm để trở nên một vĩ-nhân bất-đắc dĩ.

III. VĨ-NHÂN BẤT-ĐẮC DĨ

Harry Truman được vào Bạch Cung nhưng ông không chịu thay đổi

nếp sống cũ. Sáng nào ông cũng tiếp tục dạy thật sớm để đi bách bộ kiểu

nhà binh, nghĩa là đi 120 bước một phút. Chỉ tội cho mấy người cận-vệ sáng nào cũng phải dậy sớm chạy theo bỏ hơi tai. Ông coi Bạch-Cung như là một nhà tù giam lỏng con người. Ông viết thư cho con gái Margaret "Bạch-Cung tuy là nhà tù vàng son nhưng dù sao cũng là một nhà tù. Chỉ những người nào đầu óc không lành mạnh mới tự ý vào ở tòa nhà này".

Trong bức thư khác cho cô Margaret ông viết tiếp: "Bạch cung là một căn nhà bị ma ám ảnh. Đêm năm ba cứ nghe thấy những tiếng động lạch cạch. Chắc hẳn đó là hồn ma của Jackson, Andy Johnson (các cựu Tổng Thống) hiện về. Ba không biết họ luyến tiếc gì ở đây mà cứ mò về. Phải chi họ giúp được cho ba biết cách đối xử với một De Gaulle hay một Molotov thì hay quá".

Bà Martha Truman, mẹ của Tổng Thống, khi tới thăm con cũng không chịu nổi khung cảnh quá long trọng của vị đệ-nhất công-dân Hoa-kỳ. Bà nói với người hầu rằng. "Anh bảo Harry là nếu nó để tôi ngủ giường của Lincoln thì thà tôi nằm dưới sàn nhà còn hơn".

Tuy làm Tổng Thống nhưng Truman nhất định không chịu gò mình trong vòng kiềm tỏa của nghi lễ. Ông ngang nhiên để cho người ta chụp hình lúc ông đang chơi đàn dương cầm với cô đào Lauren Bacall ngồi trên đàn để hờ cặp đôi hấp dẫn. Khi Paul Hume, một nhà phê-bình nhạc của tờ báo Washington Post,

chê nữ ca-sĩ Margaret Truman hát dở, Harry Truman, quên ngay mình đang làm Tổng-Thống để trở lại vai trò một người cha bênh vực con, đã viết thư mạt sát Hume thậm tệ. Ông viết: "Tuy tôi chưa gặp ông nhưng khi nào có cái hân hạnh đó thì có lẽ mũi ông sẽ chảy máu và ông còn cần tới bút-tết để đắp lên cặp mắt thâm tím của ông"! Khi được nhà báo hỏi là làm như vậy ông có bị mất uy tín không, thì Truman thản nhiên trả lời: "Không, vì chắc chắn các người cha Mỹ đều đồng ý với tôi."

Các lời lẽ của ông vẫn đặc giọng dân quê Missouri. Khi Lady Astor, một công dân Mỹ trở thành một mệnh-phụ Anh, chế diễu giọng nói quê mùa của ông, Truman đã trả lời rằng: "Ít nhất giọng nói của tôi cũng tự nhiên chứ không kiểu cách, giả dối". Khi nói tới phân bón ông luôn luôn dùng tiếng *manure* cồ-lỗ có nghĩa là phân động vật, chứ không bao giờ dùng danh từ *fertilizer* tân tiến.

Tuy là một ông già nhà quê, luôn luôn giữ nguyên tính chất quê mùa, nhưng Harry Truman đã đương đầu với các biến chuyển trên thế-giới với một đầu óc sáng suốt và một lòng dũng cảm ít ai sánh kịp. Khi bước vào Bạch-Cung ông không biết bom nguyên-tử là gì và cũng chưa bao giờ nghe nói. Vậy mà 4 tháng sau chính ông đã quyết định cho thả bom này xuống Hiroshima và Nagasaki khiến cho hàng trăm ngàn thường dân Nhật tử nạn và khiến cho nước Nhật phải đầu hàng ngay sau đó. Người ta hỏi ông có bao giờ bị mất

ngủ vì quyết định này không, thì ông trả lời rằng: «Ném bom nguyên-tử rút ngắn được chiến tranh và cứu được 500 ngàn sinh mạng cả Mỹ lẫn Nhật thì không có lý do gì mà tôi phải mất ngủ». Một ngày sau khi quả bom nguyên-tử được thả xuống Hiroshima, Truman vẫn thản nhiên viết thư chúc mừng sinh nhật cô em Mary và gửi bản sao lá thư này như một tài-liệu lịch-sử.

Tuy chưa bao giờ có kinh nghiệm giao dịch quốc tế, ngoại trừ thời gian phục vụ trong ngành pháo binh tại Pháp, Truman đã tới Postdam hội đàm với hai siêu lãnh-tụ Staline và Churchill và chính ông đã ngăn chặn Staline trong ý định bành trướng tại Âu châu. Sau khi hội nghị Postdam bế mạc, Truman trở về đã kể cho mẹ ông nghe rằng: «Staline hay ăn gian, ông ta lúc nào cũng muốn khoe uống rượu giỏi nên nốc hết ly nọ đến ly kia. Nhưng thật ra Staline đâu có uống rượu mạnh vodka như ông ta nói, mà chỉ uống rượu nho».

Vì biết rõ Staline nên Truman, trong suốt thời gian làm Tổng Thống, đã luôn luôn phá vỡ các âm mưu của nhà độc tài đỏ mở rộng vùng thống trị về phía Tây-Âu bị suy yếu sau thế chiến. Năm 1947, Nga phong tỏa Bá-ling, Truman ra lệnh phá phong-tỏa bằng cách mở một cầu hàng không vĩ đại để tiếp tế cho dân chúng thành phố này.

Năm 1948 ông quyết định đưa ra kế hoạch Marshall để viện trợ cho Tây-Âu giúp các nước trong vùng

này tái thiết vì ông cho rằng phát-triển kinh tế là một vũ khí lợi hại nhất để ngăn làn sóng đỏ. Với «Kế-hoạch Marshall», Truman đã mở đầu cho đợt viện trợ khổng lồ 29 tỷ Mỹ kim mà Hoa kỳ đổ vào Âu châu trong 20 năm sau đó.

Năm 1949 «Điều 4» của bài diễn văn nhậm chức của ông đã mở màn chính-sách viện-trợ Mỹ cho các quốc gia chậm tiến. Năm 1950 khi Bắc-Cao tấn công Nam-Cao ông đã lập tức ra lệnh cho Mac Arthur can thiệp để bảo vệ nền độc lập của Nam Cao. Sự can thiệp này đã đưa Hoa-kỳ tới trực tiếp đụng độ với Trung-Cộng. Nhưng khi tướng Mac Arthur vượt quá quyền hạn của mình bằng cách định tấn công vào Hoa-lục thì Truman không ngần ngại cất chức vị lão tướng anh hùng dân tộc này. Mặc dầu dư luận trong nước rất ái mộ Mac Arthur, Truman vẫn cương quyết hành sử quyền Tổng-Tư-lệnh của ông.

Năm 1948, Truman ra ứng cử Tổng-Thống thêm một nhiệm kỳ nữa và đã được tái cử một cách hết sức vẻ vang. Trước ngày có kết-quả bầu cử, tờ Chicago Daily Tribune đăng hàng tit lớn chạy ngang trang báo: «Dewey đánh bại Truman». Nhưng dân chúng đã quyết định ngược lại, khiến cho Truman lại được dời diều các nhà báo là nói láo ăn tiền. Sự giao thiệp giữa ông và báo chí không được đằm thắm vì bản tính chất phác của ông hay thấy đâu nói đó. Mỗi khi bị các ký

giả hỏi những câu khó trả lời : ông thường đáp « Miễn phê bình » hay « Việc này không ăn nhậu gì tới anh », và vì vậy mà báo chí thường đưa ra hình ảnh một Tổng Thống Truman tầm thường, thấp kém, làm cho dân chúng dễ coi thường ông. Thượng Nghị-sĩ Joseph Mc Carthy, nổi tiếng một thời về các vụ lũng bắt những phần tử thân Cộng ở Hoa-kỳ, đã tố cáo Truman là « phản bội » quốc-gia vì trong Bộ Ngoại-giao có 205 người theo Cộng-sản ; một số cộng-sự-viên của Tổng Thống tham nhũng nhưng vẫn được Truman che chở, nên người ta nói nhiều tới « sự thối nát ở Hoa-thịnh-đốn ». Ứng-cử-viên Phó Tổng-Thống Nixon tố cáo Truman là quá mềm yếu đối với Cộng sản và hai ông đã giận nhau cả chục năm trời.

Năm 1952, tuy còn có quyền ứng-cử nhưng ông đã 68 tuổi nên rời bỏ đời sống chính trị. Đại-Tướng Eisenhower từ Âu-châu trở về ứng cử Tổng-Thống và đánh bại đối thủ Stevenson. Truman và Eisenhower từ trước vẫn thân tình bỗng dưng trở thành hai kẻ đối nghịch. Trong cuộc bầu cử, Eisenhower đã đề cho đàn em bôi nhọ Truman nên khi hai vị tân và cựu Tổng Thống gặp nhau bầu không khí đã trở nên lạnh lẽo ngọt ngọt. Hơn nữa Eisenhower, vốn tính khiêm nhượng, nhưng lúc đó đương say sưa với những chiến công hiển hách của mình ở Âu Châu nên đã coi Truman như « một Tổng Thống kém cỏi nhất » của Hoa-kỳ. Trong buổi lễ bàn giao giữa hai Tổng

Thống, Eisenhower đã nói với Truman rằng : « Sở dĩ tôi không về dự lễ nhậm chức của ông 4 năm về trước là vì tôi không muốn sự hiện diện của tôi làm lu mờ ông ». Truman đã đối đáp rất lẹ : « Ông không tới vì tôi không cho lệnh ông tới. Nhưng nếu tôi ra lệnh, chắc chắn ông đã phải tới ».

Giữa Eisenhower và Truman lại còn có nhiều sự hiểu lầm đáng tiếc. Muốn làm vui lòng Tân Tổng Thống, Truman đã ra lệnh cho John Eisenhower đang chiến đấu ở Triều Tiên trở về dự lễ nhậm chức của cha. Nhưng Eisenhower lại cho rằng Truman muốn phá ông, đem con ông về để thiên hạ cho rằng ông bè phái. Vì vậy mà không những không cảm ơn, Eisenhower còn trách Truman là đã đưa ông vào tình trạng khó xử. Eisenhower hỏi : « Ai chịu trách nhiệm về vụ này, ai đưa thẳng con tôi về ? » Và Truman trả lời Tổng-Thống Hoa-kỳ đã ra lệnh cho con ông trở về dự lễ nhậm chức của ông và Tổng-Thống hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu ông nghĩ rằng việc này gây khó khăn cho ông ».

Trong lễ nhậm chức của Kennedy 8 năm về sau, người ta thấy trên khán đài danh dự hai vị cựu Tổng-Thống ngồi bên nhau mà quay mặt đi không nói với nhau một lời nào. Hai ông chỉ làm lạnh với nhau trước quan tài của Kennedy vào năm 1963

Đối với Tổng Thống Nixon thì ông Truman ít giận hơn vì năm 1969, khi đắc cử, ông Nixon đã đến tận nhà ông Truman để chào. Người ta thấy một cảnh tượng rất cảm

động là một tân Tổng-Thống Nixon ngồi đánh đàn dương cầm bản «Valse của xứ Missouri» cho hai vợ chồng cựu Tổng Thống Truman lụ khụ chống gậy đứng nghe...

Khi rời bỏ chính trường, Truman đã trở về căn nhà cũ ở tỉnh Independence để vui thú điền viên bên bà vợ già và cô con gái duy nhất Margaret. Thỉnh thoảng ông đi chu du khắp các vùng đất Mỹ để diễn thuyết về lịch sử và chính trị. Nhưng khi ở nhà thì ông dành thì giờ để viết hồi-ký, quên tiền cất một thư-viện tại Independence mang tên ông. Thư-viện này có tới 10 triệu tài-liệu của chính phủ Truman, có một văn phòng xây giống hệt văn phòng của ông ở Bạch Cung ngày trước và một chiếc đàn dương cầm cũng giống hệt chiếc đàn của phủ Tổng-Thống.

Cuộc đời ần dật của ông bình thản trôi qua trong 20 mươi năm. Một buổi trưa giá lạnh, một ngày sau lễ Giáng sinh, Harry S. Truman đã trút hơi thở cuối cùng, rời bỏ cuộc đời đầy biến chuyển, đầy cam go, mà ông đã sống với một nghị-lực tiềm tàng phi thường.

oOo

Ngày 26-12-1972 Harry S. Truman, vị Tổng Thống thứ 33 của Hoa-kỳ đã trở về lòng đất với tinh thần sáng khoái của một người hoàn tất nhiệm vụ. Một người không tham vọng mà phải đạt tới tột đỉnh quyền uy ; Một người nông dân chưa từng ra khỏi cuộc sống bình thản của nông thôn mà được đưa đầy tới địa vị một lãnh tụ thế giới, bất cứ trong trường hợp nào ông cũng làm nhiệm vụ của mình với một sự cương quyết và can đảm hiếm có. Đó là bí quyết khiến ông là một người tầm thường mà trở thành một vĩ nhân. Cố Thủ-Tướng Anh đã nói một câu có thể tóm tắt được cả cuộc đời Truman : «Trước kia tôi rất ghét ông vì ông đã chiếm chỗ ngồi của một Roosevelt vĩ đại. Nhưng tôi đã lầm vì hơn ai hết ông đã cứu vớt được nền văn minh Tây-phương».

Tang lễ của Truman cũng được cử hành một cách giản dị đơn sơ vì trước khi ông chết, người ta có đề cập tới nghi lễ quốc táng, ông đã nói : «Ờ, quốc táng có những lễ nghi thật là đẹp, nhưng tiếc rằng lúc đó tôi không còn nữa để mà xem ».

TỪ MINH

CHIA VUI

Thành thật chia vui cùng :

bạn NGUYỄN PHAN THỊNH

và cô ĐÀM THỊ NHẪN

Nhân ngày 27 tháng 12 năm 1972

MANG VIÊN LONG, ĐẶNG TẤN TỐI và gia đình

TOM PAINE

Tom Paine là gì???

Là một cái tên tuy xa lạ với chúng ta, nhưng rất quen với các nhà cách mạng khét tiếng.

Tom Paine

Nhà cách mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người, vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một người, không một giọt nước mắt thương vay cho người suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời.

Tom Paine

Nhà cách mạng lừng danh chưa bao giờ xóa được trong lịch sử cách mạng ở Châu-Mỹ.

Tom Paine

Một tác phẩm lớn của Howard Fast, với bút pháp độc đáo, hấp dẫn, tân kỳ, làm say mê người đọc như ở trong hoàn cảnh thực của nhà cách mạng Tom Paine.

Tom Paine

Dù người đọc khó tánh đến đâu cũng phải hài lòng.

Tom Paine

Sẽ ra mắt các bạn đọc

ĐỒNG NAI TỔNG PHÁT HÀNH

270 Đề Thám Saigon

Đ.T. 20.942

Cái oai của Tả quân

Lê văn Duyệt. Cái tên đó có một sức mạnh, một ma lực khủng khiếp mà ít người ở thời ông dám nhắc tới. Người ta chỉ dám gọi ông là Tả Quân. Người ta còn kể là ngày vua Minh Mạng lên ngôi, Tả Quân theo nghi thức triều đình đến bái lạy, nhà vua trên ngai vàng đứng bật dậy như một cái lò xo mặt tái xanh. Nhà vua không dám ngồi yên nhận lễ của một võ quan mà vua chỉ cần hô một tiếng là kẻ tả hữu dẫn ra pháp trường trong nháy mắt.

Vua sợ Tả Quân đến mức độ đó, thử hỏi dân sợ đến mức độ nào? Cái oai đó đã tác động ra sao tới những hạng người địa vị thấp kém trong xã hội?

oOo

Ngày kia, Tả quân theo đường bộ từ Sài Gòn ra Huế. Khi đi vào địa phận Duy Xuyên, ở tỉnh Quảng Nam, ông truyền lệnh tạm đóng quân nghỉ đêm. Lúc bấy giờ đã về chiều. Đội lính trạm của ông liền đi ngay đến trụ sở trạm của huyện ở gần đó để sai phái, xếp đặt mọi công việc cần thiết. Thời xưa, Trạm là chỗ dùng để đưa thư từ, công văn từ nơi này đến nơi khác mà đồng thời, cũng là địa điểm để các quan quân đi lại lấy chỗ nghỉ ngơi. Các quan có thể gọi cả hòm xiềng, xe ngựa, cả gia đình tá túc ở đó trong một thời gian ngắn trước khi tiếp tục cuộc hành trình.

Vì thế, ở trạm, bao giờ cũng có nhân viên túc trực.

Trạm Duy Xuyên là một trong những trạm lớn, danh tiếng. Các quan lớn nhỏ có việc qua tỉnh Quảng Nam, ít nhiều gì cũng có cơ hội ghé lại. Cách đây trên 50 năm, các ông lão cho biết là lúc nhỏ còn thấy nhà trạm với những hàng cột rất lớn, như cột đình. Như thế, ta có thể đoán biết khái quát tính cách quan trọng của nơi này đề tưởng tượng những con tuấn mã thỏ phi phò, những tốp lính khiêng, vác hành lý kêu la ới ới, những mệnh phụ phu nhân dẫn các cô chiêu bồ ngõ bước vào quán ăn lân cận, những chiếc xe chõ rương hòm bốc bụi đất mù trời.

Bọn quân nhân thuộc ngành « lính trạm » của Tả Quân đã tới trước nhà Trạm. Vì là người của thượng quan nên tuy chức nhỏ mà họ chẳng sợ ai, nể nang ai. Mới vất những rương hòm xuống, họ đã cất tiếng ới ới gọi thầy đội trạm ra nhận hành lý của các thượng quan. Bấy giờ, bọn lính trạm túc trực kẻ thì đi chơi, kẻ đi đánh bạc, đi ve gái cả, không ai tiếp tay ngay với bọn lính từ xa tới. Chúng tức giận, quát tháo ầm ỉ, không còn kiêng nể gì ai nữa. Chúng chạy vào nhà trạm, lên thẳng phòng giấy thầy đội trạm. Tới đây, chúng thấy thầy đội có đó, nhưng chẳng khác gì xác chết. Thầy ngồi, dựa

trên ghế, đầu ngoẹo ra sau, miệng mở hoác trông rất dễ sợ. Nhưng không ai sợ, vì biết thầy quá say ! mùi rượu từ hơi thở thầy bốc lên nồng nặc. Bọn lính liền kêu gọi, rồi lay tay, lay đầu. Thầy say bí tỉ, lắc gì thì lắc, la gì thì la, cứ nhắm mắt mê man.

Tức giận, bọn lính hò hét :

— Muốn say, cứ mà say ! Tả Quân cho say thả cửa !

Rồi bọn chúng dẫn nhau ra, cho người chạy về báo với thượng cấp vì có nhiều rượu hòm cần được đưa qua sông Cầu Lâu, về Kinh càng sớm càng tốt mà đội trạm còn mãi say rượu bỏ bê công vụ.

Cho tới khi thầy đội thức giấc, biết rõ sự việc thì chỉ còn đủ sức kêu lên hai tiếng « trời ơi » rồi muốn ngã ra bất tỉnh. Thầy biết và ai cũng biết là Tả Quân ít khi tha thứ những kẻ thừa hành công vụ bê trễ như thế. Thầy không thể nào thoát lưới dao oan nghiệt của một đao phủ thủ ngày mai vì Tả Quân có quyền tiền trạm hậu tẩu :

oOo

Trong đêm ấy, thầy liền tức tốc đi vận động, đúng hơn, đi lạy lục các bô lão trong làng. Không phải chỉ mình thầy mà cả vợ con thầy. Thật ra, ai cũng thấy rõ cái chết của thầy như chuông treo sợi chỉ mảnh. Nhưng trước lời khóc than ai oán của vợ con thầy và cả chính thầy, nhân vật quan trọng bậc nhất vùng này, ai có thể cầm lòng cho được. Các bô lão

đều khảng khái nhận lời, nhưng không ai dám hứa điều gì cả. Vì cái đại của Tả Quân quá lớn và *khi Tả Quân đã muốn giết là phải chết*, không thể nào thoát được.

Trong đêm tối hôm ấy, cả gia đình thầy đội thất thểu đi qua những chỗ đóng quân. Tất cả lính tráng đều cẩn thận mài lại gươm đao cho bén vì, thầy vẫn nghe nói, theo lệnh của Tả Quân, khi cần chém người nào thì không cần chọn đao phủ thủ : Tả Quân thấy người lính nào cũng có thể bất ngờ ra lệnh và lập tức người đó phải xuống đao.

Vợ con thầy cùng thầy thui thui, run rẩy trở về.

oOo

Các bô lão được một võ quan hướng dẫn cho biết rõ điều này,

— Quý ông vô đó thỉnh lạy Tả Quân. Như ngài bôi tóc, nét mặt nghiêm trang thì tốt hơn hết chỉ thừa là bô lão ở địa phương tới thỉnh an ngài mà thôi. Nhưng nếu thấy ngài xoa tóc, ra chiều vui vẻ thì mới nên thừa. Các ông phải nhớ kỹ điều đó.

Các bô lão vâng dạ và cùng nhau mang lễ vào ra mắt Tả Quân. Lúc bấy giờ Tả Quân thức giấc đã lâu tuy mặt trời mới lên. Ông xoa tóc, ngồi trên ván nhai trầu ra chiều vui vẻ. Các bô lão liền tiến lên bái lạy và bày bỏ nguyện vọng của mình.

Tả Quân đang lúc vui vẻ, nhận lời ngay, lại còn ban mấy lời phủ dụ

trước khi các cô lão ra về. Các cụ liền đi thẳng lại trạm nơi mà vợ con thầy đội đang cháy gan, cháy ruột đón chờ. Ôi, nói sao cho hết niềm vui của một gia đình có người chết được ban phép lành sống lại: Nỗi mừng biết lấy chi cân!

Các cụ hiền nhân đó, đi thẳng vào chỗ làm việc của thầy đội. Thầy mệt mỏi, gục đầu xuống bàn ngủ mê man.

Một ông già lay vai thầy dậy để báo tin thầy được hồi sinh. Nhưng theo đà tay yếu ớt của ông già, thầy ngã lăn ra, mặt xám ngắt, mắt trợn trừng: thầy đã chết.

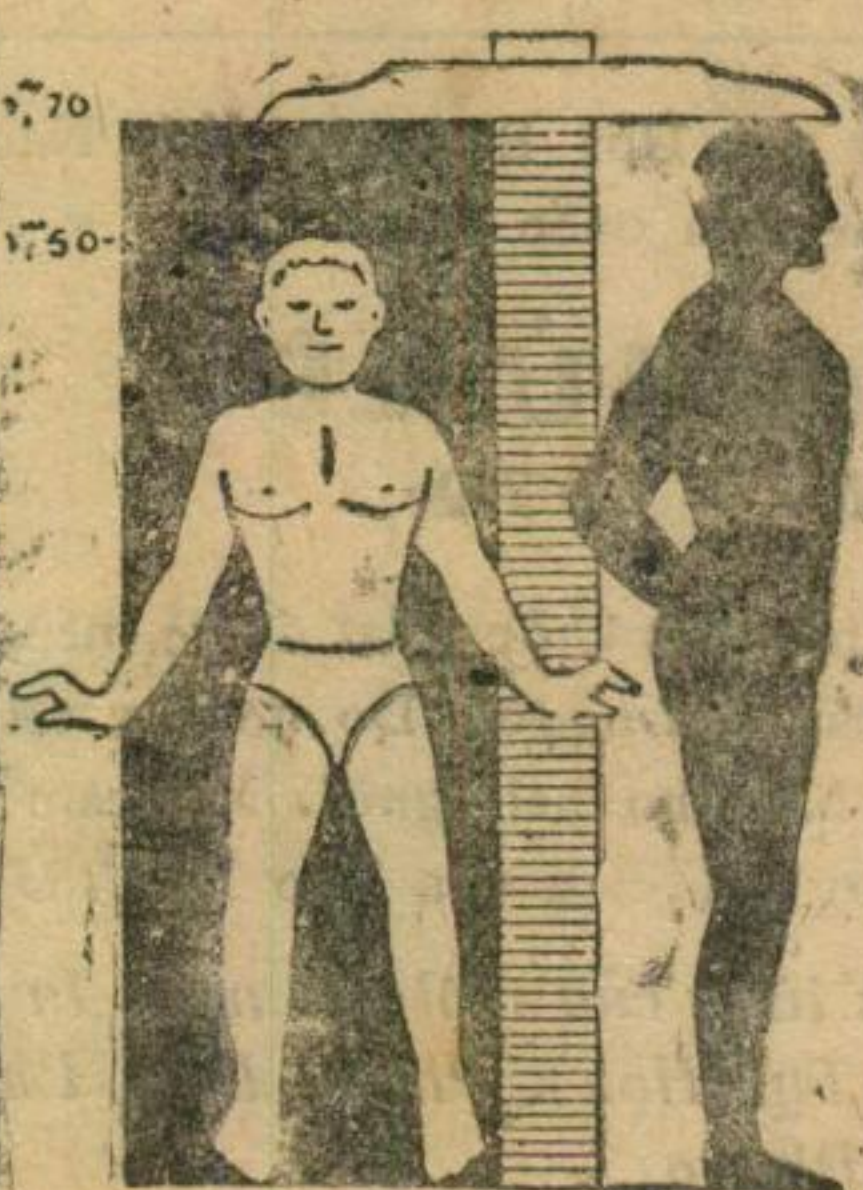
Thầy chết vì những cảnh mài gươm dáo thầy đã chứng kiến trong đêm tối.

Và đó là bí quyết của cái oai của Tả Quân.

NGUYỄN VĂN XUÂN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



170
150

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Đã phát hành :

VÂN ĐÀI LOẠI NGŨ

Của Quế Đường LÊ QUÍ ĐÔN biên soạn
PHẠM VŨ, LÊ HIỀN dịch và chú giải, MIỀN NAM xuất bản

VÂN ĐÀI LOẠI NGŨ

là một quyển Bách Khoa toàn thư của Việt Nam vào thế kỷ thứ mười bảy, gồm chín quyển bàn đầy đủ khí tượng, phong thủy, địa lý, văn chương, nghệ thuật, chính trị, phép tắc thi cử đến phong tục và phẩm vật cùng là số tướng v.v...

Bản dịch trọn bộ từ quyển thứ nhất đến quyển thứ chín, kèm theo phần Phụ lục nói về sự nghiệp và văn chương chữ Nôm của Lê Quý Đôn.

* * *

Bạn đọc ham tìm hiểu có thể tìm hiểu từ lai lịch của cái lược chải đầu, đến cách dạy voi, xem tướng trâu, ngựa.

Bạn đọc yêu văn nghệ có thể tìm hiểu về phép làm thơ, văn, hội họa v.v...

Sau nhiều trục trặc, cùng với Hòa Bình cho Việt Nam, đã gửi tới bạn qua các tiệm sách trên toàn quốc :

Thơ DU TỬ LÊ

1967 — 1972

« Tôi làm thơ vì những hạnh phúc không đạt được, nếu hiểu hạnh phúc là mục đích cuối cùng của đời người. Do đó thơ tôi là những khúc ca ngán cho một-mình hay cho hai-người. Xin cảm ơn những một-mình và những hai-người ». (Trích tựa Thơ DU TỬ LÊ)

Bìa : một bức tranh lạ lùng của một tài nghệ lạ lùng : Hạ Quốc Huy. Phụ bản : Tạ Ty. Họa : Phạm Duy, Phạm Đình Chương. Nhạc : Từ Công Phụng.

TẤT CẢ IN TRÊN GIẤY QUÍ.

HIỆN ĐẠI 44/5, Công Lý — Tổng phát hành

Một bức thư đầu năm

● NGUYỄN-NGU-Í

Anh Châu

Bức thư đầu năm này, gửi cho anh là một bức thư tình. Anh đừng giựt mình. Vì đây là một thứ tình đặc biệt, tình với Bách Khoa mà !

Số là trong ba năm liên tiếp — đúng hơn, là trong ba số kỉ niệm tiếp nhau : Bách Khoa, 14 năm, 15 năm và 16 năm — các anh Nguyên-Sa, Phan-Du và Vũ-Hạnh có nhắc đến tôi, mỗi người mỗi kỉ niệm, mỗi kỉ niệm một vẻ. Được anh em thương và nhớ đến thế, tôi không thể làm thinh, nhất là khi đã nhất định cầm lại bút. Vì tôi thấy cần được nói rõ đề soi sáng vài điều các bạn ấy nói về tôi, mà cũng đề soi sáng cái « ca » Ngu-Í họ Nguyễn. Vì xét lại, cái « ca » của tôi đáng cho một nhà phân tâm học đề í lắm. Đã có một sinh viên trường thuộc lấy bịnh tâm trí của tôi làm một đề tài cho luận án của mình, thì sao không có một nhà phân tâm học đề í đến cái « ca » này trong phạm vi tâm lí và sinh lí, như anh Nguyễn-Hiến-Lê đã ước trong bài tựa cuốn « Đời nhà văn Ngu-Í Nguyễn-Hữu-Ngư » của Châu-Hải-Kì mà tôi đã gửi anh xem qua đề đăng lên Bách Khoa như một quảng cáo cho quyển sách sắp ra đời ấy ; vậy tôi có bồn phận giúp phần nào nhà phân tâm học tương lai ấy (một Võ-Phiến, có được chăng ? Vì anh Lê ước tới một... Dostoievsky !)

* * *

Trước hết, tôi xin nói ra với anh Phan-Du trước.

Thật ra, tôi còn nhớ kĩ các bạn Bách Khoa cùng lên thăm tôi ở Dưỡng trí viện Biên-hòa, năm ấy ; song tôi quên bằng là có anh Phan-Du. Anh Phan-Du đang tưởng sẽ gặp một Ngu-Í không ủ rũ như con cò ma thì cũng là hết như một thằng điên chính cống. Nào ngờ anh gặp một Ngu-Í rất ư là bình tĩnh, nường dẫn đường hoàng các bạn đi thăm các khu trong Dưỡng trí viện, lại còn cảnh giác các bạn đề phòng một loại « điên dữ ». Thật ra, chẳng riêng gì một Phan-Du, mà một Nguyễn-Thị-Vinh, một Túy Hồng, một Tuệ-Mai, một Lê-Văn-Siêu cũng đều ngạc nhiên khi đến « quê hương Điên » thăm tôi, tôi đã « tỉnh bơ » và còn đưa các bạn ấy từ chỗ này sang chỗ nọ một cách rất ư là « tỉnh ». Thì ra, tôi điên là điên ở đâu, chớ về nơi mà tôi thường tự an trí ấy là tôi đã bình thường. Hoặc nhà tôi thấy đôi triệu chứng, đồ dành tôi rồi đưa lên, hoặc tôi phá làng phá xóm, phá chùa phá nhà thờ, rồi được dân quân, tự vệ hay cảnh sát công lộ ra tay « ngĩa hiệp », « độ » tôi về Dưỡng trí viện. Bình tôi lên từng cơn. Lên cơn thì phá phách vật chất như quăng sách vở (quăng chớ không xé), đập cửa nhà quen giữa đêm khuya, nói tục, chọc tọc thiên hạ, ư gậy gồ, mĩa mai, có khi chửi « tưới hột sen », và nhất là đi lang thang ngoài đường bất kể giờ giới

ngiêm. Rồi khi được « như í », cái cơn đó xẹp rất mau.

Tôi phải nhường lời cho một nhà chuyên môn, bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh, nguyên Giám đốc Dưỡng trí viện : « Có điều đáng đề í trong căn bệnh của anh, là lắm khi từ cái « *tĩnh* » sang cái « *điên* » (*điên* hay *say* ?) hoặc từ cái « *điên* » (*điên* hay *mê*) qua cái *tĩnh*, khoảng cách, về không gian, chỉ một sợi tóc, về thời gian, chỉ ít phút giây. Bị kích thích đúng chỗ, được xoa dịu nhằm nơi, thì con người nhạy cảm của anh rất dễ mất bình tĩnh cũng như mau trở lại bình thường.» (1) Tôi còn nhớ một câu của người bác sĩ tri kỉ này : « Dans ce cas, les sens des autres sont épuisés, les siens sont aiguisés » (Trong trường hợp ấy giác quan người khác mòn mỏi, còn anh, thì lại sắc bén). Chẳng những thế, về sinh lí, lại mãnh liệt, dồi dào, và thường thì thô bạo. Mới đây, tình cờ anh Trí-Đăng nhắc đến loài chuột, bị tiêm thuốc làm loạn não, thì phần sinh dục dữ dội, nhân tiện anh hỏi tôi. Tôi nói người có lẽ cũng thế, vì lúc ấy toàn thể bộ phận trong người đều bị kích thích ; riêng về phần tôi, thì rất đúng. Nói đến việc này, tôi sức nhớ đến bài thơ tôi « tạ tội » với nhà tôi nay tìm không ra bản thảo, và chỉ một người bạn được nghe tôi đọc, đó là anh Nguyễn-Hiến-Lê.

Bệnh tôi như thế, nên đã làm nhiều bạn ngạc nhiên. Chính có lần anh nhắc đến anh Lãng-Nhân, cho rằng tôi *điên* mà sao viết văn có *điên tí nào đâu*. Điều này, chẳng đáng lấy làm lạ, vì nếu anh mà thấy thơ văn tôi « *điên* » quá, thì anh đâu có cho đăng mà bạn đọc thấy hay không thấy. Có khi giờ trước, ở đây, tôi « *điên* » ở nơi này, mà sau đó, ở nơi khác, tôi « *tĩnh* », làm hai bạn gặp tôi ở hai nơi sẽ không đồng í với nhau về cái « *tĩnh điên* » của tôi.

Cho hay điên tĩnh ôi là khó ! (1)

Để kết thúc cái vụ này, tôi xin ghi lại lời nói anh Nguyễn-Hiến-Lê, sáu năm về trước, hỏi tôi về sự *điên* thật *điên* giả. « Tôi *điên* thật. *Điên* từ năm hai mươi tuổi, nằm nhà thương Chợ-quán nửa năm trời. Trong kháng chiến, tôi *điên* ở vùng Nam-Ngãi, và một số bạn vùng này đã từng chứng kiến những cơn *điên* có vẻ khác lạ của tôi : họ cho tôi *điên* vì chính trị, và hồ sơ tôi ở Chợ-quán không còn, nhưng ở Biên-hòa, thì đầy đủ, bệnh tôi được gọi là cuồng rảo tuần hoàn (*manie circulaire*). Có điều đáng chú í, là sau cơn *điên*, có khi tôi quên hẳn, có khi tôi nhớ sơ sơ, có khi lại nhớ rất rành mạch. »

Đáp anh Phan-Du xong, giờ qua anh Nguyên-Sa. Anh bạn này kể lại một giao thừa tôi bỏ vô hẻm nhà anh, đúng theo phép quân sự, bị lính Đại-

(1) « Thơ điên » (thứ thiệt), Ki-Gob-Jó-Ci..., Biên-hòa, 1970.

Hàn cho là «Vi-xi», bắt, anh phải ra nhận rồi tôi và anh cùng lạy nhau ở sân đầm nước.

Đó là nhằm lúc chán đời quá, và quá ngán với cuộc sống nhàm ngấy hàng ngày, nên tôi «nổi hứng» lên mà «cương» một màn. Bỏ đúng phép quân sự, tuy không cầm súng ngày nào, là vì trước kia, thời đầu cuộc kháng chiến, tôi từng ở một chiến khu ở xứ Quảng, do đó cũng có học qua cách bò, trườn, nup, bắn với anh em. Bỗng nhiên nhớ đến «nghịch» cũ, và cũng muốn coi nhà «thơ» Nguyên Sa, mà thơ được giới trẻ hoan nghênh sẽ đối phó ra sao đối với cái «hứng» «cì cục» của một bạn già.

Sau cùng, đến anh Vũ Hạnh, ở số kỉ niệm vừa ra.

Anh cho tôi sống như một phế nhân. Và ghiền cà phê sáng, nhưng phải uống nước nhè, còn nước nhát để cho người khác. Chữ *người khác* của anh thật đặc. Đáng khuyên đời. Vì còn ai đó, khi mà «nhất vợ nhì trời». Như tôi đã nói, từ bảy năm nay, tôi bỏ nghề dạy, và từ năm năm nay, tôi thôi nghiệp viết. Nhà tôi phải làm cho cả hai, và ở vào cảnh :

*Quanh năm «dạy khắp cả tây đông»,
Nuôi nổi «hai con» với một chồng.*

Tôi phải đóng vai nội trợ :

«Làm trai rửa chén quét nhà...»

Xet lại, sống vừa khít khao, nên mọi việc đều giảm đến mức tối đa. Nhà tôi cần uống cà phê để dạy, nên tôi thường được chia... phần. Thet rồi quen. Ghiền thì nhà tôi ghiền ; chớ tôi thì mới thành thói... quen ! Những hôm nhà tôi quên đề phần, thì vì lười có, muốn tiết kiệm cũng có, tôi pha nước nhè, gọi là cũng «phong lưu» như ai.

Chi tiết gia đình này, chỉ có bác sĩ trong thân thuộc biết mà thôi, chẳng biết tại sao lại lọt được vào tai anh Vũ-Hạnh !

*
* *

Thư tới đây cũng tạm đủ cho anh hiểu tôi hơn và thương tôi nữa. Mong rằng, ngoài ba anh bạn đã có nhã ý nhắc đến tôi, những bạn khác và độc giả sẽ... như anh.

Thân mến.

NGUYỄN-NGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ

Sắp phát hành :

BẠCH TẦN

truyện của Tỉu Vu, bản dịch Vi Huyền Đắc

BỨC BÌNH PHONG

của S. Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch

MƯU SINH

của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch

PHI LẠC SANG TÀU

của Hồ Hữu Tường

DỊCH CÁT

truyện của Nguyễn Văn Xuân

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Đầu năm nói chuyện tướng số

(tiếp theo trang 22)

Canh Tuất (21 tuổi) lâu dài hạnh phúc cũng bị lung lay tận gốc. Vì hạn năm này đến cung Thân thuộc Kim (khắc Mộc mệnh) năm Mậu Thân cũng thuộc Thổ (Đại Trạch Thổ là đất làm nhà) cây Tòng. Bá làm sao mọc được. Niên hạn lại gặp Lộc, Mã, Tang, Điều, lưỡng Tuế : Mã ngộ Lộc Tồn là ngựa bị roi quất vào mông, nhưng có Kinh Đà kèm hãm, gặp lưỡng Tuế là xung đột và khắc khẩu diễn tiến đến chỗ tan vỡ...

Cô nào có giới nhãn nhìn đến đâu, thì năm Nhâm Tý (23 tuổi) niên hạn vào cung Ngọ thuộc Hỏa là Mộc bị diệt, lại gặp Tuần Triệt, là gỗ bị chặt nhỏ (Triệt) rồi bị đốt cháy (Tuần), hành niên năm này cũng thuộc Mộc (gỗ cây dâu) là một thứ gỗ dễ cháy, làm mối cho lửa ở cung Ngọ và Tuần đốt Mộc-tòng-bá của mệnh cháy nhanh thêm. Niên hạn năm này có Hồ, Phục, Điều, Tuế, Cái và Thanh Long bị Tuần, Triệt ; lưu niên hạn năm này lại có Đà Tang, Kinh xâm nhiễu. Đó là dấu hiệu những vụ tan vỡ hạnh phúc khó tránh cho tuổi Canh Dần (nữ mệnh).

Diễn hình nhất cho các nữ nghệ sĩ tuổi Canh Dần đã trắc trở tình duyên mà tôi đã xem qua lá số Tử vi :

— *Băng Châu* : Có người yêu (và thanh vợ người ấy luôn) từ năm Bính Ngọ 17t, rạn nứt năm Mậu Thân (19t), tan vỡ năm Canh Tuất (21t), cuối năm gặp duyên mới, và

cũng đã tan vỡ vào giữa năm Nhâm Tý (23t).

Ngọc Anh : Có người yêu năm 19t (Bính Ngọ), sống trọn với tình yêu (và sinh con trai vào năm Đinh Mùi) ; vỡ tan vào năm Mậu Thân, cuối năm này gặp duyên mới (nhà văn Văn Quang) và rạn nứt vào năm Canh Tuất (21 tuổi) Dù nàng cố duy trì, vẫn không hàn gắn được một sự tan rã vào năm Nhâm Tý (23t), đề rồi nàng gặp duyên mới vào giữa năm này

— *Minh Lý* : gặp duyên (Jo Marcel) khi đóng phim "Thế Giới Nhạc Trẻ", giữa năm Canh Tuất (21 tuổi), và có bầu năm Nhâm Tý (23 tuổi) đề rồi chia tay với Jo Marcel cuối năm này, sau khi sinh đứa con gái.

— *Thiên Trang* : Cuối năm Bính Ngọ bước vào làng ca nhạc, do một nhạc sĩ diu dắt, dư luận xầm xì đạo đó (17t), và dứt khoát với nhạc sĩ này, vào đầu năm Mậu Thân (19t), đề rồi giữa năm gặp người yêu, tính chuyện đi đến hôn nhân, gia đình đôi bên đã chấp nhận, mối tình đôi lứa được chính thức hóa. Đề rồi cuối năm Canh Tuất (đầu năm 1971), 21t, vị hôn phu vĩnh biệt không lời từ giã trong một cuộc đụng độ với bọn du đảng. Và năm Nhâm Tý (23 tuổi) vừa bị nhiều scandale ái tình làm cay, nàng khóc đến sưng vù đôi mắt. Cuối năm, nghe tin nàng tuyên bố sẽ lấy chồng.

Uyên Phương : Năm Bính Ngọ gặp vụ scandale với tỉ phú dầu hỏa

(năm đó nàng 17t). Năm Mậu Thân (19 tuổi) ký giao kèo với một Club Đại-hàn, đột ngột rời Sài Gòn, du luận xam xì là nàng đi xỏ bầu tâm sự. Và năm ấy nàng gặp người yêu trong chuyến «du ca» đó.

Năm Canh Tuất (21 tuổi) vì một vài trở ngại gia đình, nàng có con với người yêu, đề năm sau mới hợp thức hóa bằng một hôn lễ.

Năm Nhâm Tý (23 tuổi) sóng gió trong bề hạnh phúc đã bắt đầu xao động và một vụ sẩy thai vào đầu năm. Hiện đang cố hàng gấn để chung sống.

Sau tuổi Canh Dần là tuổi Mậu Tý nữ mạng, năm nay cũng gặp nhiều tan vỡ hoặc lộn độn tình duyên, vẫn còn cô đơn.

Tuổi Mậu Tý, Mạng Tích-lich-Hỏa, năm này niên hạn đến cung Tuất, gặp Tang, Diếu, Cô, Quả, Long, Phụng, Kình, Đà. Có nghĩa là những bộ sao biểu tượng cho hạnh phúc gởi chẵn bị hung tinh Kình, Đà, Tang, Diếu (bất đồng ý kiến, hoàn cảnh ngang trái), và Cô, Quả (chủ cô đơn) xâm nhiễu quấy phá.

Điêm qua lá số các nữ nghệ sĩ, hầu hết tuổi Mậu Tý đều đang dở hoặc lộn độn tình duyên trong năm Nhâm Tý này :

— *Thanh Lan* : Xò xác với chồng là Dũng Long Biên, và phân dị sau đó, vào những tháng hạ bán niên.

— *Tuyết Nhung* (vũ Sexy), sau nhiều vụ scandale đến nỗi chán sống,

quyên sinh bằng độc được nhiều lần, hiện vẫn sống cô đơn sau vụ toan lìa cuộc sống vào năm này.

— *Thanh Tuyền* : Đã yên bề gia thất từ bốn năm trước, thế rồi, dùng một cái nồ bùng vụ ly dị với chồng là Đại úy Cảnh vào những tháng đầu năm này. Hiện nay đã ôm cầm sang thuyền khác, nhưng cuộc tình duyên cũng đang gặp nhiều gay cấn.

— *Connie Kim* : Đã có chồng, sinh một đứa con trai kháu khỉnh, nhưng cũng đã phân dị vào đầu năm này. Nàng vẫn mong được nối lại cuộc sống với chàng, nhưng chưa biết có được như ý nguyện hay không, vì chàng đang hành quân xa.

— *Kim Tuyền* : Qua hai lượt gầy đồ, cả hai lần lấy chồng đều là người trong giới nghệ sĩ. Lần tan vỡ chót xảy ra vào những tháng giữa năm này.

Còn các cô *Ngọc Tuyết*, *Trang Bích Liễu*, *Lệ Thủy*, qua nhiều lần bị scandale, vẫn đang cô đơn.

Duy có *Phượng Hoài Tâm*, lập gia đình năm rồi, đang có bầu, vẫn còn đang sống trong hạnh phúc. Con số ít ỏi, một trong 9 nữ nghệ sĩ.

Chỉ vì các nữ nghệ sĩ nổi tiếng, Thân hoặc Mệnh đều có các dâm tinh như Long, Phụng, Cái, Hồ, Diêu, Đào, Hồng, Hỉ, và những sao có tính chất lãng mạn như : Xương, Khúc, Tấu, Mộc, Liêm, Tham, Nhật, Nguyệt. Chiếu hội ở các cung Tài, Di, Mệnh hoặc Phúc, Thân, Quan, Phu. Gặp niên nạn năm Tý này đi vào cung Tuất, có Kình, Đà, Tang,

Điều, Tuế cổ định hội Đà, Tuế lưu niên ở cung La, Vong phùng Cô, Quả. Thành thử khó tránh những cuộc dang dở gây đồ nếu đã lập gia đình; vẫn cô đơn dù trải qua những lượt tình duyên lận đận.

Trong những lá thư độc giả gửi về, tôi nhận thấy nhiều cô bị dang dở hoặc tình duyên lận đận cũng đều gặp những bộ dân tinh chiếu Mệnh, Thân hoặc Quan, Phu; Niên vận năm này gặp Kinh Đà, Tang, Tuế, Cô, Quả xâm nhiễu làm cho hạnh phúc tan vỡ.

Và hầu hết, bàn tay của các nữ nghệ sĩ tuổi Canh Dần và Mậu Tý, đường tình duyên (ligne de cœur) bị cắt đứt hoặc nối tiếp bằng những đường ngắn như dây xích. Đồng thời, dáng bàn tay thon dài có những ngón tháp bút hoặc bút măng; Cung Phu (nằm ngang đuôi mắt gần tóc) đều bị đốt tàn nhang hoặc bị những vết nhăn (được phủ lên những lớp phấn) mới nhìn qua rất khó biết, nếu không đến nhà và được đương số tiếp chuyện những lúc chưa trang điểm, nhất là những dịp tiếp xúc qua câu chuyện tướng số như tôi đã

thực hiện trong năm qua.

Có một điều buồn cười, là mỗi khi gặp cô gái nào đi ngang qua tôi cũng nhìn tướng đi để xem bước đi có vững chắc hoặc có phải mình xà uốn khúc? khi nàng ta đến gần tôi xem tướng diện gò má có nổi cao, mắt có long lanh, môi có mỏng, miệng có rộng, gót chân có ửng đỏ, da của lưng bàn tay có trắng hay nhăn; được tiếp chuyện thì lắng nghe giọng nói có âm hưởng, hay là rít hoặc thiếu âm vang v.v. để ngầm luận đoán tướng diện dáng đi, hình dung và âm thanh của cô gái ấy hầu nhận diện một nhân dáng định mệnh của cô ta, để cho biết chơi vầy thôi.

Thế nhưng, oái oăm thay, chính bản thân tôi, đã ba lần lập gia thất, đều bị đồ vỡ...

Phải chăng, Tướng số là một nghề không thể tự xem cho bản thân và cho những người thân yêu của mình? có lẽ vì tự kỷ ám thị?

Sàigòn giáp Tết Quý Sửu

LÊ THANH THÁI

CHÚC MỪNG

Được tin em **Gioan Phanxicô NGUYỄN GIA THỊNH** Tư sĩ Dòng Anh Em Hèn Mọn, Trưởng nam **Ông Bà NGUYỄN VĂN KHÁNH**, 1/4 đường Trần Tấn Phát Saigon, đã thụ phong Linh mục tại Thánh đường Phanxicô Saigon, hồi 9 giờ 30 sáng Chủ nhật 11-2-1973.

Xin thành thực mừng Ông Bà Nguyễn văn Khánh và em Nguyễn Gia Thịnh về hồng ân Chúa đã ban cho em và gia đình Ông Bà.

Cô NGHIÊM NHẬT HIỀN, Ông Bà TRẦN VĂN KHANG
Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU, Ông Bà NGHIÊM HOÀNG HẢI

Khi trở lại trường

Thơ DU TỬ LÊ

ôi hòa bình hòa bình
anh đưa em lên núi
có đà lạt mưa nhỏ
có pleiku bụi mù
có kon tum nát đổ
có nỗi buồn ban-mê
ta trở về nha trang
thấy trời ôm biển lạ

bỗng anh thêm ôm em
thấy nụ hôn rất ngọt
thấy ngực thơm mùi trầm

ôi hòa bình hòa bình
đưa em về lục tỉnh
ta qua bắc mỹ thuận
ta về đến căn thơ
ra đứng bến ninh kiều
thấy trời mây lồng lộng
(thấy em cần ôm anh)
trước giòng sông cuộn cuộn
thấy hồn như cây trồng

ôi hòa bình hòa bình
thấy mình như mới lớn
anh trở lại sân trường
anh sẽ ngồi cuối lớp
thấy em trên bảng đen
nụ cười em chúm chím

ôi hòa bình hòa bình
anh có em làm vợ
em có anh làm chồng
hai đứa cùng nho nhỏ
như hai con sâu đo
đo từng phân hạnh phúc
trong căn nhà mệnh mông

ôi hòa bình hòa bình
ước mơ cha bỏ lại
khao khát mẹ không thành
chủ bác ta thất bại
sau kiếm tìm bao năm
hôm nay ta có được
như em trong lòng anh

như em trong lòng anh
ôi hòa bình hòa bình
những nén hương khỏ lụy
thắp cả lên một lần
để giã từ một thể
những oán hờn trăm năm
để nhớ thương một thể
những người không trở về
t bắt đầu trở lại

ta bắt đầu trở lại
ôi hòa bình hòa bình
chúng mình đã có nhau
hai đứa cùng nho nhỏ
như hai con sâu đo
đo từng phân hạnh phúc
giữa mùa đời mệnh mông.

Giải Hài-ký 72 của Hội Bút-Việt



Phó Tổng Thống
Trần Văn Hương
trao giải thưởng
Bút Việt 72 cho Ông.
Huỳnh Văn Lang.
Người đứng giữa là
L. M. Thanh Lãng
Chủ tịch Bút Việt.

Chiều ngày 17-1-73 Trung tâm Văn bút Việt nam đã tổ chức lễ phát giải Hài ký 1972—Giải duy nhất 100.000đ— cho ông Huỳnh văn Lang với tập «*Chứng nhân một chế độ*», dưới quyền chủ tọa của Phó Tổng Thống Trần văn Hương, cũng là Chủ tịch Hội đồng Văn hóa Giáo dục. Tham dự lễ này có các ông Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa và Tổng Trưởng Bộ Giáo dục, một vài tùy viên văn hóa nước ngoài, đông đảo các anh em nhà văn nhà báo trong và ngoài hội Bút Việt cùng một số nghệ sĩ và sinh viên.

* L.M. Thanh Lãng, Chủ tịch Trung tâm Văn bút V.N., có ngỏ lời cảm ơn Phó Tổng Thống cùng các vị tân khách. Kế đó nhà văn lão thành Tam Lang đại diện Hội đồng Tuyển trạch đã trình bày những điểm đặc biệt về giải hài ký 72. Theo ông năm 72, số

tác phẩm dự giải tuy không nhiều như những năm có các giải truyện, thơ... nhưng lại có nhiều tác phẩm giá trị. Có cuốn dày trên 600 trang đánh máy, có cuốn làm riêng ông mãi mê đọc 9 ngày liền. Qua 2 vòng phiếu thì còn 6 tác phẩm. Và qua vòng thứ ba thì tập *Chứng nhân một chế độ* đã được số phiếu nhiều nhất. Theo vị đại diện Hội đồng Tuyển trạch, tác phẩm trúng giải «với thể văn hài ký thuần nhất, lời văn sáng tỏ, cách diễn tả mạch lạc, có giá trị là những tài liệu chưa từng được đề cập và phổ biến, rất cần thiết cho các nhà viết sử về chế độ Đệ nhất Cộng hòa của Việt Nam».

Sau đó Phó Tổng Thống đã trao giải thưởng cho ông Huỳnh văn Lang. Ông Lang, trong lời phát biểu cảm tưởng, sau khi cảm ơn Phó Tổng Thống và Trung tâm Văn bút V.N. đã gây xúc động cho người nghe khi

đề cập tới hoàn cảnh đặc biệt lúc ông viết thiên hồi ký, cách đây 7 năm trong nơi bị giam cầm. Ông cho rằng thiên hồi ký của ông thực không phải là kết quả của những nỗ lực văn chương, «nhưng là kết quả của một cuộc sống với nhiều thăng trầm, với nhiều hi vọng cũng như thất vọng, với nhiều thực tế lớn lao và nhiều ảo tưởng chưa xót.»

Ông nói :

«Thật ra, khi viết thiên hồi ký này, tôi cũng không hề nuôi cái tham vọng làm việc của người chép sử. Tôi chỉ muốn viết cho tôi trước hết, có nghĩa như là một cuộc trắc nghiệm bản thân, ghi lại ít nhiều hoạt động, tư tưởng, có liên quan đến đời sống của tôi, với và trong một chế độ mà bây giờ đây người ta gọi là «chế độ cũ». Cái may, đồng thời cũng là cái rủi của tôi, là đã ở vào vị thế của một cá nhân có một đời sống gắn liền với những sinh hoạt thiết yếu của chế độ ấy, kéo dài gồm cả 10 năm, nên

có thể nhìn thấy được một số sự thực mà tôi nghĩ rằng những người từng bản khoăn đến vận nước, đều muốn biết đến. Tôi cũng hi vọng thời gian cũng như tai nạn đã giúp cho những nhận xét của tôi giữ được tính cách vô tư, đề thiên hồi ký có thể được gọi là «*Chứng nhân một chế độ.*»

Sau cùng Phó Tổng Thống có nói chuyện thân mật với cử tọa rằng ông rất yêu văn thơ mà lại phải hoạt động chính trị là một điều bất hạnh và ông rất vui thích được gặp lại các bạn văn quen thuộc trong khung cảnh này. Trong tiệc trà kết thúc lễ trao giải thưởng Phó Tổng Thống cũng ở lại rất lâu đàm đạo với mọi người.

Một việc bất ngờ rất lý thú, không có ghi trong chương trình, là nữ nghệ sĩ Kim Cương — người được giải nhất về Kịch của Bút Việt năm ngoái — đã tặng cho người được giải nhất về Hồi ký năm nay một bó hoa đề thắt chặt tình văn nghệ.

THẾ NHÂN

Chúc Tết đồng bào Miền Bắc

10 giờ sáng ngày mùng 3 Tết vừa qua, Đài Tiếng nói Tự Do có phát thanh «Lời chúc Tết đồng bào miền Bắc» của ông Huỳnh văn Lang, người vừa được giải 1972 của Trung tâm Văn bút VN.

Ông Lang có nêu trường hợp của ông là người Công giáo miền Nam, lại có vợ ở một gia đình Phật tử miền Bắc nên ông là con của miền Nam mà là rề của đất Bắc, 4 con ông là con dân miền Nam và là cháu ngoại miền Bắc;

sự hòa hợp trên đây cho phép ông đại diện gia đình ông gửi đến đồng bào miền Bắc lời chúc Tết chơn thành.

Sau đó ông nói đến hậu quả tàn khốc của cuộc chiến tại V.N. kéo dài trên một phần tư thế kỷ vừa được ngưng lại mấy ngày trước Tết. Bao nhiêu thế hệ thanh niên đã bị thiêu hủy trong khói lửa, chết mòn trong nhà tù, hay suy đồi, trụy lạc, vì

không còn tin tưởng ở ngày mai. Ông cho rằng không ai có thể nhơn danh bất cứ điều gì, dù là một chủ nghĩa hay một ý thức hệ, kể cả việc thống nhất đất nước, để xô đẩy cả một thế hệ trẻ nữa vào lò sát sanh của chiến trận, nhất là khi các siêu cường quốc thù nghịch cũng đã ngồi lại với nhau để chia sẻ thế giới. Theo ông «trên cái miền Bắc đồ vụn, trên cái miền Nam hoang tàn, dân hai miền chúng ta không thể mong muốn còn lại chỉ có loài sói dữ lang thang tìm nhật thây người.»

Sau cùng ước vọng của ông là :

«Rồi đây hai miền Nam Bắc, dù chưa thống nhất thì cũng phải hợp lại với nhau để trường tồn và xây dựng. Rồi đây nhân dân hai miền sẽ thương yêu trao đổi cho nhau những

hoa mầu của đất nước, những công trình của tay chơn, những tinh túy của trí não. Rồi đây hai miền Nam Bắc chúng ta, dù có ranh giới hay không ranh giới cũng sẽ kề vai nhau để tranh đua với các nước láng giềng, để cạnh tranh với các nước trên thế giới. Sự ganh đua giữa hai miền nếu có, thì sẽ chỉ là sự ganh đua để phát triển, ganh đua để xây dựng, mà kẻ thừa hưởng sẽ là thế hệ con em của chúng ta ngày mai, của cả dân tộc Việt Nam ngày mai. Rồi đây mọi sự khác biệt về chủ nghĩa, về ý thức hệ, về tôn giáo sẽ còn lại là những sự khác biệt về hình thức, lắng đọng lại trong lòng dân tộc».

TRÀNG THIÊN

Tạp chí cho trẻ em Việt tại nước ngoài

Tạp chí này mang tên là «TRE NON», dày khoảng 50 trang, viết bằng tiếng Việt, 2 tháng ra một lần dành cho các trẻ em Việt sống tại Âu châu, nhất là những trẻ em Việt bị thương vì chiến cuộc ở V.N., được điều trị tại các bệnh viện Tây Đức, Pháp, Thụy sĩ cũng như các trẻ em Việt vì chiến cuộc mà phải làm con nuôi tại các gia đình ở Âu châu. Tờ báo gửi tặng không cho các trẻ em Việt này xuất bản tại Tây Đức, đã ra đời từ 2 năm nay, do sáng kiến của một số sinh viên Việt tại Đại học đường Saarland. Một trong những người chủ trương của tờ *Tre Non* là anh Võ Diệu Hào, 21 tuổi, học ngành Điện ở Saarbrücken, đã được một tờ báo địa phương, báo *Sarrbruc-*

ker Zeitung phỏng vấn và giới thiệu tờ báo trẻ em V.N. Báo Saarbrucker Zeitung, số ra ngày 18 và 19-11-72, sau khi tiếp xúc với Võ Diệu Hào—con trai nhà văn Võ Hồng—đã viết như sau :

«Ý-kiến làm báo được này sinh qua cuộc viếng làng của các sinh viên Việt-Nam, nơi đó các trẻ em Việt-Nam đang sống. «Chúng tôi nhận thấy rằng hầu như các em không có dịp đọc hay viết tiếng mẹ đẻ». Tờ báo vì thế phải thích hợp và tạo nên những liên lạc mới với quê hương. Khó khăn chính là những khác biệt về trình độ của các em và về vấn đề tài chánh. Hình thức TRE NON vì thế phức tạp và đa-diện. Cái hay được thấy đầu tiên là trong đó có các truyện

cổ tích Âu-châu, đặc biệt những xứ bạn của các em. Những đoạn văn Việt nam ngắn, thay đổi dưới hình thức truyện, phóng sự về khoa học, nghệ thuật, địa lý, phong cảnh. Lịch sử Việt Nam cũng được đề cập đến. Và những văn sĩ bên nhà, Võ Diệu-Hào cũng có liên lạc chặt chẽ và có trích đăng những đoạn văn của họ. Câu đố trò chơi, bài hát Việt-Nam với nốt nhạc, cũng như những chỉ dẫn làm thủ công, lồng đèn và tranh tô màu. Tin tức từ các làng trẻ Việt ở Âu-châu cũng có theo đó. Và các em cũng có viết thư, viết những bài văn ngắn (đương nhiên thư được hồi âm), như thế, mục Trả lời Thư tín được đặt ra. Võ Diệu-Hào và những người đồng hương muốn nhiều hơn nữa «mỗi làng trẻ em, nơi các em Việt Nam sống, phải nhận thêm những sách báo Việt-Nam từ một tủ sách dành cho các em». Bước đầu đã được làm. Thư liên lạc cũng như vật chất đã được xúc tiến về Việt-Nam, luôn luôn có những bạn Việt-Nam khác ở các Đại-học tích-cực tham-dự và giúp đỡ. «Ngay lúc này, lúc mà viễn

ảnh Hòa-bình đang lớn dần, sự liên lạc giữa các em với bên nhà cần được đầy mạnh hơn nữa» Võ Diệu-Hào nói. Có lẽ lúc này sẽ nhận được nhiều giúp đỡ vật chất của cơ quan đại-diện Ngoại-giao tại Tây-Đức. Người sinh-viên Việt-Nam học Điện này lạc-quan : «Chắc chắn có những người sẽ giúp đỡ chúng tôi chút ít nếu họ biết rõ việc làm của chúng tôi».

Các nhà văn ở Việt Nam vẫn viết sách báo cho trẻ em, các tuần báo và các nhà xuất bản sách thiếu nhi ở V N. nếu muốn giúp đỡ bài vở cho nhóm chủ trương TRE NON, hoặc muốn gửi tặng sách báo cho các em Việt-nam điều trị ở những bệnh viện Âu châu, xin gửi cho Tòa soạn TRE-NON theo địa chỉ sau đây :

Zeitschrift TRE NON

C/o Võ Diệu-Hào

D. 66 Saarbrücken

Saaruferstr 12 Zi 315

West-Deutschland

THẾ NHÂN

Mừng thi sĩ Vũ Hoàng Chương

Nhà thơ lão thành Đông Xuyên là một trong những người đã giới thiệu nồng nhiệt nhà thơ Vũ Hoàng Chương trong giải Tuyên dương sự nghiệp Văn chương. Nay Vũ Hoàng Chương đã trúng giải, ông liền viết một bài thơ mừng với nhan đề :

« Mừng Thi sĩ Vũ Hoàng Chương được tuyên dương văn nghiệp ».

Bài thơ như sau :

Trời sinh ra anh Vũ Hoàng
Chương
Trời đã không ghen, Trời lạ
nuông !

Tuổi thọ ban cho đầy tóc bạc, (1)
Hồn thơ giáng xuống chói sao
vàng.

Được người suy-tưởng (2) trên
văn-uyển,
Hơn tương thành-công giữa
chiến-trường !

Mừng bạn, lòng ta. sóng nổi
sóng,
Giòng Đông cuộn cuộn, nước
mênh mang . . !

ĐÔNG XUYỀN

(1) V.H.C. rói đầu chưa bạc lắm, xin đổi chữ «đầy» ra «chưa».

(2) Suy-tưởng : anh em ủng hộ, Tổng Thống tưởng thưởng.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nguyễn Văn Hẫu và Thoại Ngọc Hầu.

Nguyễn Văn Hẫu, tác giả «*Chi sĩ Nguyễn Quang Diêu*» — cuốn sách đã được giải thưởng Văn chương toàn quốc 1966 và hiện đang được tái bản — đã cho sắp chữ cuốn biên-khảo công phu nhất của ông : *THOẠI NGỌC HẦU và cuộc khai phá miền Hậu giang*. Để viết cuốn này tác giả đã bỏ gần 20 năm để sưu tầm tài-liệu trong các thư viện, văn-khố trong và ngoài nước ; ông lại còn đến tại những nơi có di-tích của Thoại Ngọc Hầu tổ chức đào những tấm bia đã bị vùi sâu trong lòng đất bao nhiêu năm để nghiên cứu. Ông đã sao chép được những bằng, sắc, liên hệ đến vị công thần đã khai phá miền Hậu giang, ghi lại được văn tế những người dân đã chết trong việc đào kinh Vĩnh tế, những mẩu chuyện về lập làng, bắc cầu, đắp đường từ ngót 2 thế kỷ trước... Hình ảnh ông chụp lại được cũng rất nhiều. Bởi vậy việc ấn loát cuốn sách cũng là một công trình lớn và công trình này Nhà xuất bản Nam Cường đã nhận lãnh và có thể cuốn sách sẽ ra mắt độc giả vào những tháng đầu năm Quý Sửu này.

Cũng nên ghi thêm là hiện nay tại An Giang, Hội Ái hữu Cựu học sinh trường trung học Thoại Ngọc Hầu, do ông Trần Ngọc Phú làm Chủ tịch, cũng đang khởi công đắp một bức tượng của Thoại Ngọc Hầu và có thể là bức tượng sẽ được hoàn thành cùng lúc với cuốn sách chăng ?

Cơ cấu Việt ngữ và nguồn gốc Việt ngữ

Nhà xuất bản Lửa Thiêng là một nhà xuất bản duy nhất ở Miền Nam này, đã ấn hành được ngót 50 cuốn sách dành cho các sinh viên Đại-học, với nhiều cuốn chuyên môn rất khó bán. Nay nhà Lửa Thiêng lại khởi sự cho sắp chữ cuốn «*Cơ cấu Việt ngữ*» của Giáo sư Trần Ngọc Ninh. Đây là một bộ sách khoảng trên dưới 1000 trang gồm nhiều tập và tập 1 có thể ra mắt độc giả vào khoảng vài tháng sắp tới.

Giáo sư Trần ngọc Ninh là tác giả nhiều bài biên khảo trên Bách Khoa, không xa lạ gì với các bạn đọc. Khi được hỏi về nội dung bộ sách, ông cho biết đó là sách viết về ngữ-pháp Việt-nam theo ngữ-lí-học cơ-cấu nên sách mang tên là «*Cơ-cấu Việt-ngữ*». Ông cũng tâm sự rằng đáng lẽ ông viết cuốn «*Đi tìm nước Việt*» một đại quan về lịch sử dân tộc Việt, chứng minh tinh thần quốc gia Việt-nam để trả lời một số chính khách và nhà văn hóa ngoại quốc cho rằng ý niệm quốc-gia của Việt-nam không rõ rệt... Tuy đã viết được 5,6 chương, nhưng rồi ông vấp phải hai điều khó khăn. Khi đề cập đến huyền thoại của dân tộc ông không tìm được đủ tài liệu cần thiết và khi đề cập đến ngôn ngữ Việt-nam, ông không thỏa mãn với các sách hiện có, viết về nguồn gốc Việt ngữ và về tính cách Việt ngữ. Bởi vậy ông trở lại nghiên cứu về ngôn ngữ Việt-nam và chỉ bắt đầu viết «*Cơ cấu Việt ngữ*» từ năm 1968 và viết xong năm 1971.

Khi viết xong cuốn sách trên, ông lại viết tiếp cuốn «*Nguồn gốc Việt ngữ*» Cuốn này nghe nói cũng đã xong, nhưng trong một dịp xuất ngoại, sau khi tiếp xúc với một vài nhà ngữ-lí-học chuyên khảo về ngôn ngữ Thái bình-dương và Đông-nam-Á, giáo sư Trần Ngọc Ninh lại muốn xem lại một vài chương liên quan đến Thái ngữ và Mã lai - Chàm ngữ. Có thể trong năm 1973 cuốn «*Nguồn gốc Việt ngữ*» cũng sẽ được ra mắt bạn đọc, tiếp theo cuốn «*Cơ cấu Việt ngữ*»..

Tính phái

Mặt khác Nhà Lửa Thiêng cũng sẽ cho xuất bản một cuốn sách mới của Ô. Võ Quang Yến — một cây bút khoa học của tạp chí Bách Khoa từ trên 10 năm nay. Cuốn sách mang tên «*Giáo dục tính phái*» trình bày sự kết thai và sinh sản của các loài, từ thảo mộc đến sinh vật, từ giống đơn bào đến loài vật, loài người. Sách viết rõ ràng, với rất nhiều hình vẽ, vừa cung cấp kiến thức cho người đọc, vừa chỉ dẫn tất cả mọi phương pháp thụ thai, ngừa thai theo ý muốn.

Nếu thuận tiện, chúng tôi sẽ xin phép các tác giả và nhà xuất bản để trích đăng một hai chương trong hai tác phẩm trên đây để giới thiệu trước cùng bạn đọc.

Câu thơ thứ ba

Trong bài Tùy bút «*Ba tiếng đứt ruột*» của Vũ Hoàng Chương trên Bách Khoa (B) 382 (1-12-72), nhà thơ vừa được giải tuyên dương sự nghiệp Văn chương có nhắc đến một

bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du mà ông chỉ nhớ có 2 câu đầu và câu thứ 4 nên ông phải «*mạo muội đặt lấy đề cuồng ngâm*» câu thứ 3 thành bài thơ như sau :

«*Lăng tằng trường kiểm ý thanh thiên
Triền chuyển nê đồ tam thập niên
Thùy liệu giang sơn tam biến hậu(1)
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.*»

Nay một bạn đọc Bách Khoa cho biết bài thơ «*Khất thực*» đó của Nguyễn Du có 4 câu đầu, thật ra như sau :

«*Tằng lăng trường kiểm ý thanh thiên
Triền chuyển nê đồ tam thập niên
Văn tự hà tăng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên*»

....

Các ông Phạm Khắc Khoan và Lê Thước đã dịch nghĩa như sau :

«*Hiên ngang tựa kiếm đứng trông trời
Ba chục năm qua chốn vững lầy
Chữ nghĩa ích gì cho cuộc sống
Áo cơm buồn những chịu ơn người.*»

Bình ca

Phạm Duy trong Bách-Khoa số Tết cho biết là anh đã làm xong 7 bài «*Bình ca*». Nay thì anh đã làm xong 10

(1) Câu thứ 3 này của Vũ Hoàng Chương đặt ra và ông đã dịch thành 3 bài, trong đó có bài thứ 3 như sau :

*Tươi xanh chót vót dựng gươm dài
Ba chục năm, xuyên bùn vượt gai
Chớp mắt non sông ba cuộc biến
Đâu ngờ thân lụy áo cơm ai!*

bài. Như vậy là sau 10 bài Tâm ca, Tục ca, Đạo ca, giờ đây anh lại hoàn thành 10 bài Bình ca mang những tên theo thứ tự như sau: *Bình ca, Sống sót trở về, Đường như là hòa bình, Xin tình yêu giàng sinh (Thơ Trữ Vũ) Xuân hiền, Ru mẹ, lời chào bình yên Giã từ ác mộng (Địa đàng tìm thấy) Chúa Hòa bình, Ngày sẽ tới.*

Trong khi Phạm-Duy đang mê say đi vào một loại ca khúc mới mẻ khác sau *Bình ca* thì Georges E. Gauthier lại mong đợi anh viết

Trường ca trường sơn như anh đã hứa. Gauthier cũng mong đợi những thư từ của các bạn đã đọc loạt bài của anh viết về nhạc Phạm-Duy và xin các bạn cứ viết thư cho anh bằng tiếng Việt, anh sẽ nhờ các bạn Việt-nam ở Montréal dịch ra họ. Địa chỉ của anh như sau :

Georges-Etienne Gauthier

3384 rue Lacombe, Apt. 4

Montréal 250, Québec — Canada

TRĂNG THIÊN

thuốc ho viên

Pectal FORT

trị các chứng **HO**



ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm - suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan

ho từng cơn

ho ra đàm

cảm suyễn

sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Sách báo mới

— Ai có về Qui nhơn của Trần đình Thái do Tủ sách Đẹp Quê Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang trình bày lịch sử, địa lý, phong tục, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, các cơ quan và thắng cảnh Qui nhơn với nhiều hình ảnh địa phương đẹp. Giá 300đ.

— Bóng anh là bóng em nguyên tác « Ton ombre est la mienne » của Hàn-Tú-Anh, Tịnh Minh Quang phiên dịch, Nguồn Sáng xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 156 trang có phần giới thiệu tác giả và tác phẩm. Giá 230đ.

— Kể lữ hành cô độc tập thơ của Huyền Không do Huyền Trang xuất bản và gửi tặng. Thi phẩm thứ 4 của tác giả dày 42 trang gồm 18 bài thơ, trình bày đẹp. Giá 200đ.

— Hải Triều Âm, cơ quan phát khởi nền Quốc học. Phật học và Văn hóa V.N. do Tổng vụ Văn hóa chủ trương, số 1 Xuân Quý Sửu. Tam nguyệt san do T.T. Thích Mãn Giác làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, dày 166 trang gồm những bài biên khảo giá trị của Thích Mãn Giác, Nguyễn Đăng Thục, Thạch Trung Giả, Lê văn Siêu, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Bá Lăng, Nguyễn Nhuận, Doãn Quốc Sỹ, Trần văn Khê. Giá 300đ.

— Giọt trắng, tập thơ của Quách Tấn, do Nhà xuất bản Rừng Trúc in tại Paris 1973 và gửi tặng. Sách dày 88 trang, gồm bài giới thiệu của nhà thơ Thi Vũ ở Paris « Nhìn ngấm Giọt trắng » và tiếp là 60 bài Ngũ tuyệt, mỗi bài in trên 1 trang, trích

trong 100 bài của tác giả sáng tác từ 1966 đến 1972. Toàn tập do Thi Vũ trình bày thật công phu và đẹp trên giấy rất quý.

— Tình sử quê hương tập thơ của Hoàng Yên Sơn do Hương Đi xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm 20 bài thơ trong có những bài lục bát dài kể lại Sự tích Chữ Đồng Tử - Tiên Dung, Trầu Cau, Trương Chi My Nương, Quan Âm Thị Kính v.v.. Giá 200đ.

— Lao vào tuyển lửa bút ký chiến trường của Trung Kiên Lê văn Nguyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 8 bài; tác giả là một cây viết trong binh chủng TQLC — hiện là thương phế binh — tường thuật rõ ràng những trận chiến lịch sử: Huế (Mậu Thân 1968), Hạ Lào (1971) Giới tuyến (1972). Giá 250đ.

— Lập đông tập truyện của Trùng Dương do Nguyễn Đình Vượng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 5 truyện ngắn mới nhất của tác giả. Có trên 16 trang Từ điển Việt Nam do Vũ Bằng chủ biên. Giá 100đ.

— Màu mắt tháng Giêng tuyển tập thơ văn Xuân Quý sừ 73 do Hội Ái hữu Cựu học sinh Trung học Phú Yên xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang gồm: đoản văn, thơ, truyện, phỏng vấn của các cây bút địa phương, trong có nhiều cây bút quen thuộc như Hoàng Đình Huy Quan, Nhã Nam, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Lệ Uyên, Khánh Linh, Phạm Ngọc Lữ v.v...

— Tình ca gửi người em cố xứ Bùi Bá Bồng do Trường Cửu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 32 trang gồm 14 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Yết kiều** các số 1, 2, 3, Giai phần xuất bản hàng tuần dành cho nhi đồng V.N., do các văn họa sĩ trẻ thơ thực hiện. Chủ biên: Anh Đào, Cố vấn kỹ thuật: Họa sĩ Đinh Hiền. Tờ báo khổ 22×32 , gồm toàn những truyện bằng tranh vui, đẹp, hấp dẫn, không có một nét của ngoại quốc, do nét vẽ của 5 họa sĩ khác nhau thực hiện. Giá mỗi số 20đ.

— **Mai sau đặc san Tết Quý Sửu 73** của Lớp Văn phạm Anh ngữ Bất-Khuất, Bồ Đề, Nha Trang xuất bản, Giáo sư Huỳnh Tấn gửi tặng. Mỗi số dày 188 trang gồm những sáng tác văn nghệ của học sinh và Tổng kết một cuộc phỏng vấn gồm 25 câu về sự học, tương lai, nỗi buồn, niềm vui, đọc sách gì v.v...

— **Đi qua đời tôi** tập thơ của Xuân Hữu do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng. Tập thơ in ronéo gồm 15 bài thơ.

— **Vân đài loại ngữ**, Việt nam Bách khoa Toàn thư; do Quế Đường Lê Quý Đôn biên soạn, Phạm Vũ và Lê Hiền dịch và chú giải, Miền Nam xuất bản và gửi tặng. Sách dày 560 trang gồm 9 chương từ Lý khí loại, Hình tượng loại đến Phạm vật loại. Phạm Trọng Huyền đề từ, Trần Danh Lâm đề tựa, có phụ lục một số bài thơ, văn quốc âm của Lê Quý Đôn. Giá 840đ.

— **Tìm hiểu mặt trăng** của Trần Kim Thạch do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 9 của tác giả, dày 168 trang gồm 10 chương từ Hình thể học, Tính chất vật lý, Cơ cấu, Đất đá v.v... đến Tuổi

và nguồn gốc của mặt trăng, trình bày rất đầy đủ và sáng sủa, người đọc ở trình độ nào cũng lĩnh hội được. Rất nhiều hình vẽ và hình chụp. Bản đặc biệt.

— **Biện chứng pháp là gì?** của Trần Thái Đình do Văn Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 222 trang, in lần thứ 2 gồm 4 chương từ Biện chứng pháp duy niệm, duy linh, duy vật đến Biện chứng pháp ngày nay. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— **Zen và ý thức nói về ăn chay** của Thái Khắc Lễ do Nhà sách Khai Trí xuất bản và nhà phát hành gửi tặng. Sách dày 460 trang, biên soạn công phu, gồm 9 chương trình bày nghệ thuật ăn chay với nguyên lý Âm Dương, Đạo vị của bát cơm Ohsawa. Phụ lục: được tính các thực phẩm từ thóc, lúa, gạo đến các rau, đậu, hoa quả v.v... Giá 350đ.

— **Thời mù sương** tập truyện của Nguyễn Mai, do Tiếng Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm đầu tay của tác giả dày 180 trang, gồm 15 truyện ngắn, trình bày trang nhã. Giá 240đ.

— **Nhà có Hoa Mimosa Vàng** tập truyện của Hoàng Ngọc Tuấn do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 162 trang gồm 6 truyện ngắn, trình bày đẹp. Giá 250đ.

— **Mùa hè đỏ lửa** bút ký chiến tranh của Phan Nhật Nam do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 236 trang ghi những ngày máu lửa: Charlie An Lộc, Quảng Trị, Cờ Thành... với lối viết rất sống làm xúc động người đọc. Bản đặc biệt.

PHÂN ƯU

Cụ Vân Đồn TRẦN HUYỀN ĐOAN

Thân phụ nhà thơ TRẦN HUYỀN ÂN đã thất lạc tại Tuy Hòa ngày 28-01-1973 hưởng dương 75 tuổi. Xin cầu nguyện anh hồn Cụ sớm tiêu diêu miền Cực Lạc và xin chia buồn cùng anh Trần Huyền Ân và gia đình.

Lê Ngô Châu, Nguyễn Ngu Í, Nhã Nam, Lê Phương Nguyên, H.Đ. Huy-Quan. K. Linh. P.N. Lư, P.C. Hoàng, N.L. Uyên, Phan Tiên Hương, Thương Linh, Trần Thịnh, Phan Long Côn, M.V. Long và bằng hữu.

